

KINH TẾ - XÃ HỘI

Chủ tịch Hội đồng biên tập - Chủ biên
ThS. Chúc Kim Vinh

Chịu trách nhiệm xuất bản
ThS. Chúc Kim Vinh

Ủy viên HĐBT

GS.TS. Bùi Minh Trung
PGS.TS. Hoàng Thị Bích Ngọc
PGS.TS. Lê Hoàng Sơn
TS. Hoàng Minh Châu
TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan
TS. Nguyễn Thị Thanh Phương
TS. Vũ Thị Phương Thủy
TS. Nguyễn Quang Hưng
TS. Nguyễn Minh Dũng

Ban biên tập

PGS. TS. Đỗ Cảnh Thìn
TS. Trần Thị Lan
TS. Hoàng Thị Bích Hà
TS. Phạm Ngọc Hải
TS. Nguyễn Thế Anh
TS. Cao Minh Tiến
TS. Lê Quang Thắng
ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
KS. Phạm Quang Quý

Giấy phép xuất bản

64/GP-XBDS ngày 17/5/2024
của Cục Báo chí
Bộ Thông tin và Truyền thông

Mỹ thuật

Hải Liên

Trụ sở

Số 03 NV03, Khu đô thị Lideco
Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
ĐT: 024.202.35566
Fax: 024.202.3566

In tại

Công ty TNHH In Khuyến Học

- 02| **Việt Tuấn:** Bức tranh kinh tế xã hội năm 2024 - Định hướng phát triển năm 2025
- 07| **Đặng Xuân Hoan:** Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2025-2030: Định hướng và giải pháp
- 10| **Đỗ Phong:** 11 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế xã hội năm 2025
- 13| **Nguyễn Đức Khiêm:** Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam hiện nay

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 19| **Hà Thị Hồng Lan:** Nhận diện tội phạm xuyên quốc gia - Những vấn đề đặt ra đối với công tác đấu tranh phòng, chống trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam
- 24| **Nguyễn Vi Thiện:** Xu thế tăng cường ứng dụng thực tế ảo và công nghệ mạng 5G trong hoạt động chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo bậc đại học ở Việt Nam hiện nay
- 29| **Đinh Duy Thịnh:** Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu tình hình mới
- 35| **Cao An Khang:** Tội sản xuất, buôn bán hàng giả theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 và những vấn đề trong áp dụng thực tiễn
- 42| **Nguyễn Thị Nga:** Một số vấn đề về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến quốc lộ tại Việt Nam
- 46| **Nguyễn Hồng Quân:** Phòng, chống tội phạm rửa tiền tại Việt Nam hiện nay - Những thách thức và giải pháp
- 50| **Bùi Thị Cẩm Ninh:** Khắc sâu lời Bác dạy về xây dựng Đảng, phát huy tinh thần dân tộc và rèn luyện đạo đức cách mạng đối với thế hệ trẻ Việt Nam trong xây dựng, phát triển đất nước
- 55| **Triệu Đức Khánh:** Phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai
- 60| **Bùi Bảo Trung:** Các thủ đoạn của tội phạm lừa đảo qua không gian mạng và biện pháp trong đấu tranh, phòng ngừa với loại tội phạm mới này
- 65| **Đặng Tố Ly:** Những thách thức từ an ninh phi truyền thống và giải pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ an ninh phi truyền thống, trọng tâm trong đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin nước ta hiện nay
- 72| **Đinh Phương Thảo:** Phân tích pháp lý về vụ tự dàn dựng bắt cóc tống tiền
- 75| **Nguyễn Thanh Tuấn:** Tính chất pháp lý của chế định án treo trong Bộ Luật hình sự Việt Nam.

BỨC TRANH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2024 - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

□ VIỆT TUẤN *

Chặng đường năm 2024 đã gần kết thúc với 14/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó nổi bật là chỉ tiêu năng suất lao động đã vượt kế hoạch đề ra sau 3 năm không đạt; tình hình kinh tế xã hội có nhiều diễn biến tích cực, tháng sau cao hơn tháng trước; quý sau cao hơn quý trước. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhìn vào tổng thể bức tranh toàn cảnh nền kinh tế cho thấy, vẫn còn không ít tồn tại, hạn chế, bất cập, gặp nhiều khó khăn, thách thức, dẫn đến ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro; hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, chi phí sản xuất cao; sức mua chậm lại, nợ xấu có xu hướng tăng; giải ngân vốn đầu tư chậm... Đặc biệt, thể chế, pháp luật còn nhiều vướng mắc, điểm nghẽn cần tháo gỡ; việc cắt giảm một số thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện kinh doanh chưa được xử lý kịp thời. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là các ngành công nghệ cao, ngành kinh tế số, kinh tế xanh, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, điện toán đám mây...chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Vì vậy, cần có các giải pháp mang tính đột phá, tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn, trong đó thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là: Hoàn thiện thể chế, pháp luật, phát triển hạ tầng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Điểm sáng trong bức tranh toàn cảnh nền kinh tế

Theo báo cáo của Chính phủ, tính đến hết tháng 9/2024 cho thấy, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế cao hơn mục tiêu đề ra, các cân đối lớn được bảo đảm; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia và bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát tốt, thấp hơn giới hạn cho phép. Tăng trưởng GDP 9 tháng đạt 6,82%; ước cả năm đạt 6,8 - 7%, cao hơn mục tiêu Quốc hội giao (6 - 6,5%), thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới, được nhiều tổ chức quốc tế lớn, có uy tín đánh giá cao. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng tăng 3,88%. Thị trường ngoại hối cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất giảm. Thu ngân sách nhà nước 9 tháng đạt 85,1% dự toán, tăng 17,9% so với cùng kỳ, trong khi ước cả năm miễn, giảm, gia hạn gần 200 nghìn tỷ đồng thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất. Kim ngạch xuất nhập khẩu tính đến 15/10/2024, đạt 610,5 tỷ USD; xuất siêu 21,24 tỷ USD. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm; thị trường lao động phục hồi tích cực.

Đầu tư phát triển đạt kết quả tích cực. Đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, đã tập trung triển khai nhiều dự án, công trình quan trọng, trọng điểm với tinh thần “vượt nắng, thắng mưa, không thua gió bão”, “ăn tranh thủ, ngủ khẩn trương”, “làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”, “3 ca, 4 kíp”, “xuyên ngày nghỉ, ngày lễ, Tết”; hoàn thành Dự án 500kV mạch 3 Quảng Bình - Hưng Yên sau hơn 6 tháng thi công thần tốc và tích cực triển khai nhiều dự án, công trình điện trọng điểm; hoàn thành một số đoạn đường bộ cao tốc, nâng tổng chiều dài lên 2.021 km. Phát triển doanh



ngành tiếp tục xu hướng tích cực. Thu hút FDI là điểm sáng, vốn thực hiện đạt 17,3 tỷ USD, tăng 8,9%, cao nhất nhiều năm qua, trong bối cảnh đầu tư toàn cầu sụt giảm.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt kết quả rõ nét, nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy; tổ chức tốt các ngày lễ lớn. An sinh xã hội

được bảo đảm; thực hiện tăng lương cơ sở và điều chỉnh lương hưu, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, đồng thời triển khai hiệu quả các giải pháp để bảo đảm tăng lương nhưng không tăng giá. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, tín dụng chính sách xã hội được đẩy mạnh. Các giải pháp, chính sách giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1%, còn 1,93%; chỉ số hạnh phúc tăng 11 bậc, xếp thứ 54/143. Xây dựng nhà ở xã hội đạt kết quả tích cực; trong thời gian ngắn, đã huy động trên 6 nghìn tỷ đồng cho phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát. Chính phủ đã cấp trên 432 tấn gạo, hỗ trợ khẩn cấp 430 tỷ đồng cho địa phương và đang rà soát tổng thể

Các tổ chức quốc tế lớn dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 ở mức 2 - 3%, thấp hơn hoặc tương đương năm 2023. Trong đó: IMF dự báo: Thế giới tăng 3,2%, Hoa Kỳ 2,6%, EU 0,9%, Trung Quốc 5%, Nhật Bản 0,7%; WB dự báo: Thế giới tăng 2,6%, Hoa Kỳ 2,5%, EU 0,7%, Trung Quốc 4,8%, Nhật Bản 0,7%; OECD dự báo: Thế giới tăng 3,2%, Hoa Kỳ 2,6%, EU 0,7%, Trung Quốc 4,9%, Nhật Bản -0,1%. Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024: Singapore tăng 3,0%, Thái Lan tăng 2,4%, Malaysia tăng 4,9%, Indonesia tăng 5,0%. Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam lên mức BB+ (từ mức BB) với triển vọng "Ổn định"; Moody's xếp hạng ở mức Ba2, triển vọng "Ổn định"; S&P xếp hạng ở mức BB+, triển vọng "Ổn định"; WB dự báo năm 2024 Việt Nam tăng 6,1%, HSBC dự báo tăng 6,5%, ADB dự báo tăng 6%, IMF dự báo tăng 6,1%.

thiệt hại để tiếp tục hỗ trợ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã vận động và tiếp nhận trên 2,15 nghìn tỷ đồng hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3.

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên; kiểm soát tốt các loại dịch bệnh. Chuyển đổi số và khám chữa bệnh từ xa được đẩy mạnh; y tế tư nhân tiếp tục phát triển. Lao động, việc làm chuyển biến tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên; lực lượng lao động, tỷ lệ lao động có việc làm tăng; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm; thu nhập bình quân người lao động đạt khoảng 7,6 triệu đồng/tháng, tăng 7,4%...

Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Các lĩnh vực chủ yếu đều tăng trưởng tốt. Công nghiệp phục hồi tích cực, là động lực quan trọng, dẫn dắt tăng trưởng. Dịch vụ duy trì đà phục hồi tốt; thương mại điện

tử, du lịch phát triển mạnh. Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khá; phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và công nghệ cao.

Quyết liệt cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; tích cực xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả. Hiệu quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước được cải thiện và nâng lên về chất lượng. Công tác quy hoạch được đẩy mạnh với 110 quy hoạch được lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển đổi số, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được chỉ đạo quyết liệt với tư duy đổi mới trong cách nghĩ, cách làm; rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế, khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Tập trung cắt giảm, đơn giản

hóa thủ tục hành chính, tiết giảm chi phí tuân thủ, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”; tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, thuận lợi. Chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và triển khai Đề án 06 đạt nhiều kết quả tích cực. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam năm 2024 tăng 15 bậc, xếp hạng 71/193. Tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tập trung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tiếp tục chấn chỉnh tình trạng cán bộ, công chức đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm.

Ngoài ra, công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục là những điểm sáng trong bức tranh tổng thể về kinh tế - xã hội trong năm 2024 với bối cảnh nhiều diễn biến phức tạp cả trong nước và quốc tế.

Một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với mục tiêu GDP 7 -7,5%

Thủ tướng Phạm Minh Chính đã báo cáo trước Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 và trong các phiên thảo luận về tình hình kinh tế xã hội; đồng thời, theo nhiều nhận định của các chuyên gia kinh tế và các tổ chức quốc tế cho thấy, năm 2025 tình hình thế giới và khu vực tiếp tục được dự báo có những diễn biến phức tạp, khó lường; đan xem giữa cơ hội - thách thức do

GDP Quý I tăng 5,87%, Quý II tăng 7,09%, Quý III tăng 7,4% Đến hết năm 2024, dư nợ công khoảng 36 - 37% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 33 - 34% GDP, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 21 - 22% tổng thu NSNN, trong phạm vi Quốc hội cho phép, tạo dư địa thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển KTXH, ứng phó với những biến động phát sinh. Trong 9 tháng, có 183 nghìn DN thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 9,7%. Thu hút FDI 9 tháng đạt 24,78 tỷ USD, tăng 11,6%; ước cả năm đạt 39 - 40 tỷ USD, vốn FDI thực hiện ước đạt 23 tỷ USD, cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế.

tình hình địa chính trị ở các khu vực tác động đến giá xăng dầu - là mặt hàng chiến lược phục vụ phát triển kinh tế; yếu tố kinh tế - thương mại phục hồi chậm, tổng cầu, đầu tư toàn xã hội sụt giảm, diễn biến tỷ giá, lãi suất khó lường...chắc chắn sẽ tác động đến nền kinh tế trong nước. Vì vậy, với mục tiêu đặt ra tăng trưởng GDP 6,5 - 7% và phấn đấu 7-7,5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng khoảng 4,5%; tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 0,8 -1%... đòi hỏi Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương cần triển khai đồng loạt, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp đề ra. Theo đó, thứ nhất cần ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới. Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, nhất là các chương trình, dự án, công trình quan trọng quốc gia. Thu hút FDI có chọn lọc, phát triển mạnh thị trường vốn, thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, kiểm soát tốt nguồn cung, giá cả hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu, tăng cường xúc tiến thương mại; mở rộng, khai thác hiệu quả thị trường mới; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, và các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, Internet vạn vật.... Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn.

Thứ hai là, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của

Thủ tướng Phạm Minh Chính: Đổi mới mạnh mẽ tư duy, cách nghĩ, cách làm như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì phải làm” “Chỉ tiêu nào chưa đạt thì phải đạt, chỉ tiêu đạt rồi, thì phải nâng cao chất lượng, hiệu quả”, phấn đấu cao nhất hoàn thành các mục tiêu đề ra. Bám sát thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh trên tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung”, “đã nói là làm, đã cam kết là phải thực hiện; đã làm, đã thực hiện là phải có hiệu quả”, “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, chỉ bàn làm, không bàn lùi” “Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trên tinh thần “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, Trung ương, Chính phủ, Quốc hội giữ vai trò kiến tạo” . Xây dựng, phát triển đất nước trên tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc” .

nền kinh tế. Phối hợp hài hòa, chặt chẽ, hiệu quả các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô. Nâng cao chất lượng tín dụng; phấn đấu tăng trưởng tín dụng trên 15%. Tập trung cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, xử lý các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; quản lý chặt chẽ, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu thu NSNN năm 2025 cao hơn ít nhất khoảng 5% so với năm 2024; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát bội chi, nợ công trong giới hạn an toàn, hợp lý, tận dụng dư địa để huy động thêm nguồn lực cho phát triển.

Thứ ba là, đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển với tư duy đổi mới “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các

nguồn lực phát triển, tạo không gian phát triển mới”, nhất là đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên mới, bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; triển khai hiệu quả các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, tháo gỡ chông chéo, bất cập; vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động, tích cực sửa đổi. Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực; phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp; kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”. Quyết liệt đổi mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh

chuyên đổi số quốc gia, triển khai hiệu quả Đề án 06.

Thứ tư là, tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, nhất là các dự án mang tính chiến lược về hạ tầng giao thông, năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu... Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu. Phân đấu hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc và phân đấu khởi công tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Tích cực hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam trong năm 2025. Thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển điện lực và năng lượng tái tạo, hydrogen. Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng số quốc gia, hạ tầng đổi mới sáng tạo...

Thứ năm là, thúc đẩy cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyên đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng công bằng, bền vững. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ; triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị; triển khai hiệu quả Đề án phát triển 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp. Phân đấu năm 2025 đạt 20 triệu lượt khách quốc tế.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh triển khai các giải pháp như: Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe nhân dân; nâng cao năng lực khám, chữa bệnh; kiểm soát tốt các dịch bệnh; mở rộng hoạt động khám chữa bệnh từ xa, tăng cường hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; sử dụng bảo hiểm y tế không bị giới hạn về địa giới hành chính; chú trọng bảo đảm an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, công tác người cao tuổi, thanh niên, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho trẻ em. Tăng cường phòng, chống tệ nạn xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển xanh. Phát triển bền vững kinh tế biển và không gian biển quốc gia. Hoàn thiện, đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Đẩy mạnh hợp tác trong bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới. Triển khai thực hiện đề án cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nhất là tại các thành phố lớn. Xây dựng chương trình phòng chống sụt lún, sạt lở tại đồng bằng sông Cửu Long.

Đặc biệt, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Xây dựng Chính phủ trong sạch, liêm chính, hành động, vì nhân dân phục vụ; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; không hình sự hóa các quan hệ dân sự, hành chính, kinh tế. Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án năng lượng tái tạo, các dự án chậm tiến độ, kéo dài.

Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, gắn với phát huy các động lực tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo. ■

Việt Tuấn (T/h)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV
2. Báo cáo về tình hình kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2024, triển khai nhiệm vụ trọng tâm những tháng cuối năm 2024 của Bộ Tài chính.

Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2025-2030: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

□ TS. ĐẶNG XUÂN HOAN *

Tóm tắt: Trong giai đoạn 2025-2030, Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế. Bài viết này nhằm phân tích mô hình phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ này, bao gồm các thành tựu đã đạt được, thách thức đang đối mặt và các chiến lược cần thiết để duy trì sự tăng trưởng bền vững; đồng thời cung cấp cái nhìn toàn diện về các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam, từ bối cảnh quốc tế đến các yếu tố nội tại như cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và chính sách công. Bài viết cũng đề xuất các kịch bản phát triển và các mô hình kinh tế mới nhằm giúp Việt Nam nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Phát triển kinh tế, Việt Nam, mô hình kinh tế, chiến lược phát triển, 2025-2030.

1. Tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2024

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động. Bài viết này sẽ phân tích các khía cạnh quan trọng của tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam trong năm 2024, bao gồm tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thương mại, đầu tư, thị trường lao động, và các vấn đề xã hội. Tất cả các số liệu được dẫn nguồn từ các báo cáo và thống kê chính thức.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO), GDP của Việt Nam trong năm 2024 ước tính tăng khoảng 6,5%, duy trì sự tăng trưởng ổn định trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn. Đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy sự phục hồi và ổn định sau các cú sốc kinh tế từ đại dịch Covid-19 và những biến động toàn cầu khác.

Lạm phát là một trong những thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Tỷ lệ

lạm phát trung bình năm 2024 ước tính vào khoảng 4%, tăng so với mức 3,2% của năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu do giá năng lượng và thực phẩm tăng cao, cũng như áp lực từ các chính sách tài chính và tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ đạt khoảng 760 tỷ USD, với xuất khẩu đạt 380 tỷ USD và nhập khẩu đạt 380 tỷ USD, giữ mức cân bằng thương mại. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vẫn là điện thoại, điện tử, dệt may và nông sản. Tuy nhiên, nhu cầu từ các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc có dấu hiệu chững lại, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu.

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thu hút được dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đáng kể, với tổng vốn đăng ký mới và bổ sung đạt khoảng 30 tỷ USD. Các dự án FDI tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ. Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore là những nhà

đầu tư lớn nhất, chiếm phần lớn trong tổng vốn FDI vào Việt Nam.

Thị trường lao động Việt Nam năm 2024 tiếp tục có sự phát triển tích cực. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức khoảng 2,2%, so với 2,6% của năm 2023. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với thị trường lao động vẫn là vấn đề chất lượng nguồn nhân lực và sự thiếu hụt kỹ năng, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ hiện đại.

Về mặt xã hội, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề như bất bình đẳng thu nhập, chất lượng giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 ước tính đạt khoảng 4.200 USD, tăng so với mức 3.800 USD của năm 2023. Tuy nhiên, chênh lệch thu nhập giữa các khu vực và tầng lớp dân cư vẫn còn rất lớn. Hệ thống y tế và giáo dục đang cần được cải thiện để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Việt Nam là

* Học viện Hành chính Quốc gia.

một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu với nhiều vùng bị ngập lụt và thiên tai. Chính phủ đang đẩy mạnh các chính sách và biện pháp để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm phát triển năng lượng tái tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

Tình hình chính trị của Việt Nam năm 2024 vẫn duy trì sự ổn định với các chính sách tiếp tục hướng đến phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách hành chính và tăng cường tính minh bạch để cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh.

2. Một số giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025-2030

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang chứng kiến nhiều biến động phức tạp, việc định hình các chiến lược phát triển kinh tế cho một quốc gia trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức: hạ tầng cơ sở chưa phát triển đồng bộ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước còn thấp và sự phụ thuộc vào các nguồn lực lao động giá rẻ, xuất khẩu hàng hóa thô vẫn là những điểm yếu cơ bản; tác động của biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, đòi hỏi các chính sách phát triển phải được điều chỉnh để thích ứng.

(1) *Mô hình tăng trưởng kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng.* Mô hình tăng trưởng kinh tế là cách thức diễn đạt những con đường, hình thái, nội dung tăng trưởng kinh tế của một nền kinh tế thông qua các biến số kinh tế nhất định.

Mỗi mô hình tăng trưởng kinh tế có cách lý giải khác nhau về nguồn gốc của tăng trưởng. Do đó, mỗi mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nhất định của mỗi một nền kinh tế trong từng giai đoạn nhất định.

Mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống thường dựa trên ba yếu tố chính: vốn, lao động và công nghệ. Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc cân bằng và tối ưu hóa ba yếu tố này là cực kỳ quan trọng. Trong khi vốn đầu tư và lao động là những yếu tố hữu hình và có thể đo lường được thì công nghệ và sáng tạo là những yếu tố vô hình nhưng có vai trò quyết định trong việc nâng cao năng suất và giá trị gia tăng.

(2) *Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia.* Lợi thế cạnh tranh quốc gia là sự đánh giá khả năng của một quốc gia trong việc tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Một số quốc gia có nhiều lợi thế hơn những quốc gia khác, vì nhiều lý do. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các chính phủ có thể xác định điểm mạnh và điểm yếu của họ và phát huy những điểm mạnh đó để tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia của họ.

Lợi thế cạnh tranh quốc gia được thể hiện ở sự liên kết của 4 nhóm yếu tố: điều kiện các yếu tố sản xuất (factor of production); điều kiện về cầu (demand conditions); các ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan (related and supporting industries); chiến lược, cơ cấu và mức độ cạnh tranh của ngành (strategies, structures and competition).

Mỗi liên kết của 4 nhóm này tạo thành mô hình kim cương, các yếu tố này tác động qua lại lẫn nhau và hình thành nên khả năng

cạnh tranh quốc gia. Ngoài ra, còn có 2 yếu tố khác là chính sách của Chính phủ và cơ hội.

Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia nhấn mạnh rằng, quốc gia không chỉ dựa vào các yếu tố tự nhiên sẵn có mà cần phải xây dựng các lợi thế cạnh tranh thông qua cải thiện năng lực sản xuất, chất lượng quản lý và đổi mới công nghệ. Đối với Việt Nam, việc xác định và phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh là bước đi quan trọng để nâng cao vị thế kinh tế quốc gia trên thị trường quốc tế.

(3) *Phát triển bền vững và các khung lý thuyết liên quan.* Phát triển bền vững là một phương thức phát triển tổng hợp đa ngành, liên ngành thành chương trình hành động với nhiều tiêu chí ngày càng được cụ thể và rõ nét. Phát triển bền vững, mang tính tất yếu và là mục tiêu cao đẹp của quá trình phát triển.

Phát triển bền vững đòi hỏi sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo đảm công bằng xã hội. Khung lý thuyết về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc nhấn mạnh vào việc cân bằng ba yếu tố này để bảo đảm sự phát triển lâu dài và ổn định của một quốc gia. Đối với Việt Nam, việc hướng đến phát triển bền vững không chỉ là một lựa chọn mà còn là một yêu cầu thiết yếu để bảo đảm rằng các thế hệ tương lai có thể tiếp tục phát triển.

Xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm qua, Việt Nam cần tiếp tục kết hợp hài hòa cả ba mô hình phát triển kinh tế - xã hội nêu trên trong giai đoạn 2025-2030. Nói cách khác, chúng ta cần phát huy vị trí địa lý thuận lợi, nguồn lao động

trẻ và dồi dào cùng với chính sách mở cửa hội nhập quốc tế, Việt Nam có thể tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tập trung vào các ngành công nghệ cao, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao có thể là chìa khóa để nâng cao giá trị gia tăng và sự bền vững của nền kinh tế.

Các giải pháp cụ thể cần tổ chức thực hiện, đó là:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh. Cải thiện môi trường kinh doanh là một yếu tố then chốt để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Điều này bao gồm việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt rào cản gia nhập thị trường và nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống pháp lý. Chính phủ cần tập trung vào việc xây dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh và hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ hai, đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Phát triển cơ sở hạ tầng là nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững. Đầu tư vào hạ tầng giao thông, năng lượng và viễn thông không chỉ giúp cải thiện khả năng kết nối và vận chuyển hàng hóa mà còn thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Trong đó, cần tăng cường hơn nữa khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các hình thức đối tác công tư (PPP).

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định cho sự phát triển dài hạn của một quốc gia. Việt Nam cần tập trung vào việc cải thiện hệ thống

giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật. Việc khuyến khích học tập suốt đời và phát triển kỹ năng số cũng là những yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn lao động.

Thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là xu hướng không thể đảo ngược trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Việt Nam cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và sáng tạo, đồng thời thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số vào các ngành kinh tế truyền thống. Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ cụ thể để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) và áp dụng các giải pháp công nghệ mới.

Thứ năm, phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. Việt Nam cần xác định và tập trung phát triển các ngành kinh tế có lợi thế cạnh tranh, bao gồm công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ du lịch. Việc phát triển các ngành này không chỉ giúp nâng cao giá trị gia tăng mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững.

Thứ sáu, bảo đảm phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững là một yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam. Chính phủ cần có các chính sách và biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Việc bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường là chìa khóa để đạt được sự phát triển bền vững.

3. Kết luận

Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong hành trình phát triển kinh tế từ nay đến năm 2025. Việc xác định các giải pháp chiến lược và toàn diện là điều kiện tiên quyết để duy trì và nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời bảo đảm sự phát triển bền vững. Từ cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến phát triển các ngành kinh tế trọng điểm và bảo vệ môi trường, mỗi giải pháp đều đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một nền kinh tế Việt Nam vững mạnh và thịnh vượng. Trong tương lai, việc thực hiện các giải pháp này đòi hỏi sự nỗ lực và hợp tác của toàn xã hội, từ chính phủ, doanh nghiệp đến người dân. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024). *Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội năm 2024*.
2. Ngân hàng Thế giới (2024). *Vietnam Economic Update: Sustaining Recovery and Growth*.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). *Báo cáo về Lâm phát và Chính sách tiền tệ năm 2024*.
4. Bộ Công Thương (2024). *Báo cáo Thương mại năm 2024*.
5. Tổng cục Hải quan Việt Nam (2024). *Tổng hợp số liệu xuất nhập khẩu năm 2024*.
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). *Báo cáo Đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2024*.
7. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2024). *Báo cáo Thị trường Lao động năm 2024*.
8. Ngân hàng Phát triển Châu Á (2024). *Vietnam Country Report 2024*.
9. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024). *Báo cáo về Biến đổi khí hậu và môi trường năm 2024*.

11 NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2025

□ ĐỖ PHONG *

Chỉ tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,5-7% và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn (7-7,5%) để đến hết năm 2025 xếp hạng 31-33 thế giới về quy mô GDP...

Nêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025 tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 80 năm thành lập Nước và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng

Người đứng đầu Chính phủ cho biết về mục tiêu tổng quát, tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của



Thủ tướng Chính phủ báo cáo trước Quốc hội.

nền kinh tế; hoàn thiện thể chế, pháp luật; phát triển hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn...

Nêu cụ thể các chỉ tiêu chủ yếu, Thủ tướng cho biết, tăng trưởng GDP khoảng 6,5-7% và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn (7-7,5%) để đến hết năm 2025 xếp hạng 31-33 thế giới về quy mô GDP. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 USD. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1%.

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 5,3-5,4%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%, trong đó

có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 29-29,5%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng 0,8-1%...

Thủ tướng nhấn mạnh 11 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2025. **Thứ nhất**, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới. Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, nhất là các chương trình, dự án, công trình quan trọng quốc gia. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc. Phát triển mạnh thị trường vốn, thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng.

Kiểm soát tốt nguồn cung, giá cả hàng hóa, nhất là các mặt

hàng thiết yếu. Tăng cường xúc tiến thương mại; mở rộng, khai thác hiệu quả thị trường mới; mở rộng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu.

Thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, nhất là chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao; triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn.

Thứ hai, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, đồng bộ phối hợp hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác. Nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung cho sản xuất, kinh doanh, các động lực tăng trưởng, lĩnh vực ưu tiên.

Bảo đảm thủ tục thông thoáng, tăng khả năng hấp thụ và tiếp cận vốn tín dụng; phấn đấu tăng trưởng tín dụng trên 15%. Tập trung cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, xử lý các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính- ngân sách nhà nước ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2025 cao hơn ít nhất khoảng 5% so với năm 2024; triệt để tiết kiệm chi; kiểm soát bội chi, nợ công trong giới hạn



Thủ tướng Chính phủ báo cáo trước Quốc hội.

an toàn, hợp lý, tận dụng dư địa để huy động thêm nguồn lực cho phát triển...

Tạo khung khổ pháp lý để huy động sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực

Thứ ba, đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển với tư duy đổi mới “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực phát triển, tạo không gian phát triển mới” tạo khung khổ pháp lý để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển. Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng; bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; triển khai hiệu quả các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua.

Khẩn trương rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, tháo gỡ chông chéo, bất cập; vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động, tích cực sửa đổi; nghiên cứu ban hành nghị quyết thí điểm với những vấn đề mới phát sinh, chưa có quy định hoặc quy định không còn phù hợp.

Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực; phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp; kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin-cho”. Quyết liệt đổi mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, triển khai hiệu quả Đề án 06;...

Thứ tư, tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, nhất là các dự án mang tính chiến lược về hạ tầng giao thông, năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu...; nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường cao tốc theo quy mô quy hoạch; đưa vào khai thác dự án nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài; hoàn thành các hạng mục chính của Cảng Hàng không quốc tế Long Thành...

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng

mặt bằng và đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu. Phần đầu hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc và phần đầu khởi công tuyến đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng.

Thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển điện lực và năng lượng tái tạo, hydrogen. Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng số quốc gia...

Cơ cấu lại các ngành gắn chuyên đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lực công bằng

Thứ năm, Thủ tướng Chính phủ nêu việc thúc đẩy cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyên đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lực công bằng, bền vững; phát triển các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ; triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; triển khai hiệu quả Đề án phát triển 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

Thứ sáu, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Phần

đầu năm 2025 thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu. Triển khai hiệu quả các đề án đào tạo 50 nghìn kỹ sư bán dẫn và nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao...

Thứ bảy, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025- 2035.

Phần đầu đến hết năm 2025, xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát và hoàn thành trên 100 nghìn căn nhà ở xã hội. Tiếp tục nâng cao năng lực khám, chữa bệnh; kiểm soát tốt các dịch bệnh; sử dụng bảo hiểm y tế không bị giới hạn về địa giới hành chính...

Thứ tám, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển xanh. Quyết liệt triển khai các Chiến lược, Kế hoạch, Chương trình hành động thực hiện các sáng kiến, cam kết tại COP26 để đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050.

Phát triển bền vững kinh tế biển và không gian biển quốc gia. Hoàn thiện, đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Đẩy mạnh hợp tác trong bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới. Triển khai thực hiện đề án cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du; tăng

cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.

Thứ chín, tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh 6 vùng kinh tế xã hội. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng.

Thứ mười, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Xây dựng Chính phủ trong sạch, liêm chính, hành động, vì nhân dân phục vụ; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập. Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án năng lượng tái tạo, các dự án chậm tiến độ, kéo dài; quyết liệt gỡ thế vàng IUU.

Cuối cùng, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ vững chắc, độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, không để bị động, bất ngờ; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc, sát tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường kiểm chế tội phạm, phần đầu kéo giảm 5% số vụ phạm tội về trật tự xã hội. Ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030...■

Đ.P

CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

□ TS. NGUYỄN ĐỨC KHIÊM *

Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm. Hội nhập quốc tế theo đúng nghĩa đầy đủ là hội nhập trên tất cả lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung nào đó. Hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế chủ đạo trong sự phát triển của thế giới ngay nay. Hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ chi phối, quyết định toàn bộ các quan hệ quốc tế và làm thay đổi cấu trúc toàn cầu, dù cho thế giới vẫn còn tồn tại những bất đồng và chia rẽ.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một sự nghiệp vĩ đại, cao cả và chưa có tiền lệ. Đổi mới là một dòng chảy liên tục, là một quá trình kế thừa,

kiến tạo và phát triển không ngừng. Trong quá trình phát triển ở từng giai đoạn, thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu khách quan đòi hỏi Đảng ta đưa ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, kịp thời và lãnh đạo thực hiện một cách hiệu quả, tạo cơ sở vững chắc cho việc tiếp tục giải quyết những yêu cầu của giai đoạn tiếp theo. Trong điều kiện của thế giới hiện nay, toàn cầu hóa với sự tác động chưa từng có của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ kéo tất cả các nước tham gia quá trình hội nhập quốc tế và hội nhập quốc tế trở thành một tất yếu khách quan. Hội nhập để phát triển, muốn phát triển phải hội nhập. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế luôn chứa đựng nhiều cơ hội và nhiều thách thức. Hội nhập quốc tế trong một môi trường cạnh tranh quyết liệt về chính trị, kinh tế, sự chi phối của các nước lớn và những diễn biến phức tạp, hết sức khó lường của thế giới, đòi hỏi phải giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Như vậy, hội nhập quốc tế vừa là đòi hỏi khách quan của thời cuộc, vừa là nhu cầu tồn tại của mỗi nước. Mỗi quốc gia và mỗi giai cấp nắm chính quyền đều theo đuổi các

mục tiêu và lợi ích khác nhau, thậm chí đối lập, nên hội nhập quốc tế càng mạnh và rộng mở thì tính phức tạp của quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh càng gia tăng.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc”. Trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và trong nước, việc tích cực, chủ động triển khai chủ trương hội nhập quốc tế theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng sẽ góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đảng ta luôn dành sự quan tâm sâu sắc cho việc phân tích bối cảnh quốc tế, bám sát bước đi của nhân loại, tận dụng sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đưa đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, vừa phát triển nhanh, bền vững, vừa bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Để làm được điều đó, cần xác định rõ những tác động hai mặt của hội nhập quốc tế và đưa ra những định hướng, chính sách xác đáng.

* Học viện CSND

Khái niệm “hội nhập” được đề cập lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội VIII của Đảng (năm 1996): “Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả”. Đến Đại hội IX (năm 2001), chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được nhấn mạnh: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”. Quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế được thể hiện cụ thể trong Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27/11/2001, của Bộ Chính trị khóa IX “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội X của Đảng (năm 2006) tái khẳng định chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và nêu định hướng “đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”. Với định hướng này, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội được đẩy mạnh, nhất là trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và do ASEAN làm chủ đạo. Đến Đại hội XI, sau 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng ta đã có bước phát triển tư duy quan trọng với việc chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “chủ động, tích cực hội nhập quốc

tế”(5), tức là mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW “Về hội nhập quốc tế”. Đây là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, thống nhất nhận thức về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và phương hướng nhiệm vụ hội nhập quốc tế của Việt Nam giai đoạn tới. Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 5/11/2016, “Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

Đại hội XIII của Đảng (tháng 01/2021) xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”.

Hội nhập quốc tế và tác động đối với việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển nhanh, bền vững. Hội nhập quốc tế là quá trình quốc gia tham gia hợp tác, liên kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế và những lĩnh vực khác, tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước với nguồn lực quốc tế, mở

rộng không gian và môi trường để phát triển, chiếm lĩnh vị trí thích hợp trong quan hệ quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế diễn ra ở nhiều cấp độ và nhiều phương thức khác nhau. Các cấp độ hội nhập được thể hiện ở nhiều mức, từ thấp đến cao, từ song phương đến đa phương; có khi hội nhập được thực hiện cùng một lúc trong nhiều lĩnh vực với nhiều cấp độ. Có thể nói, cả thế giới đang trong cao trào hội nhập quốc tế với tốc độ ngày càng nhanh và lĩnh vực ngày càng nhiều, dẫn tới sự tùy thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng. Chính vì thế, hội nhập quốc tế là quá trình phức tạp chứa ẩn nhiều yếu tố thuận, nghịch. Xem xét trên hai lĩnh vực quan trọng hàng đầu trong mục tiêu hội nhập quốc tế ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, là việc bảo đảm an ninh quốc phòng và phát triển nhanh, bền vững, có thể thấy rõ hội nhập quốc tế tác động hai chiều thuận - nghịch.

Quan điểm của Đảng ta về hội nhập quốc tế như sau: Tại Đại hội VI - Đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng ta nhận định, cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của thế giới. Đồng thời, Đại hội đưa ra chủ trương hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật đối với các nước. Tới Đại hội VII, Đảng đưa ra định hướng đa dạng hóa quan hệ với các quốc gia, các tổ chức kinh tế. Đến Đại hội VIII, thuật ngữ “hội nhập” bắt đầu được đề cập trong Văn kiện của Đảng: “Xây

dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới”. Văn kiện Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”. Tại Đại hội X, Đảng nhấn mạnh chủ trương “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác”. Đại hội XI khẳng định chủ trương “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” (không chỉ hội nhập về kinh tế), nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và phát triển nhanh, bền vững”. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi”.

Bên cạnh việc xác định những quan điểm chỉ đạo về hội nhập quốc tế thể hiện trong các văn kiện của các đại hội, Ban



Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 05-02-2007, “Về một số chủ trương, chính sách để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”. Sau đó, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013, “Về hội nhập quốc tế”. Sau Đại hội XII, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

Trước bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động khó đoán định, cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt, xu hướng hình thành cục diện đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc ngày càng rõ hơn, tác động sâu rộng và toàn diện đến cục diện thế giới, khu vực, quan hệ quốc tế và sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới, bên cạnh việc chủ động,

tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, yếu tố “linh hoạt” và “hiệu quả” cần được tính đến. Thứ nhất, yếu tố “linh hoạt” thể hiện sự nhạy bén, phản ứng mau lẹ, uyển chuyển với những thay đổi của tình hình thế giới và khu vực, bảo đảm khả năng làm chủ cũng như quản lý được tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện của Việt Nam. Thứ hai, yếu tố “hiệu quả” bao gồm việc đạt được các thành tựu, kết quả tích cực từ quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng đi kèm với việc bảo vệ/bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc một cách cao nhất. Việc bổ sung hai yếu tố “linh hoạt” và “hiệu quả” vào chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện của Đảng ta sẽ đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi khách quan của thực tiễn, đồng thời thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về vấn đề hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Tác động hội nhập quốc tế đối với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng hiện nay như sau: hội nhập quốc tế một cách chủ

động, tích cực, sâu rộng, hiệu quả là phương thức tốt nhất để chuyển hóa ngoại lực thành nội lực, sức mạnh quốc tế cộng hưởng với sức mạnh quốc gia, qua đó càng tăng cường, tạo điều kiện cho việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Điều này thể hiện trên các mặt sau:

Một là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế tạo ra cơ hội, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; trên cơ sở đó, bảo đảm tốt về an ninh, quốc phòng. Hội nhập quốc tế sâu rộng sẽ mở ra cơ chế phối hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các nước và các khu vực để hạn chế và đẩy lùi các nguy cơ khủng bố, xung đột sắc tộc, chủ nghĩa ly khai.

Hai là, hội nhập quốc tế giúp cho việc tận dụng và phát huy các nguồn lực bên ngoài bổ sung cho các nguồn lực trong nước. Đó là những điều kiện về kỹ thuật, trang thiết bị cho quốc phòng, an ninh, là những kinh nghiệm quý của quốc tế.

Ba là, thông qua quá trình hội nhập quốc tế, có thể thấy rõ những lợi ích cùng chiều trong quan hệ với nước khác để thúc đẩy hợp tác; đồng thời thấy rõ những khía cạnh lợi ích khác chiều để càng nhận rõ hơn quan hệ đối tác, đối tượng và có đối sách thích hợp.

Bốn là, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra những quan hệ có lợi cho đất nước, góp phần tham gia các định chế chung, tạo sự cân bằng đan xen lợi ích và cân bằng với các nước lớn; tập hợp được các lực lượng tiến bộ yêu chuộng

hòa bình trên thế giới để góp phần ngăn chặn những ý đồ và hành vi xâm phạm chủ quyền của đất nước.

Ngoài ra, hội nhập quốc tế tạo thuận lợi cho Việt Nam thu hút nguồn lực để phát triển, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Điều đó thể hiện trên những khía cạnh: hội nhập quốc tế giúp cho việc tham gia đầy đủ, sâu rộng hơn vào các thể chế kinh tế quốc tế, như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)... Sự tham gia các thể chế kinh tế - tài chính này tạo điều kiện cho Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm, cách thức và chiến lược phát triển, góp phần giảm thiểu rủi ro. Hội nhập quốc tế giúp cho việc thu hút vốn đầu tư, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đặc biệt là kỹ năng quản lý đất nước, điều chỉnh vai trò của Nhà nước phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Nhà nước tập trung quản lý, điều hành vĩ mô, kiến tạo phát triển và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cải cách hành chính. Thông qua hội nhập quốc tế, năng lực và kinh nghiệm quản lý kinh tế thị trường được nâng lên và hiệu quả hơn. Từ đó, Nhà nước định hướng phát triển và đưa ra các giải pháp khả thi để “đi trước, đón đầu”, tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những tác động tích cực, hội nhập quốc tế cũng tác động tiêu cực đến việc phát triển nhanh, bền vững. Đó là việc nền kinh tế còn yếu kém nhiều mặt dễ bị tổn thương và dễ bị phụ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài. Trong môi trường hội nhập sâu rộng, những biến động kinh tế bất lợi từ thế giới và khu vực sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong nước. Việc mở cửa thị trường trong điều kiện sức cạnh tranh yếu kém sẽ tiềm ẩn rủi ro là nhiều lĩnh vực kinh tế bị bên ngoài thâm tóm, nhiều doanh nghiệp bị thua ngay trên sân nhà. Ngay việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, nếu không được cân nhắc và kiểm soát kỹ thi dễ bị tiếp nhận những công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển nhanh, bền vững.

Như vậy, hội nhập quốc tế là một chủ trương nhất quán, là định hướng chiến lược lớn của Đảng ta nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI xác định: “Hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia,

nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Quan điểm nhất quán của Đảng ta là: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia. Hội nhập quốc tế nhằm thiết thực thực hiện mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy mối quan hệ biện chứng giữa việc bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển nhanh, bền vững. Đồng thời khi đất nước phát triển nhanh, bền vững, quốc phòng, an ninh được bảo đảm sẽ thúc đẩy hội nhập quốc tế càng thêm sâu, rộng và hiệu quả.

Cụ thể hóa và triển khai các quan điểm chỉ đạo của Đảng về hội nhập quốc tế phục vụ cho việc củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, trong những năm qua Việt Nam đã thực hiện bước chuyển căn bản từ chủ trọng mở rộng quan hệ với các nước sang đưa mối quan hệ đi vào chiều sâu, ổn định.

Tiếp tục đẩy mạnh làm sâu sắc mối quan hệ song phương giữa Việt Nam với các nước, nhất là các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống và các đối tác tiềm năng. Trong việc hợp tác với các nước có nhiều nội dung về quốc phòng - an ninh, như huấn luyện, đào tạo về chuyên môn và kỹ năng quân sự - an ninh; phối, kết hợp trong việc phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; phòng, chống ma túy, bảo đảm an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Cùng với việc tham gia hầu hết các diễn đàn an ninh khu vực, Việt Nam đang mở rộng các hoạt động hợp tác quân sự, như trao đổi các đoàn quân sự cấp cao, tiếp nhận tàu hải quân của các nước sang thăm thiện chí; tiến hành tuần tra chung giữa hải quân Việt Nam với hải quân một số nước. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng, an ninh với 80 nước, bao gồm tất cả các thành viên trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Quan hệ quốc phòng - an ninh thông qua hội nhập quốc tế không chỉ nâng tầm vị thế chính trị của Việt Nam trên trường quốc tế, mà còn làm gia tăng tiềm năng và sức mạnh quân sự, bảo đảm quốc phòng - an ninh của đất nước góp phần giữ vững môi trường hòa bình trong khu vực và quốc tế. Thực hiện những quan điểm của Đảng, căn cứ Chương trình hành động thế kỷ XXI của quốc tế, ngày 17/8/2004, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành “Định hướng chiến lược phát

triển bền vững ở Việt Nam” (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam). Định hướng phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam nêu bật vấn đề đang đặt ra trong ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, những thách thức mà Việt Nam phải đối phó. Từ đó, định hướng chiến lược đưa ra những quan điểm, chủ trương, chính sách, các cơ sở pháp lý và những nhiệm vụ cần tập trung giải quyết. Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam được xác định rõ là không thay thế các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hiện có của đất nước, mà nhằm mục đích làm căn cứ lý luận và thực tiễn để cụ thể hóa các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của Việt Nam. Định hướng trên cơ sở cụ thể hóa các tiêu chí phát triển về kinh tế, văn hóa, môi trường sẽ giúp cho việc quy hoạch phát triển ở các ngành, các địa phương nhằm mục tiêu bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, bình ổn đất nước.

Về những nhiệm vụ cụ thể để phát triển nhanh, bền vững, Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học,

công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”.

Tham chiếu trên thực tế sự đóng góp của hội nhập quốc tế đối với phát triển nhanh, bền vững của Việt Nam, có thể nhận rõ trên mấy khía cạnh:

Một là, hội nhập quốc tế, tham gia sự phân công, hợp tác quốc tế giúp nền kinh tế đất nước tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xác định được vị trí của mình, trên cơ sở đó, tìm kiếm các giải pháp để “đi tắt, đón đầu” quá trình công nghiệp hóa, có điều kiện đi thẳng vào hiện đại hóa, từ đó rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước khác.

Hai là, hội nhập quốc tế thúc đẩy việc thu hút vốn, kỹ thuật từ bên ngoài nhằm làm tăng nguồn lực tổng thể, góp phần gia tăng đáng kể tăng trưởng GDP của đất nước. Tính chung tới nay, cả nước có 23.594 dự án FDI có hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 306,3 tỷ USD.

Ba là, với việc hội nhập đầy đủ vào các thể chế kinh tế thế giới và khu vực sẽ tạo điều kiện để chia sẻ kinh nghiệm về quản lý, chiến lược đầu tư phát triển, giảm thiểu các rủi ro, góp phần tháo gỡ các khó khăn do các tác động tiêu cực từ bên ngoài, như khủng hoảng kinh tế, xu hướng bảo hộ.

Bốn là, hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp

Việt Nam đầu tư ra nước ngoài để thử sức cạnh tranh, nâng cao trình độ quản lý, chuyển giao khoa học - công nghệ.

Năm là, hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu lao động để người lao động có điều kiện tiếp thu những phong cách làm việc, tổ chức sản xuất. Điều này không chỉ góp phần giải quyết việc làm, giảm thiểu thất nghiệp mà còn tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như tăng thu nhập cho người lao động và tăng thu cho ngân sách.

Sáu là, hội nhập quốc tế về văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ giúp cho việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần làm chuyển biến tích cực đối với công tác giáo dục, y tế, quản lý xã hội; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường... Tất cả những điều này trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhìn một cách tổng thể, tiến trình hội nhập quốc tế luôn thúc đẩy sự phát triển của quốc gia hội nhập, khi gắn kết sự phát triển của quốc gia với các xu thế phát triển của thế giới. Đây cũng là một nội dung quan trọng của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Tuy nhiên, không phải lúc nào các bước đi hội nhập cũng tác động thuận đến sự ổn định và phát triển của đất nước; có thể có cả những tác động không thuận, nhất là khi hội nhập quốc tế không dựa trên thực lực của đất nước hay không giữ vững được

độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế. Vì vậy, phải luôn xem xét, cân nhắc cụ thể những tác động bất lợi có thể có của mỗi bước đi hội nhập đến sự ổn định và phát triển của đất nước để có quyết sách tối ưu.

Sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và quy luật tiến hóa của xã hội loài người. Trải qua đấu tranh lâu dài, gian khổ, Việt Nam đã giành được độc lập dân tộc; độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Sự phù hợp của con đường phát triển đất nước với các quy luật khách quan, với các xu thế lớn trong sự vận động của thế giới là nhân tố rất quan trọng để Việt Nam giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong hơn 35 năm đổi mới vừa qua, là cơ sở khách quan để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong thời gian tới, mặc dù tình hình thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, khó lường, nhưng các quy luật khách quan, các xu thế lớn vẫn tiếp tục vận động, tạo thành thời cơ chiến lược cho sự phát triển của Việt Nam. Do vậy, chúng ta cần nắm bắt thời cơ chiến lược này để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Một trong những phương hướng phát triển quan trọng là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả. ■

N.Đ.K

NHẬN DIỆN TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

□ Đại tá, PGS.TS. HÀ THỊ HỒNG LAN *

Tóm tắt

Bài viết phân tích các dấu hiệu cơ bản để nhận diện về tội phạm xuyên quốc gia. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; Công an nhân dân; đấu tranh phòng, chống.

1. Nhận diện về tội phạm xuyên quốc gia hiện nay

Hội nhập quốc tế đang là xu thế tất yếu, có sức cuốn hút mạnh mẽ, hàm chứa cả cơ hội và thách thức đối với các quốc gia trên con đường phát triển. Song, bên cạnh những thành tựu do toàn cầu hóa mang lại, các quốc gia cũng chịu tác động từ những khó khăn, thách thức như khủng hoảng tài chính - kinh tế, thiên tai, dịch bệnh, khủng bố tài chính... Cùng với đó, các loại tội phạm xuyên quốc gia (TPXQG) ngày càng diễn biến phức tạp và chứa đựng nhiều nhân tố gây bất ổn, khó lường, đang trở thành một trong những mối đe dọa đối với an ninh toàn cầu.

* Phó Viện trưởng Viện Khoa học Cảnh sát, Học viện CSND

Nhận thức rõ nguy cơ, thách thức của loại tội phạm này, ngày 13/12/2000, tại Palermo, Italia, cùng với đại diện các quốc gia, tổ chức quốc tế, Việt Nam đã ký Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (TOC). Mặc dù Công ước không đưa ra định nghĩa về TPXQG nhưng đã đưa ra giải thích như sau: Một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu: (a) Nó được thực hiện ở nhiều quốc gia; (b) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác; (c) Nó được thực hiện ở một số quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức

tham gia các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia; hoặc (d) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn đến quốc gia khác.

Như vậy, khi nói đến tính “xuyên quốc gia” của TPXQG là nói đến phạm vi (về không gian) của quá trình thực hiện tội phạm và sự liên quan, ảnh hưởng của tội phạm. Phạm vi đó phải là từ 2 quốc gia trở lên. Tất nhiên, đối với mỗi quốc gia, một hành vi được gọi là TPXQG chỉ khi hành vi đó được quy định là tội phạm theo pháp luật hình sự của quốc gia đó, và tính “xuyên quốc gia” của hành vi (tức là thỏa mãn những yếu tố được quy định tại khoản 2 Điều 3 Công ước TOC phải có liên quan đến quốc gia đó.

Đồng tình với quan điểm trên của Công ước, tại Hướng dẫn số 01/HD-C02-P6 ngày 16/01/2019 của Cục Cảnh sát hình sự về thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia về hình sự đã xác định một tội phạm có tính chất xuyên quốc gia nếu tội phạm đó có một trong bốn yếu tố sau: (1) Tội phạm đó được thực hiện ở nhiều quốc gia; (2) Tội phạm đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo và điều khiển diễn ra ở một quốc gia khác; (3) Tội phạm diễn ra ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức mà đã tham gia các hoạt động phạm pháp ở một quốc gia khác; (4) Tội phạm đó được thực hiện ở một quốc gia này nhưng có ảnh hưởng sâu rộng đến một quốc gia khác.

Tại Kế hoạch số 131/KH-BCA-CSHS của Bộ Công an, ngày 30/3/2021 về phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, cũng xác định tội phạm xuyên quốc gia là tội phạm có một trong các yếu tố: Được thực hiện ở nhiều quốc gia; Được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển diễn ra ở một quốc gia khác; Được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia khác; Được thực hiện ở một quốc gia nhưng



Kỹ sư VNPT thực hiện nhiệm vụ giám sát, bảo đảm an toàn cho hệ thống, mạng lưới phục vụ khách hàng.

có ảnh hưởng lớn đến một quốc gia khác.

Như vậy, quan điểm của Việt Nam về TPXQG là hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Liên hợp quốc được thể hiện trong Công ước TOC.

2. Tình hình tội phạm xuyên quốc gia ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Lợi dụng điều đó, TPXQG đã xâm nhập, hoạt động bằng nhiều hình thức, với nhiều phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, tính chất ngày càng nguy hiểm, hậu quả gây ra ngày càng nghiêm trọng. Theo Báo cáo tổng kết công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an, tình hình TPXQG ở Việt Nam nổi lên trong thời gian gần đây bao gồm:

Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian

mạng tiếp tục gia tăng với phương thức thủ đoạn tinh vi. Đặc biệt, các băng nhóm lừa đảo xuyên quốc gia do các đối tượng người nước ngoài cấu kết với đối tượng người Việt Nam đặt máy chủ ở nước khác, thông qua mạng xã hội (facebook, zalo, skype...) hoặc hình thức kinh doanh đa cấp, kinh doanh tiền ảo, sàn vàng, ngoại tệ... thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; sử dụng công nghệ AL, công nghệ Deepfake với thuật toán tái tạo lại khuôn mặt, giọng nói có độ chính xác cao để làm giả cuộc gọi video nhằm chiếm đoạt tài sản...

Tình hình tội phạm mua bán người vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các băng nhóm, đường dây mua bán người, chiếm đoạt trẻ em, trục lợi, lừa đảo từ việc môi giới hôn nhân, xuất khẩu lao động để cưỡng bức lao động, buôn bán nô lệ tình dục, lấy nội tạng... Tại các tuyến biên giới, các đối tượng hình thành nhiều đường dây, băng nhóm liên tỉnh, xuyên

quốc gia với tính chất, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để mua bán ép hoạt động mại dâm, bán làm vợ, để thuê....trong đó chủ yếu sang Trung Quốc, Lào và Campuchia.

Tình trạng đánh bạc, tổ chức đánh bạc xảy ra phổ biến, dưới nhiều hình thức, ngoài hình thức tổ chức đánh bạc dụng truyền thống như lập các sới “xóc đĩa”, đá gà..., thì tình trạng tổ chức đánh bạc phi truyền thống sử dụng công nghệ cao như cá độ bóng đá trên mạng, game bài đổi thưởng...diễn ra dưới nhiều hình thức, không ngừng tăng về quy mô và thủ đoạn đổi phỏ, thậm chí có những đường dây tổ chức đưa người Việt Nam qua Campuchia để đánh

bạc, hoạt động này còn gắn với hoạt động cho vay lãi nặng, cưỡng đoạt tài sản, cướp tài sản, thậm chí mua bán người, bắt cóc tống tiền, giữ người trái pháp luật, giết, cố ý gây thương tích...

- Trong lĩnh vực kinh tế, các đối tượng chủ yếu hoạt động dưới hình thức thành lập các đường dây, băng nhóm để buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; thành lập các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân thương mại để “núp bóng” thực hiện hành vi phạm tội. Trong hoạt động thương mại điện tử tiềm ẩn nhiều vi phạm, tội phạm, khó kiểm soát, như kinh doanh trốn thuế, buôn lậu, buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm sở hữu trí

tuệ diễn ra phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, mất kiểm soát hệ thống. Đặc biệt trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, tình hình tội phạm kinh tế sử dụng công nghệ cao trong thời gian qua diễn biến phức tạp với các phương thức, thủ đoạn như “lừa đảo đa cấp công nghệ”, “ví điện tử giả”, “cổ phiếu trực tuyến”.

Tình hình hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia diễn biến phức tạp và gia tăng, đã hình thành các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy từ khu vực “Tam giác vàng” vận chuyển qua Lào, Campuchia vào Việt Nam tập kết. Sau đó hình thành



Theo dõi, giám sát an ninh mạng tại Ban Cơ yếu Chính phủ.

Nguồn: qdnd.vn

các đường dây tiêu thụ tại địa bàn hoặc các tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước hoặc đưa đi nước ngoài tiêu thụ. Trên tuyến đường biển, đường hàng không và bưu điện, tội phạm vận chuyển trái phép chất ma túy xuyên quốc gia diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều vấn đề rất khó kiểm soát. Đặc biệt xuất hiện tình trạng tội phạm lợi dụng không gian mạng Internet để mua bán, tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy, các băng nhóm, đường dây có tính chất xuyên quốc gia diễn biến hết sức phức tạp với quy mô, tính chất ngày càng nghiêm trọng.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình TPXQG, lực lượng Công an các đơn vị địa phương trên toàn quốc đã có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động tăng cường triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh triệt phá nhiều đường dây tội phạm hình sự, ma túy, mua bán người và đưa người di cư trái phép, tội phạm mạng và sử dụng công nghệ cao, khủng bố cùng các loại TPXQG khác và đạt được nhiều kết quả tích cực, được dư luận hoan nghênh, tạo hiệu ứng cảnh tỉnh, răn đe mạnh mẽ. Bằng sự nỗ lực của toàn lực lượng, sau gần hai năm triển khai thực hiện Kế hoạch 131 về phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trong Công an nhân dân, lực lượng Cảnh sát trong cả nước đã đấu tranh triệt phá, làm tan rã 297 băng nhóm, khởi tố 6.014 đối tượng; bắt giữ hàng nghìn đối

tượng phạm tội về ma túy; phát hiện nhiều vụ vi phạm, phạm tội về kinh tế, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo, buôn lậu... quy mô lớn, xuyên quốc gia.

Mặc dù đã nỗ lực đấu tranh và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ nhưng quá trình đấu tranh phòng, chống TPXQG ở Việt Nam thời gian qua còn tồn tại những khó khăn, hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Cụ thể: công tác kiểm soát, quản lý vùng biên giới gặp nhiều khó khăn do đường biên giới dài, nhiều sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt; các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm tại các tỉnh Tây Nam Bộ, nhất là trên các tuyến, địa bàn trọng điểm còn thiếu về số lượng; trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chưa hiện đại; phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa có trọng tâm, trọng điểm; quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế trong phòng, chống TPXQG chưa thực sự hiệu quả.v.v.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia ở Việt Nam hiện nay

Phát huy những kết quả đạt được, để chủ động đối phó với những diễn biến mới và nâng cao chất lượng công tác phòng, chống TPXQG trong thời gian tới, lực lượng Công an cần triển

khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, tham mưu với Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương ban hành các văn bản tổ chức thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 2 “Phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia” trên cơ sở lựa chọn những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật, nghiệp vụ và những kỹ năng về tổ chức, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo chương trình, kế hoạch trong phạm vi cả nước và ở từng địa phương nhằm nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo. Tham mưu với lãnh đạo công an các cấp báo cáo đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về chủ trương, nội dung, biện pháp phòng, chống tội phạm; đẩy mạnh việc ký kết, hợp tác với các Bộ, ngành triển khai có hiệu quả nhiều hiệp định song phương và đa phương, các văn bản thỏa thuận, ghi nhớ về phòng, chống TPXQG giữa Việt Nam và các nước;

Thứ hai, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ chiến sĩ trong phòng, chống TPXQG.

Tổ chức triển khai, phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ nắm rõ, hiểu sâu các văn bản pháp luật quốc tế và Việt nam được coi là cơ sở pháp lý cho công tác đấu tranh phòng, chống TPXQG. Tăng cường công tác

giáo dục chính trị, tư tưởng, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác chiến đấu. Tăng cường bố trí sử dụng linh hoạt trình sát viên đồng thời là điều tra viên để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trưởng thành toàn diện. Xây dựng và triển khai đề án, kế hoạch hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ điều tra viên, trình sát viên đảm bảo có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ, có khả năng lực ngoại ngữ, tin học ứng dụng, có khả năng vận dụng hiệu quả, sáng tạo các thành tựu của cách mạng 4.0 vào thực tiễn công tác; có phẩm chất tốt; bản lĩnh chính trị vững vàng; lương tâm trong sáng; có ý thức tổ chức kỷ luật và quyết tâm chính trị cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao;

Thứ ba, phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tổ chức xuyên quốc gia cho các cơ quan, đoàn thể quần chúng trên địa bàn.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể quần chúng trong xây dựng chiến lược tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và kịp thời thông tin cảnh báo về các phương thức thủ đoạn tội phạm mới để tuyên truyền cho nhân dân biết và chủ động phối hợp với lực lượng chức năng trong phòng, chống tội phạm nói chung, TPXQG nói riêng; đồng thời tuyên truyền về chính sách, hệ thống pháp luật liên quan đến

lĩnh vực phòng, chống TPXQG ở Việt nam đến các đối tác nước ngoài nghiên cứu để vận dụng trong quá trình hợp tác với Việt Nam về phòng ngừa tội phạm và tư pháp hình sự; kết hợp tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng những thông tin cập nhật về lĩnh vực hợp tác quốc tế phòng, chống TPXQG;

Thứ tư, chủ động và tăng cường quan hệ phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nhằm phát hiện sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế số, thương mại điện tử để kịp thời khắc phục, không để tội phạm lợi dụng hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an ninh kinh tế. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng An ninh, Tình báo, kỹ thuật nghiệp vụ để chủ động thu thập, trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến chuyển đổi nền kinh tế số, thương mại điện tử cũng như hoạt động của các đối tượng phạm tội để đấu tranh; tăng cường quan hệ phối hợp, trao đổi thông tin với các nước, đặc biệt là INTERPOL, ASEANAPOL để hợp tác trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học, tiếp thu chuyển giao công nghệ. Tham mưu với Bộ Công an trong hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào tiếp cận, nghiên cứu, ứng

dụng tri thức khoa học tiên tiến, đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế; liên kết đào tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học; cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về an ninh phi truyền thống an ninh mạng; phòng, chống và điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao, luật quốc tế, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn... Chủ động mở rộng hình thức và nội dung hợp tác quốc tế, tiếp thu chuyển giao những công nghệ mới, hiện đại từ các nước có nền công nghiệp tiên tiến, hiện đại để trang bị cho lực lượng và ứng dụng vào công tác nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới, sản phẩm thông minh, có hiệu quả sử dụng cao, chất lượng tương đương quốc tế và khu vực. ■

H.T.H.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2023), *Quyết định 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.*
2. Nguyễn Ngọc Anh (2005), *Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư bổ sung*, Sách chuyên khảo, NXB CAND, Hà Nội.
3. Kế hoạch số 131/KH-BCA-CSHS ngày 30/3/2021 của Bộ Công an về *phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.*

XU THẾ TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO VÀ CÔNG NGHỆ MẠNG 5G TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

□ ThS. NGUYỄN VI THIÊN *

Thực tế ảo (Virtual reality - VR) là một là công nghệ giúp con người có thể “cảm nhận” không gian mô phỏng một cách chân thực nhất nhờ vào một loại kính nhìn 3 chiều (kính thực tế ảo). Môi trường 3D ảo này được tạo ra và điều khiển bởi một hệ thống máy tính cấu hình cao, kết hợp với công nghệ kích thích, hiển thị, cảm biến, mạng, đồ họa máy tính và các chức năng nhân tạo để tạo ra mô phỏng hoạt cảnh tương tác nhập vai của người dùng vào trong môi trường ảo được phỏng theo thế giới thực thông qua thị giác, thính giác, hiệu ứng xúc giác của người dùng. VR ra đời từ những năm 50 của thế kỷ trước, nhưng chỉ thực sự được phát triển và ứng dụng rộng rãi trong những năm gần đây nhờ vào sự phát triển của công nghệ phần mềm và phần cứng hỗ trợ.

Một hệ thống VR tổng quát bao gồm 5 thành phần: phần mềm (SW), phần cứng (HW), mạng liên kết, người dùng và các ứng dụng. Trong đó 3 thành phần chính và quan trọng nhất là phần mềm (SW), phần cứng (HW) và các ứng dụng. Cụ thể như sau:

(1) Phần mềm: Phần mềm luôn là linh hồn của VR cũng như đối với bất cứ một hệ thống máy tính hiện đại nào. Về mặt nguyên tắc có thể dùng bất cứ ngôn ngữ lập trình hay phần mềm đồ họa nào để mô hình hóa (modelling) và mô phỏng (simulation) các đối tượng của VR. Ví dụ như các ngôn ngữ (có thể tìm miễn phí) OpenGL, C++, Java3D, VRML, X3D,... hay các phần mềm thương mại như WorldToolKit, PeopleShop,... Phần mềm của bất kỳ VR nào

cũng phải bảo đảm 2 công dụng chính: Tạo hình vào Mô phỏng. Các đối tượng của VR được mô hình hóa nhờ chính phần mềm này hay chuyển sang từ các mô hình 3D (thiết kế nhờ các phần mềm CAD khác như AutoCAD, 3D Studio,...). Sau đó phần mềm VR phải có khả năng mô phỏng động học, động lực học, và mô phỏng ứng xử của đối tượng.

(2) Phần cứng: Phần cứng của một hệ thống VT bao gồm: Máy tính (PC hay Workstation với cấu hình đồ họa mạnh), các thiết bị đầu vào (Input devices) và các thiết bị đầu ra (Output devices).

(3) Các thiết bị đầu vào (Input devices): Chúng bao gồm những thiết bị đầu ra có khả năng kích thích các giác quan để tạo nên cảm giác về sự hiện hữu trong thế giới ảo. Chẳng hạn như màn hình đội đầu HMD, chuột,

các tai nghe âm thanh nổi – và những thiết bị đầu vào có khả năng ghi nhận nơi người sử dụng đang nhìn vào hoặc hướng đang chỉ tới, như thiết bị theo dõi gắn trên đầu (head-trackers), găng tay hữu tuyến (wire-gloves).

(5) Các thiết bị đầu ra (Output devices): gồm hiển thị đồ họa (như màn hình, HDM,..) để nhìn được đối tượng 3D. Thiết bị âm thanh (loa) để nghe được âm thanh vòm (như Hi-Fi, Surround,..). Bộ phản hồi cảm giác (Haptic feedback như găng tay,..) để tạo xúc giác khi sờ, nắm đối tượng. Bộ phản hồi xung lực (Force Feedback) để tạo lực tác động như khi đạp xe, đi đường xóc...

Tại các nước phát triển, VR được ứng dụng trong mọi lĩnh vực: Khoa học kỹ thuật, giáo dục, đào tạo, y tế, quân sự, thiết kế kiến trúc, công nghiệp chế

* Học viện CSND

tạo, du lịch, địa ốc, giải trí... và đáp ứng mọi nhu cầu: Nghiên cứu - Giáo dục - Thương mại - Dịch vụ - Y học - Du lịch là các lĩnh vực có sự ứng dụng VR.

Tại Mỹ, Tập đoàn công nghệ Google đã góp sức vào quá trình đưa môn lịch sử trở nên sống động và gần gũi hơn với học sinh, hãng công nghệ này đã cung cấp 6 công cụ giảng dạy bằng thực tế ảo Google Expedition để các học sinh có thể “tham quan” các địa danh lịch sử liên quan, sử dụng thiết bị Google Cardboard. Google Cardboard là thiết bị thực tế ảo (VR) và tương tác thực tế do Google phát triển, có giá thành rất bình dân, và hoạt động tương thích với hầu hết các dòng điện thoại thông minh (smartphone) chạy hệ điều hành iOS (iPhone) và Android. Với thiết bị công nghệ này của Google, học sinh có thể nhìn thấy địa điểm chính xác nơi chính trị gia Aaron Burr đã đấu súng và bắn chết Hamilton, nhà thờ nơi mai táng Hamilton, ngôi nhà của Aaron Burr. Cùng với đó, học sinh cũng được biết về đời sống tình cảm của Hamilton, thành tựu sáng tạo nên hệ thống ngân hàng của ông và vai trò của ông dưới thời tổng thống George Washington. Bà Suzanna Bobadilla, người dẫn dắt tour tham quan bằng thực tế ảo của Google nói: “Tôi hiểu rằng đôi khi lịch sử nước Mỹ dường như không có sự kết nối với thực tại. Chúng tôi hy vọng có thể đưa những nhân vật lịch sử này trở nên gần gũi hơn”. Trong quá trình dẫn dắt các em học sinh đi qua các địa danh lịch sử, bà

Bobadilla chủ động có những so sánh liên hệ giữa các tình huống trong lịch sử với những vấn đề của đời sống hiện đại.

Đại học Harvard đã phát triển phòng studio AR/VR; mô hình phòng thí nghiệm sáng tạo phục vụ đối tượng sinh viên của Nhà trường cũng như là công cụ hỗ trợ nghiên cứu khoa học.

Dự án tặng thiết bị thực tế ảo cho các trường đại học ở Mỹ của Meta vào cuối năm 2023 là một minh chứng cho những tiềm năng tương lai của công nghệ thực tế ảo trong giáo dục rõ ràng hơn. Meta đang đặt ra những mục tiêu lớn trong lĩnh vực giáo dục, đưa công nghệ thực tế ảo trở nên phổ biến hơn trong học đường. Giáo viên và những chuyên gia công nghệ đều nhận định VR và vũ trụ ảo sẽ là yếu tố then chốt tạo nên cuộc cách mạng trong việc học tập thực tế trong tương lai.

VR tạo ra một môi trường tương tác, giúp nhận thức và ghi nhớ thông tin dễ dàng hơn. Đắm chìm vào một môi trường nhập vai, người học có được khái niệm rõ ràng về những gì họ đang học và sử dụng kiến thức vào thực tế. Người học cảm nhận những thứ khác nhau dễ dàng hơn với VR.

Ngày nay, không chỉ là việc sử dụng các công nghệ VR trong lớp học, mà các cải tiến công nghệ còn cho phép các phương pháp khác nhau với mức độ tương tác và hòa nhập khác nhau. VR có thể sử dụng để tạo môi trường học tập ảo, linh hoạt và có thể sử dụng các dịch vụ chia sẻ bất kỳ hoạt động nào của người

dùng như hiển thị bài thuyết trình, tham dự hội nghị truyền hình, vẽ trên bảng trắng, chia sẻ tệp... qua môi trường Internet.

Đã có nhiều nghiên cứu các khía cạnh khác nhau việc ứng dụng VR trong giáo dục, đào tạo trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Một số nghiên cứu đã cho thấy công nghệ VR có khả năng khiến người học cảm thấy hứng thú và có động lực học tập hơn, mở ra những hướng đi mới cho việc dạy và học. Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, VR được đưa vào ứng dụng phổ biến trong đào tạo, dạy nghề, huấn luyện, mang đến những đột phá trong phương pháp giảng dạy và tiếp cận mới cho người dạy và học. Các phòng thí nghiệm ảo, các ứng dụng trải nghiệm các hiện tượng tự nhiên được nghiên cứu và áp dụng.

Tại Việt Nam, sự phát triển của khoa học và công nghệ cùng quá trình hội nhập quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực giáo dục của Việt Nam, đặc biệt ở các trường đại học. Nhiều trường học đã ứng dụng công nghệ thực tế ảo tạo nên các chuyên tham quan khuôn viên cùng cơ sở vật chất tại trường. Trung tâm Ứng dụng Khoa học Giáo dục (CERA) - trực thuộc Trường Đại học Giáo dục tại Hà Nội là một trong những đơn vị đang tích cực triển khai các dự án và sản phẩm ứng dụng công nghệ mới trong đó có công nghệ thực tế ảo (VR). Trường đại học Kinh tế Quốc dân (NEU), Swinburne Đà Nẵng, đại học Ngân hàng TP.HCM... cũng đã

triển khai Tour VR360 hỗ trợ quá trình tham quan của sinh viên năm nhất.

Ở Việt Nam đã có nhiều dự án phát triển ứng dụng VR trong giảng dạy. Đầu tiên, phải kể đến dự án ứng dụng VR vào y học của Trường Đại học Duy Tân (Giải thưởng Sao khuê 2018). Sau đó, phải kể đến sự phát triển ứng dụng VR/AR của các công ty VRTech, Co-Well Asia, ADT Creative... Các bài học với công nghệ VR sẽ làm người học đắm chìm trong môi trường ảo hóa, giúp người học nắm chắc kiến thức và được trải nghiệm hơn.

Trường Đại học Công nghiệp Việt Nam cũng đã đưa mô hình các bài giảng được thiết kế dựa trên VR vào thực tiễn giảng dạy: bài học nhận diện và đọc tham số một số linh kiện điện tử dựa trên hình ảnh quan sát 3D của các linh kiện; bài giảng về mô tơ servo và lập trình điều khiển mô tơ servo dựa trên các video mô phỏng.

Hệ thống các phần mềm trong “Phòng thí nghiệm ảo điện tử cơ bản” do nhóm tác giả Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin cũng là một trong những ứng dụng thiết thực đưa thực tế ảo vào dạy học, cho phép học viên có thể xây dựng các bài thí nghiệm thực hành trên các phần mềm mô phỏng mạch điện mã nguồn mở, sau đó lưu trữ, chia sẻ và khai thác sử dụng vào trong quá trình học tập, giảng dạy. Các phòng thí nghiệm ảo 3D giúp người học có thể khai thác và xây dựng các bài thí nghiệm, thực hành dưới tương tác 3D trực quan, sinh động. Sáng kiến

đã được áp dụng trong nội dung hỗ trợ học tập lý thuyết, huấn luyện thực hành. Học viên có thể tự thực hiện các bài thực hành kèm theo sự hướng dẫn, định hướng gián tiếp của giảng viên, có thể tự thao tác các thí nghiệm để quan sát các hiện tượng không thể quan sát được khi thực hiện các thí nghiệm trong thực tế. Ngoài ra, giảng viên còn có thể sử dụng phòng thí nghiệm ảo để giảng dạy, huấn luyện trong quá trình lên lớp với hiệu ứng trực quan, sinh động, đảm bảo tính tương tác cao giữa người dạy và người học.

Các trường đại học ở Việt Nam cũng tổ chức, hỗ trợ các sinh viên trong các cuộc thi thiết kế thực tế ảo trong và ngoài nước. Trong cuộc thi Thiết kế Thực tế Ảo lần thứ 13 - The 13th Student BIM&VR Design World Cup - là cuộc thi thường niên dành riêng cho thiết kế, do Công ty FORUM8 (Nhật Bản) tổ chức cho sinh viên trên toàn thế giới diễn ra tại Nhật Bản từ ngày 8-10/11. Hai nhóm sinh viên của Khoa Công nghệ Xây dựng-Giao thông, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, đều xuất sắc giành giải thưởng do giám khảo bình chọn (Honorable Judge Award). Cho thấy tại Việt Nam, chủ đề thực tế ảo cũng đang được quan tâm, đầu tư để phát triển.

Tại các trường đại học, các môn học mang tính trừu tượng và thực hành với tần suất liên tục luôn làm khó sinh viên. Thông thường với những môn học lý thuyết này, sinh viên không có sự hứng thú trong học tập và làm

cho kết quả học tập giảm đi nhiều, này ảnh hưởng một phần không nhỏ trong chất lượng đào tạo của nhà trường. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo giúp các bạn sinh viên có thể tiếp cận một hình thức học tập và tiếp thu hoàn toàn mới trong các tiết triết học, hình học, các môn học xã hội... Từ đó nâng cao được chất lượng giảng dạy và đào tạo của nhà trường hơn.

Đối với các trường đại học Quân đội hay đại học Y đòi hỏi cao các kỹ năng và tính thực tế. Nếu ở ngoài đời thực, rất khó để sinh viên có thể thực hành phẫu thuật trên cơ thể người, hoặc các sinh viên quân đội khó có thể tác chiến trong môi trường chiến đấu thực tế. Nhưng với công nghệ thực tế ảo, sinh viên có thể thực hành trong không gian ảo với các tình huống và độ chính xác, chân thực cực kỳ cao. Hạn chế tuyệt đối các rủi ro khi thực hành ở ngoài đời thực, thực tế ảo cũng tạo ra cơ hội được học tập mới mà trước nay chưa từng có, từ đó tích lũy cho bản thân nhiều kinh nghiệm và kỹ năng để ứng dụng khi làm nhiệm vụ thực tế.

Thực tế ảo làm tăng động lực và sự tham gia của sinh viên trong việc học tập. Trong xu hướng học tập trực tuyến với nhiều thiết bị thông minh hỗ trợ, sinh viên có thể truy cập vào và học ở bất kỳ thời điểm nào. Sinh viên có thể trải nghiệm “nhập vai” trong khi nghiên cứu các mô hình 3D giúp nâng cao trải nghiệm học tập, sinh viên được tự do tương tác với các đối tượng ảo cũng như trao với các sinh viên khác thông qua các

thiết bị VR/AR. Công nghệ thực tế ảo tạo nên một môi trường học tập mới lạ, tạo nên sự thích thú và thu hút sinh viên tham gia vào các tiết học.

Các môn học trong chương trình đại học đòi hỏi tính tư duy, phân tích cùng khả năng vận dụng vào thực tế cực kỳ cao. Ứng dụng thực tế ảo trong giáo dục đại học hỗ trợ quá trình tiếp thu của sinh viên trong những môn học xã hội với nhiều lý thuyết trừu tượng khó hiểu. Thông qua các bài giảng mô phỏng trong không gian ảo, sinh viên có thể nhìn thấy các hình ảnh thực tế, được tự mình trải nghiệm sẽ kích thích bộ não ghi nhớ kiến thức nhanh chóng với các sự kiện đã được diễn ra. Điều này đã được chứng minh trong các nghiên cứu như thí nghiệm được thực hiện bởi Ekstrand về việc sử dụng VR trong đào tạo giải phẫu thần kinh. Nghiên cứu này kết luận rằng việc tích hợp thực tế AR giúp cải thiện đáng kể việc tiếp thu và ghi nhớ kiến thức, bên cạnh đó việc thực hành sẽ giúp các học viên có thể tự động tạo nên những phản xạ nhanh nhạy khi đối diện với các cuộc giải phẫu ngoài đời thực.

Các trường đại học Phòng cháy Chữa cháy có thể khai thác sức mạnh của thực tế ảo VR để giúp huấn luyện các học viên cứu hỏa của mình một cách an toàn và hiệu quả hơn về cả chất lượng và chi phí. Theo mô phỏng VR tạo ra cho các bạn sinh viên một số tình huống trong một nhà bếp rực lửa, tại hiện trường vụ rò rỉ xe tăng propane và nhìn thấy

một vụ cháy máy bay... Mô phỏng được điều khiển bằng máy tính thậm chí bao gồm một mô hình lửa giả tạo áp lực giạt lại tương tự như thực tế. Từ đó, sinh viên có thể thực hành trong không gian mô phỏng để tích lũy kỹ năng và kinh nghiệm để ứng dụng tốt hơn trong các trường hợp thực tế sau này.

Các trường đại học Công nghệ đang đưa mô hình các bài giảng được thiết kế dựa trên VR vào thực tiễn giảng dạy: bài học nhận diện và đọc tham số một số linh kiện điện tử dựa trên hình ảnh quan sát 3D của các linh kiện, bài giảng về mô-tơ servo và lập trình điều khiển mô-tơ servo dựa trên các video mô phỏng. Giúp sinh viên có thể hình dung các vị trí, quy trình thực hiện và được tự do trải nghiệm tương tác, thực hành lắp ráp trong môi trường ảo. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể chủ động truy cập để tìm hiểu kỹ hơn sau các tiết học tại trường.

Y khoa là một trong những lĩnh vực đặc thù của giáo dục. Đối với các chương trình đào tạo thông thường, các bạn sinh viên sẽ không có quá nhiều cơ hội để thực hiện các khâu phẫu thuật hay xử lý các tình huống phức tạp, điều này gây cản trở đến việc học tập cũng như tích lũy các kỹ năng của sinh viên. Công nghệ VR với khả năng hiển thị mô hình 3D bệnh nhân, bộ phận hay các tế bào giúp sinh viên có thể tự do trải nghiệm và thực hành trong không gian này một cách chân thực nhất. Từ đó, sinh viên có thể tham khảo và cải thiện các thao tác giải phẫu mà

không cần lo lắng đến mức độ ảnh hưởng ở ngoài đời thực. Đây cũng là môi trường để giúp bác sĩ, giáo viên hoàn thiện thêm kỹ năng Y khoa của mình.

Phòng thí nghiệm sử dụng công nghệ VR cung cấp môi trường mô phỏng chân thực, hấp dẫn. Sinh viên có thể tự khám phá, thực hiện các thí nghiệm, mô phỏng vốn dĩ không thể hoặc chưa có điều kiện làm trong thực tế. Phòng thí nghiệm thực tế ảo hỗ trợ rất nhiều trong các tiết học nghiên cứu phản ứng hóa học hay điều chế, giúp sinh viên phát huy khả năng sáng tạo và thực hành mà không phải lo lắng về vấn đề an toàn của cá nhân và cháy nổ phòng thí nghiệm... Tại môi trường thực tế ảo, sinh viên sẽ được tiếp cận với các thiết bị tiên tiến, những mô hình kỹ thuật cao cấp mà vốn không có sẵn trong trường học.

Hiện nay, Horizon Land hợp tác với Greenwich để xây dựng mô hình trường đại học thực tế ảo tại Việt Nam, khởi động chiến dịch trường VR. Học sinh, sinh viên Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để thay đổi phương pháp học tập truyền thống, hiện đại hóa bằng các công cụ công nghệ tích hợp, góp phần thổi luồng gió mới cho nền giáo dục trong nước, tạo tiền đề cho việc hội nhập giáo dục trên thế giới. Trong tương lai, chúng ta có thể tin tưởng ngành giáo dục sẽ có nhiều giải pháp thực tế ảo mới lạ, thậm chí là trường học thông minh. Với những ứng dụng thiết thực cùng những lợi ích mà thực tế ảo trong giáo dục đại học mang lại, chúng ta có quyền tự

tin rằng xu hướng này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh và phát triển trong tương lai.

Công nghệ VR hiện đang là một lĩnh vực phát triển và được ứng dụng rộng rãi trong xã hội nói chung, trong giáo dục - đào tạo nói riêng. Sự triển khai mạng 5G kết hợp với công nghệ đám mây càng làm cho việc triển khai các ứng dụng VR vào cuộc sống xã hội được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Trong hoạt động dạy học, VR như một phương tiện truyền thông mới thâm nhập vào lĩnh vực công nghệ giáo dục, đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách phương pháp giáo dục hiện đại trong các trường đào tạo, giáo dục ở nhiều cấp bậc và mức độ khác nhau. Ứng dụng công nghệ VR trong giảng dạy nói chung, dạy kỹ thuật nói riêng cung cấp cho người học một nền tảng học tập mới và hiệu quả hơn so với các phương pháp dạy học truyền thống. Người học có thể thực hành thông qua việc tương tác để đạt được khả năng trải nghiệm, quan sát, năng lực đổi mới qua các bài tập thực hành đầy đủ với sự hỗ trợ của công nghệ VR. Từ đó, giúp cho người học có được các kỹ năng nghề nghiệp, hiệu quả giáo dục công nghệ được nâng cao, nhất là việc học tập có sự hỗ trợ qua môi trường tích hợp mạng 5G với công nghệ đám mây.

Công nghệ VR hiện nay thực sự là công nghệ hữu hiệu trong nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục, đào tạo nói riêng. Đặc biệt, với phương pháp giáo dục từ xa đang được áp dụng phổ biến cho phép người dạy và

người học có thể tương tác thông qua mạng nhờ các công nghệ truyền thông hiện đại ngày nay, nhất là sử dụng công nghệ 5G và đám mây thì việc học tập với VR có thể thực hiện trong thời gian thực. Mô hình đào tạo ứng dụng công nghệ VR có xu hướng trở thành một mô hình đào tạo hiệu quả để phát triển kỹ năng cho người học. Trong tương lai, điều quan trọng là phải tiếp tục đánh giá những ưu và nhược điểm của việc sử dụng công nghệ VR trong giảng dạy cho các đối tượng khác nhau cũng như tính hiệu quả về chi phí và khả năng mở rộng của nó.

Ngoài công nghệ VR, công nghệ thực tế ảo tăng cường AR (augmented reality) là một xu hướng công nghệ mới được phát triển trên nền tảng công nghệ VR, hỗ trợ thêm thành phần kỹ thuật số tương tác. Vì vậy, chúng ta có thể kích hoạt camera trên smartphone, xem thế giới thực xung quanh trên màn hình và tương tác với vật thể 3D, không đòi hỏi người dùng phải “nhập vai” hoàn toàn vào thế giới kỹ thuật số như VR; công nghệ VR hỗn hợp - MR (mixed reality) là công nghệ thiết lập trạng thái cảm nhận của con người về thực tế được tăng cường AR thêm VR do máy tính tạo ra theo cấp độ khác nhau. Sự hòa trộn giữa VR và AR theo công thức $MR=VR+AR$ nhằm tạo ra một môi trường mới, trong đó các vật thể vật lý và vật thể ảo cùng tồn tại, tương tác lẫn nhau trên thời gian thực. Ngoài ra, không thể không nhắc tới công nghệ không gian ảo kết nối chéo XR

(extended reality) hay công nghệ VR mở rộng là kết nối tất cả các công nghệ ảo đã nêu trên.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, ứng dụng thực tế ảo trong giáo dục, đào tạo là một xu thế khách quan với sự phát triển không ngừng của các công nghệ VR, AR, MR mà nhiều nước phát triển trên thế giới đã, đang thực hiện và đạt được một số hiệu quả nhất định. Hệ thống giáo dục đã phát triển trong nhiều thế kỷ và sẽ ngày càng hiện đại, đổi mới để thích ứng với công nghệ sẵn có và nhu cầu của người học. Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ, Internet khắp mọi nơi và truy cập ngay vào hầu hết thông tin hoặc dữ liệu mong muốn, có thể là âm nhạc, video hoặc nội dung. Giáo dục Thế hệ Z ở bậc Đại học là một thách thức, đòi hỏi các học giả, nhà giáo dục và giáo viên có một cách tiếp cận hoàn toàn khác để tối đa hóa hiệu quả và sự tương tác giữa con người với nhau và trong đó các ứng dụng công nghệ VR, AR, MR có thể coi là một bước tiến mới nhằm đưa những kiến thức dưới dạng trực quan, sinh động đến với người học tại các trường Đại học của Việt Nam. Bên cạnh đó, các nhà giáo dục cần thận trọng với những thách thức như phụ thuộc quá nhiều vào hạ tầng công nghệ. Bằng cách giải quyết những yếu tố này việc ứng dụng công nghệ thực tế ảo sẽ giúp tạo môi trường học tập hấp dẫn và hiệu quả nhằm nâng cao kỹ năng cho sinh viên tại Việt Nam. ■

N.V.T

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌNH HÌNH MỚI

□ ThS. ĐINH DUY THỊNH *

Quản lý giáo dục là tổng thể mọi hoạt động: từ việc tổ chức, quản lý, giám sát, đến việc đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Vai trò của cán bộ quản lý giáo dục thể hiện trong việc tổ chức, duy trì, phối hợp, theo dõi các hoạt động như: quản lý sinh viên, quản lý nhân sự, quản lý hành chính, quản lý đào tạo, quản lý cơ sở vật chất... Như vậy, quản lý giáo dục mang những đặc trưng cơ bản, khác với những hình thức quản lý khác, như sau: (1) Quản lý giáo dục gắn liền với việc điều hành quá trình giáo dục, đào tạo con người, mang tính sư phạm, gắn với thầy cô giáo trong các nhà trường. (2) Quản lý giáo dục mang tính quyền lực trong việc điều hành nhằm điều chỉnh các hoạt động giáo dục; thông qua việc xây dựng, ban hành, chấp hành các văn bản như: luật, điều lệ, các quy định, quy chế về chuyên môn sư phạm quy định trong pháp luật. (3) Sản phẩm của giáo dục mang bản chất là hình thành, phát triển nhân cách người học; vì

vậy quản lý giáo dục phải chú ý phòng ngừa, ngăn chặn những sai phạm trong công việc để dẫn tới hậu quả khôn lường, không thể sửa chữa được. (4) Quản lý giáo dục gắn liền với phát triển quan điểm quản chúng, xã hội và tính thời đại.

Quy định về vai trò, trách nhiệm của cán bộ quản lý giáo dục được quy định tại Điều 18 Luật Giáo dục năm 2019, gồm 3 nội dung sau: (1) Cán bộ quản lý giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động giáo dục. (2) Cán bộ quản lý giáo dục có trách nhiệm học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và thực hiện các chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật. (3) Nhà nước có kế hoạch xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục.

Về cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục được quy định tại Điều 74 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể như sau: (1) Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ quản lý giáo dục gồm: trường sư phạm, cơ sở giáo dục đại học có khoa quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục. (2) Trường sư phạm do Nhà nước thành lập để đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được ưu tiên trong việc tuyển dụng nhà giáo, bố trí cán bộ quản lý giáo dục, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, ký túc xá và bảo đảm kinh phí đào tạo. Trường sư phạm có trường thực hành hoặc cơ sở thực hành. (3) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Về quy định phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú cho cán bộ quản lý giáo dục quy định tại Điều 78 Luật Giáo dục năm 2019, thì cán bộ quản lý giáo dục đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp

* Học viện CSND

lượt thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Trong xu thế phát triển nhảy vọt của khoa học công nghệ, tri thức của loài người không ngừng được bổ sung thì yêu cầu về tri thức, văn hoá và trình độ chuyên môn của người cán bộ quản lý giáo dục càng phải cao hơn. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục cần có tri thức khoa học xã hội phong phú, tri thức khoa học kỹ thuật sâu rộng; mà trước hết là phải có những hiểu biết cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ trên các mặt của lĩnh vực, ngành hoặc đơn vị mà họ quản lý, cũng như tri thức khoa học tổ chức lãnh đạo hiện đại và tư duy, kỹ năng lãnh đạo, nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới công tác giáo dục, đào tạo, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Để làm được điều đó, đòi hỏi phải xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, trình độ, tính chuyên nghiệp cao, góp phần quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước, hội nhập quốc tế. Hiện nay, với sự xuất hiện của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền tri thức nhân loại đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, đất nước, tạo ra của cải vật chất, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho mỗi quốc gia. Và giáo dục, đào tạo là chính là chìa khóa vạn năng cho sự thành công của mỗi quốc gia trên thế giới. Và vì

vậy, nhìn vào hệ thống giáo dục có thể dự đoán được tương lai của một đất nước, nhìn vào đội ngũ nhà giáo nói chung và cán bộ quản lý giáo dục nói riêng có thể đánh giá được chất lượng của một nền giáo dục. Vì vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm

vóc con người Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng đặc biệt coi trọng vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo. Nếu Đại hội XII của Đảng đề ra chủ trương “phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới” thì Đại hội XIII khẳng định giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt có tính quyết định để thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục. Đại hội XIII nhấn mạnh: “Đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, cần quán triệt quan điểm phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; triển khai có hiệu quả Quyết định số 33/QĐ-TTg, ngày 8-1-



Sử dụng bảng tương tác giáo viên sẽ không còn phải tốn thời gian và công sức soạn bài giảng.

2019, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”, Dự án “Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2016 và Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 18/01/2019, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030”. Theo đó, mục tiêu, phương hướng chung là đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo, tiến tới tất cả giáo viên tiểu học, trung học

cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học - công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Theo thống kê của Bộ giáo dục, đào tạo, hiện nay cả nước có gần 1,5 triệu nhà giáo và cán

bộ quản lý giáo dục, trong đó đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục chiếm khoảng 10% trên tổng số, nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo duy trì mọi hoạt động tổ chức, quản lý, giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục trong các nhà trường. Tỷ lệ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp như sau: khoảng 18% ở giáo dục mầm non, 65% ở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, 6% ở giáo dục cao đẳng, đại học, 11% ở cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có thể là những nhà giáo khá, giỏi được bổ nhiệm, điều động sang làm công tác quản lý, đa số là những người năng động, thích ứng nhanh với sự đổi mới giáo dục và đào tạo. Nhiều thầy, cô giáo là cán bộ quản lý giáo dục đã nỗ lực vượt khó vươn lên hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp

vụ, là tấm gương sáng về đạo đức, sự tận tụy, tâm huyết với nghề. Có những thầy, cô đã hi sinh cả tuổi xuân của mình, hết lòng vì học sinh, bám trường, bám lớp, trở thành người cha, người mẹ thứ hai của các em ở những vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, biên giới, hải đảo. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phát triển đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, trong đó, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đã góp phần không nhỏ cho thành quả của sự nghiệp giáo dục, đào tạo trong những năm qua. Nhiều mô hình giáo dục, phương pháp dạy học tích cực được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn. Chất lượng giáo dục đại học được cải thiện rõ rệt, tự chủ đại học được thúc đẩy, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tính đến hết năm 2023, cả nước có gần 600 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận kiểm định chất lượng, trong gần 300 chương trình của 48 trường đại học được đánh giá công nhận theo tiêu chuẩn trong nước, trên 200 chương trình của 36 trường đại học được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài. Năm 2019, Việt Nam có 8 trường đại học được xếp vào top 500 trường đại học tốt nhất châu Á; 2 trường đại học được xếp hạng vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới. Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên. Những thành tựu trên cho thấy, giáo dục Việt

Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu trên, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn không ít hạn chế, như: một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục; năng lực quản lý của một bộ phận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu về quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới. Những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này do: có lúc có nơi việc học tập của cán bộ quản lý chưa thực sự hiệu quả, các nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn lãnh đạo, quản lý, nhất là trong xu thế hội nhập, hiện đại hoá hiện nay; một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng nặng về lý luận, dàn trải, thiếu sự liên thông, kế thừa, trùng lặp về nội dung, thiếu tính thiết thực, chưa đi sâu vào rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho cán bộ quản lý. Do đó, để góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới, tác giả đề xuất những giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chỉ đạo các bộ, ngành sớm thực hiện khung đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với điều kiện tình hình phát triển của Việt Nam. Tiếp tục đổi mới căn bản nội dung, chương trình, tài liệu, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và nghiên cứu

áp dụng các chuẩn mực quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời tăng cường hợp tác với các nước trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các nhà quản lý giáo dục. Sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với cơ chế tự chủ và hội nhập quốc tế theo hướng minh bạch, công khai và cụ thể nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học. Đồng thời, có cơ chế giám sát việc chấp hành của các cơ quan, đơn vị nhằm khuyến khích, động viên, công nhận trình độ, năng lực của cán bộ quản lý giáo dục khi tự túc kinh phí đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Thứ hai, hoàn thiện tiêu chí về phẩm chất, năng lực nhà giáo đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm thay đổi phương thức sản xuất, giúp con người đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong kinh tế - xã hội. Nhưng chuyển đổi số và Internet cũng làm thay đổi môi trường văn hóa, sự liên kết xã hội và tiềm ẩn những rủi ro về an toàn của cả xã hội và mỗi cá nhân. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong bối cảnh như vậy đặt ra yêu cầu rất cao về tiêu chí của đội ngũ cán bộ trong hệ thống giáo dục để khai thác yếu tố tích cực, vượt qua thách thức và đào tạo ra “công dân toàn cầu” nhằm đưa đất nước phát triển. Yêu cầu của sản phẩm giáo dục càng cao thì tiêu chí của người thầy càng

phải được nâng lên. Nhằm giáo dục con người toàn diện (đức, trí, thể, mỹ), cán bộ quản lý giáo dục ngoài việc là điển hình của phương thức tiếp cận giáo dục và kỹ năng đào tạo hiện đại thì vẫn phải lưu giữ và phát huy tính điển hình của mẫu người toàn diện, tiêu biểu về đạo đức, trí tuệ của thời kỳ hội nhập và phát triển. Chuẩn mực đạo đức của cán bộ quản lý giáo dục có tác động lớn tới chuẩn mực đạo đức của xã hội. Người cán bộ quản lý giáo dục ngoài tiêu chuẩn chung của nhà giáo phải là người có kiến thức quản trị hiện đại, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, biết cách làm, làm có hiệu quả, vì lợi ích chung.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục để đáp ứng với thời đại công nghệ số và từng bước đạt chuẩn theo yêu cầu chức danh lãnh đạo, quản lý, vị trí việc làm. Đào tạo, bồi dưỡng gắn với công tác đánh giá, quy hoạch, quản lý, sử dụng cán bộ. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý tài chính, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và thu hút các nguồn tài trợ từ các tổ chức, đơn vị. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị có liên quan cần thường xuyên chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, bồi dưỡng và việc thực hiện Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm cũng như giải quyết các khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng

công tác đào tạo, bồi dưỡng. Cần có chính sách khuyến khích tinh thần học tập suốt đời, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý giáo dục để góp phần giảm thiểu các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời, phải có cơ chế động viên, khen thưởng và công nhận trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức đã tự túc kinh phí, tự học nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải toàn diện, bao gồm tư tưởng chính trị, đạo đức, kiến thức chuyên môn và kỹ năng sống, kỹ năng sư phạm hiện đại. Trong giai đoạn hiện tại, cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục trên một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu sắc. Quy trình, quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ; nội dung các môn học mới theo chương trình mới thay đổi so với chương trình cũ. Chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Hai là, đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý, quản trị hiện đại cho cán bộ quản lý ở các cấp học; về phương pháp biên soạn chương trình, tài liệu, đề cương bài giảng theo đào tạo tín chỉ, quy chuẩn kiểm định chất lượng, xây dựng và triển khai chuẩn chương trình đào tạo tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đào tạo, bồi dưỡng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực, phát huy tính độc lập, sáng tạo, tự chủ, tự nghiên cứu của người học. Bồi dưỡng khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học; thực hiện việc chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển chung của xã hội.

Ba là, để đào tạo, bồi dưỡng có hiệu quả, cần hoàn thiện khung năng lực cán bộ quản lý giáo dục các cấp làm cơ sở để xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải cập nhật, linh hoạt, thiết thực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu, rộng.

Thứ năm, cần quan tâm, nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị dạy và học tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, nhằm bảo đảm các điều kiện dạy và học có chất lượng phù hợp với từng thời kỳ. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện thuận lợi về môi trường pháp lý để các nhà đầu tư nước ngoài mở cơ sở giáo dục chất lượng cao tại Việt Nam, đặc biệt trong môi trường 4.0, việc đổi mới

toàn diện, căn bản các hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán quản lý giáo dục trên cơ sở lấy người học làm trung tâm, đặc biệt ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng và truyền đạt bài giảng là yếu tố vô cùng quan trọng trong xu thế hội nhập quốc tế. Khuyến khích các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại, ứng dụng công nghệ số vào đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện sáp nhập, giải thể, tinh gọn và củng cố, kiện toàn hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuyên nghiệp từ cấp Trung ương đến địa phương.

Thứ sáu, tập trung xây dựng, bổ sung và hoàn thiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục. Quan tâm, xem xét chế độ phụ cấp, đãi ngộ, tiền lương và sớm thực hiện chủ trương xét nâng bậc, thăng hạng cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có thâm niên trong công tác quản lý. Ngoài ra, cần bổ sung và hoàn thiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý giáo dục khi được cử đi học nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình mới để cán bộ quản lý giáo dục yên tâm học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Công khai, minh bạch việc đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý giáo dục dựa trên kết quả học tập, bồi dưỡng hằng năm và những việc đã làm được theo bảng phân công nhiệm vụ công việc để làm tiêu chuẩn xem xét khen thưởng, nâng ngạch, thăng hạng, xét tặng,

phong danh hiệu cho cán bộ quản lý giáo dục nhằm động viên kịp thời sự cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ và có nhiều đóng góp cho tổ chức.

Thứ bảy, tập trung đầu tư phát triển một số trường đại học trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới, làm nòng cốt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng Học viện Quản lý giáo dục tại Hà Nội và Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh đủ khả năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao và phát triển khoa học quản lý giáo dục ngang tầm khu vực. Căn cứ vào Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, các trường sư phạm tiến hành xây dựng chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng đối với các trường sư phạm để nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo trong nước, cần đẩy mạnh đưa giảng viên đại học đi đào tạo bằng học bổng hay từ nguồn ngân sách nhà nước ở các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, ở các cơ sở giáo dục có uy tín đã được xếp hạng, coi đây là giải pháp mang tính đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đưa giáo dục đại học Việt Nam hội nhập với khu vực và

thế giới. Thực tiễn cho thấy, phần lớn những bài báo công bố trên tạp chí uy tín trong danh mục ISI, Scopus đến từ những giảng viên được đào tạo ở những nước có nền giáo dục phát triển. Các cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ giảng dạy, trình độ học vấn, tỷ lệ giữa giảng viên và sinh viên từng ngành trong trường, xác định trọng tâm phát triển những ngành mũi nhọn, dự báo thị trường lao động, nhu cầu nguồn nhân lực, trên cơ sở đó có kế hoạch đề xuất cán bộ đi đào tạo để bảo đảm đủ chuẩn và hợp lý về cơ cấu. Những trường hợp không thể đi đào tạo ở nước ngoài, thì đào tạo trong nước theo hình thức liên kết giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học nước ngoài đạt chuẩn chất lượng khu vực và thế giới.

Để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu tình hình hiện nay, cần triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trên đây, từ việc xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ, khuyến khích sáng tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đến xây dựng văn hóa học tập suốt đời, đánh giá và cải tiến liên tục, phát triển cơ chế khen thưởng, hợp tác và học hỏi từ các trường tiên tiến. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của nền giáo dục nước nhà. ■

Đ.D.T

T I S N XU T, BU N B`N H NG GI THEO QUY NH C A B LU T H NH S N M 2015 V NH NG V N TRONG `P D NG TH C TI N

ThS. GAO AN KHANG *

Hiện nay tình trạng hàng giả, nhái, kém chất lượng đang diễn biến phức tạp và xuất hiện trong hầu hết mọi lĩnh vực, trôi nổi trên thị trường, trở thành một vấn nạn không chỉ riêng đối với các doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến người tiêu dùng. Sản xuất, buôn bán hàng giả là một tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 với mức phạt tù cao nhất là 15 năm tù.



Các tội sản xuất, buôn bán hàng giả bao gồm: tội sản xuất, buôn bán hàng giả; tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm; tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh và tội sản xuất, buôn bán

hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi. Theo quy định tại các điều từ Điều 192 đến Điều 195 Bộ luật Hình sự 2015, thì: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả nhằm thu lợi bất chính, gây thiệt hại cho lợi ích, tính mạng và sức khỏe của người tiêu dùng. Trong đó: Sản xuất hàng giả là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chế tạo, chế bản, in, gia công, đặt hàng, sơ chế, chế biến, chiết xuất, tái chế, lắp ráp, pha trộn, san chia, sang chiết, nạp, đóng gói và hoạt động khác làm ra hàng hóa giả; Buôn bán hàng giả là việc thực

hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chào hàng, bày bán, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động khác đưa hàng hóa giả vào lưu thông.

Hàng hóa (là sản phẩm có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường) giả bao gồm: Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký; Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính

* Học viện CSND

tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 Luật Dược năm 2016; Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng; Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa; Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả (bao gồm đề can, nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, các loại tem chất lượng, dấu chất lượng, tem truy xuất nguồn gốc, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa hoặc vật phẩm khác của tổ chức, cá nhân kinh doanh có chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo tên thương mại, tên thương phẩm, mã số mã vạch, mã số đăng ký lưu hành,

mã số công bố của hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác).

Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả” quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả” tại Điều 192, trong đó:

(1) Về mặt chủ thể: chủ thể của tội sản xuất, buôn bán hàng giả là chủ thể thường, bất cứ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự; pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Dân sự.

(2) Về mặt khách thể: khách thể xâm hại của tội phạm này là hoạt động quản lý thị trường của Nhà nước đối với việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán các loại hàng hóa được phép sản xuất, kinh doanh, buôn bán, sử dụng trên thị trường, đồng thời là quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất, kinh doanh hàng hóa và người tiêu dùng.

(3) Về mặt chủ quan: người thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Chủ thể thực hiện tội phạm nhận thức rõ mặt hàng mà mình sản xuất, buôn bán là hàng giả nhưng vẫn cố tình và mong muốn thực hiện tội phạm vì mục đích trục lợi.

(4) Về mặt khách quan: Điều luật quy định hành vi khách quan của tội phạm này gồm 02 loại hành vi là sản xuất hàng giả và buôn bán hàng giả.

Hành vi sản xuất hàng giả là hành vi tạo ra các loại sản

phẩm, hàng hóa giống hệt hoặc tương tự có khả năng làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu, hàng hóa của cơ sở sản xuất, buôn bán khác đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, hoặc đã được bảo hộ theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, bao gồm việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chế tạo, chế bản, in, gia công, đặt hàng, sơ chế, chế biến, chiết xuất, tái chế, lắp ráp, pha trộn, san chia, sang chiết, nạy, đóng gói và hoạt động khác làm ra hàng giả.

Như vậy, buôn bán hàng giả là hành vi mua đi bán lại loại hàng hóa biết rõ là giả nhằm thu lời bất chính. Hành vi này bao gồm việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chào hàng, bày bán, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động khác đưa hàng hóa vào lưu thông.

Căn cứ vào tính năng kỹ thuật, giá trị sử dụng và công dụng của hàng giả, Bộ Luật Hình sự quy định: Hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là đối tượng tác động của tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm; Hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh là đối tượng tác động của tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; Hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi là đối tượng tác động của tội sản xuất, buôn bán hàng giả

là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi; Hàng giả còn lại (không thuộc các loại hàng hóa giả nêu trên) là đối tượng tác động của tội sản xuất, buôn bán hàng giả. Trong đó:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình sự, thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (không phải là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi) bị coi là phạm tội khi thuộc một trong những trường hợp sau đây: Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% trở lên; Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên; Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 195 Bộ luật Hình sự, thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây

trồng, giống vật nuôi bị coi là phạm tội khi thuộc một trong những trường hợp sau đây: Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên; Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì hàng giả bao gồm (1) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hoá không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký; (2) Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng

đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; (3) Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 của Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 của Luật Dược năm 2016; (4) Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng; (5) Hàng hoá có nhãn hàng hoá hoặc bao bì hàng hoá ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hoá; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hoá hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa; (6) Tem, nhãn, bao bì hàng hoá giả. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã gián tiếp quy định tiêu chí trị giá hàng giả tương đương với hàng thật và mức tiền thu lời bất chính để phân biệt hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả bị coi là phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm và tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh với hành vi vi phạm hành

chính sản xuất, buôn bán các loại hàng giả nêu trên. Theo quy định tại Điều 9 và 10 Nghị định 98/2020/NĐ-CP, thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (bao gồm hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) về giá trị sử dụng, công dụng với số lượng của hàng thật có trị giá dưới 30.000.000 đồng, hoặc thu lợi bất hợp pháp dưới 50.000.000 đồng bị xử phạt vi phạm hành chính. Mức trị giá hàng giả tương đương với hàng thật và mức tiền thu lợi bất chính quy định tại Điều 9 và 10 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP bảo đảm sự đồng bộ với quy định tại các điểm a (hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên) và c (thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên) của các Điều 192 và 195 Bộ luật Hình sự.

Tại các điểm g và h khoản 2 của các Điều 193 và 194 Bộ luật Hình sự gián tiếp quy định số lượng cao nhất hàng hóa tương đương với hàng thật, mức thu lợi bất chính cao nhất mà hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 193 và 194 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ, theo quy định tại điểm g và h khoản 2 của các Điều 193 và 194 Bộ luật Hình sự, thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm hoặc thuốc chữa bệnh, thuốc

phòng bệnh) với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 150.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng chỉ bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 193 hoặc 194 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, mức số lượng hàng hóa tương đương với hàng thật và mức thu lợi bất chính mà hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 193 và 194 Bộ luật Hình sự là: Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng; và thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. Về bản chất, thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) có tính chất nguy hiểm hơn hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (không phải là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh). Theo quy định tại khoản 1 của các Điều 192 và 195 Bộ luật Hình sự thì hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (không phải là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi

phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm vẫn bị coi là phạm tội. Cho nên, cũng cần quy định là tội phạm đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Mặt khác, hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh) gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng đã bị coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm i và k khoản 2 của các Điều 193 và 194 Bộ luật Hình sự cho nên về kỹ thuật lập pháp, thì tại khoản 1 của các Điều luật này chỉ nên quy định các tình tiết là dấu hiệu định tội bao gồm số lượng hàng giả, mức thu lợi bất chính và chỉnh sửa về kỹ thuật lập pháp như sau: “Điều

193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm:

1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”.

“Điều 194. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh:

1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193,

195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”.

Bên cạnh những mặt tích cực trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm sản xuất, buôn bán hàng giả theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thực tế áp dụng vẫn còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc trong việc xử lý tội sản xuất, buôn bán hàng giả hiện nay, như sau:

Thứ nhất, về xác định tội danh: đối với tội “Sản xuất buôn bán hàng giả” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, mục đích của người sản xuất, buôn bán hàng giả là nhằm mục đích thu lợi bất chính. Động cơ, mục đích phạm tội này tương đồng với động cơ, mục đích phạm tội đối với nhiều loại tội phạm khác, đặc biệt là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, người thực hiện hành vi phạm tội cũng đưa ra các thông tin giả mạo (không đúng sự thật) nhưng làm cho người khác tin là thật để chiếm đoạt tài sản của những người này. Tuy nhiên, khi xét xử cần lưu ý đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, người phạm tội sử dụng hàng giả như một thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản, và về mặt chủ quan thì người bị hại trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được xác định trước, ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội là dùng hàng giả để

lừa đảo những cá nhân xác định nhằm chiếm đoạt tài sản, còn người sản xuất hàng giả không hướng đến một đối tượng cụ thể, mà hướng đến việc tiêu thụ hàng hóa chung nhằm mục đích thu lợi.

Việc xác định “Tội buôn bán hàng giả” và “Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”: Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp là hành vi chiếm đoạt, sử dụng bất hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi, xuất xứ hàng hóa hoặc các đối tượng sở hữu công nghiệp khác đang được bảo hộ tại Việt Nam. Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp chính là đối tượng của các dạng hành vi trái phép trên. Sản phẩm bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp khi một chủ thể không phải chủ sở hữu, không phải là người có quyền sử dụng hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa ... đang trong thời hạn bảo hộ mà thực hiện những hành vi xâm phạm như trên để sản xuất ra các sản phẩm, lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán hàng hóa xâm phạm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, giữa hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp có một bộ phận bị trùng nhau. Đó là trường hợp hàng giả về hình thức và hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng chỉ dẫn thương mại như: nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý...

Thứ hai, Bộ luật Hình sự năm 2015 lại không quy định cụ thể đối với đối tượng là “vật liệu xây dựng” là một trong những tình tiết định khung tăng nặng là không hợp lý. Bởi lẽ, tuy không trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng như lương thực, thực phẩm; không ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền sản xuất nông nghiệp như phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, giống cây trồng... nhưng vật liệu xây dựng giả khi đưa vào xây dựng các công trình đường sá, cầu cống, nhà cao tầng, đập thủy điện sẽ tiềm tàng nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng của con người, tài sản của người dân cũng như ngân sách nhà nước và chính sách phát triển cơ sở hạ tầng.

Thứ ba, việc xác định thời điểm hoàn thành tội phạm trong một số trường hợp cụ thể còn khó khăn. Đối với tội sản xuất hàng giả thì tội phạm hoàn thành ở thời điểm bị cáo thực hiện toàn bộ các công đoạn sản xuất hàng giả hay chỉ cần một trong số các giai đoạn đó.

Thứ tư, khó khăn trong việc xử lý pháp nhân phạm tội: cũng giống như thể nhân, pháp nhân thương mại tham gia vào quan hệ pháp luật là chủ thể bình đẳng, độc lập với các chủ thể khác nên pháp nhân thương mại phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Mọi hoạt động của pháp nhân được tiến hành thông qua hành vi của những cá nhân - người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, khi pháp nhân ra đời nhưng chưa có

người đại diện, người đại diện chỉ được xác định sau khi pháp nhân tiến hành các thủ tục cần thiết mà pháp nhân này lại thực hiện hành vi sản xuất hàng giả, buôn bán hàng giả được quy định là tội phạm thì việc xử lý trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong trường hợp này gặp khó khăn.

Ngoài ra, nhiều thuật ngữ, khái niệm trong tội “sản xuất, buôn bán hàng giả” còn chung chung, chưa được quy định cụ thể nên dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn như: “hàng giả tương đương với số lượng hàng thật”; “hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng”...

Điều này cho thấy, cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội sản xuất, buôn bán hàng giả. Bởi vì, việc không ngừng hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là pháp luật hình sự một cách toàn diện, kịp thời sẽ lấp được những “lỗ hổng”, khiếm khuyết của pháp luật khi áp dụng trong thực tiễn, nâng cao được hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực hiện cải cách Tư pháp và đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay, việc ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, trong đó quy định khá chặt chẽ, cụ thể hành vi, động cơ phạm tội và khung hình phạt đối với loại tội phạm này là vô cùng quan trọng.

Như vậy, qua các phân tích trên, cần thiết phải đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Hình sự về đấu tranh, xử lý

loại tội phạm sản xuất, buôn bán hàng giả như sau:

Một là, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật:

Hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội sản xuất, buôn bán hàng giả trong thời gian qua tuy đã cố gắng và đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên mức độ phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng của tội phạm này ngày một gia tăng, nhưng mức độ xử lý của các cơ quan chức năng thì đa số chỉ bị xử lý hành chính, chưa đủ sức răn đe, chưa tương xứng với mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội này.

Hai là, nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật: tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, vận động toàn dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống sản xuất, buôn bán hàng giả. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng giúp cho mọi người hiểu được tác hại của hàng giả, hiểu được quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không tham gia sản xuất, buôn bán hàng giả và sử dụng hàng giả, tích cực tham gia cùng các cơ quan chức năng phát hiện, đấu tranh ngăn chặn.

Bên cạnh đó, cần bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, chương trình của Chính phủ về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan Tư pháp.

Thông qua việc truyền đạt, phổ biến rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan Tư pháp. Thông qua việc phổ biến rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội về những quy định của pháp luật hình sự về “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả”, các chế tài xử lý nghiêm minh đối với loại tội phạm này, giúp nhân dân nâng cao nhận thức, không thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, đồng thời tố giác cá nhân, tổ chức vi phạm.

Ba là, bổ sung hướng dẫn về khái niệm “hàng giả”. Có thể xây dựng khái niệm hàng giả như sau: “Hàng giả là tất cả các loại hàng hóa được sản xuất trái pháp luật dựa trên các hàng hóa đã có trên thị trường, có những đặc điểm, tính chất, kiểu dáng và các thông tin dấu hiệu của hàng thật nhưng không đủ tiêu chuẩn chất lượng quy định, gây nhầm lẫn với hàng hóa đang được bảo hộ nhằm mục đích lừa dối người tiêu dùng và thu lợi bất chính”.

Bốn là, đề nghị thay đổi quy định giá trị hàng giả thấp hơn 30 triệu đồng theo hướng hạ thấp phù hợp với thực tế. Bởi theo quy định tại Điều 192 Bộ luật Hình sự 2015 về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”, thì chỉ những hành vi kinh doanh hàng giả có giá trị tương đương hàng thật từ 30 triệu đồng trở lên hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng phải gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án thì mới bị xử lý

hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn thì có nhiều trường hợp việc sản xuất, vận chuyển tiêu thụ hàng giả ở mức nhỏ lẻ, dưới 30 triệu đồng nên khó để xử lý hình sự các hành vi này.

Năm là, hướng dẫn cụ thể trong quá trình tổ chức giám định về xác suất, tỉ lệ % hay phương thức giám định của cả lô hàng để phục vụ giải quyết vụ án kịp thời có tác dụng phòng ngừa và răn đe tội phạm.

Sáu là, hướng dẫn cụ thể về phạm tội chưa đạt, thời điểm hoàn thành tội phạm đối với tội “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả”, cũng như các tội “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm”; “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”; “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi” quy định tại các Điều 192, 193, 194, 195 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bảy là, cần có hướng dẫn cụ thể đối với các thuật ngữ: “hàng giả tương đương với số lượng hàng thật”; “hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng”, “quy mô thương mại”. Hướng dẫn về thời điểm tính giá trị của hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng được quy định trong các cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng là được tính từ thời điểm sản xuất, buôn bán được giám định, định giá hay là thời điểm cơ quan, tổ chức, cá

nhân có thẩm quyền tiến hành giám định, định giá vì vấn đề này liên quan đến loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng, khung tăng nặng, thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý...

Tám là, cần có hướng dẫn xử lý hình sự đối với hành vi sản xuất hàng giả, buôn bán hàng giả; hành vi sản xuất hàng giả để buôn bán, tàng trữ hàng giả để buôn bán. Hướng dẫn xử lý hành vi sản xuất hàng giả nhưng không buôn bán mà để sử dụng, đang sử dụng, đã sử dụng.

Như vậy, sản xuất, buôn bán hàng giả ở nước ta là một vấn đề phức tạp, tội phạm này đã và đang gián tiếp gây ảnh hưởng và tác hại lớn đối với sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng, ảnh hưởng lớn đến sự quản lý của Nhà nước trong quản lý kinh tế, kìm hãm sự phát triển và cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp phát triển của đất nước. Do vậy, đấu tranh phòng, chống nạn sản xuất, buôn bán hàng giả là nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, của toàn dân và mọi công dân trong xã hội. Việc đấu tranh phòng, chống tội phạm sản xuất, buôn bán hàng giả có hiệu quả là điều kiện quan trọng bảo vệ người tiêu dùng, góp phần ổn định và phát triển kinh tế thị trường, phục vụ sự nghiệp đổi mới của đất nước ta, góp phần vào sự phát triển chung của toàn xã hội. ■

C.A.K

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN CÁC TUYẾN QUỐC LỘ TẠI VIỆT NAM

□ TS. NGUYỄN THỊ NGÀ *

Việt Nam có một hệ thống đường bộ rộng lớn. Trên toàn lãnh thổ Việt Nam có 128 quốc lộ, với 4.028 cầu lớn, nhỏ trên đường. Tổng chiều dài các tuyến quốc lộ tại nước ta là 17.530 km. Cùng với những tuyến quốc lộ là các mạng lưới tỉnh lộ, huyện lộ toả đi khắp mọi miền đất nước. Mỗi tỉnh đều có các bến xe liên tỉnh, nội tỉnh với dịch vụ xe khách thuận tiện và chất lượng phục vụ ngày càng cao. Ở các thành phố lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh) còn có dịch vụ xe buýt chạy hàng ngày trên các tuyến đường chính. Ngoài ra, các dịch vụ xe máy, xe đạp, xích lô... cũng là những phương tiện giao thông phổ biến ở Việt Nam. Theo thống kê, từ tháng 1 - 3/2024, cả nước đã xảy ra không ít vụ tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Điều đáng chú ý, tuyến đường xảy ra tai nạn, tập trung nhiều trên các đường quốc lộ (chiếm 50%).

* Học viện CSND

Đầu năm 2024, toàn quốc đã xảy ra 6 vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng, làm chết 22 người, bị thương 4 người. Trong số này, Công an các đơn vị, địa phương đã xác định được có 3 vụ nguyên nhân gây ra là do người điều khiển phương tiện đi không đúng chiều đường, phần đường, làn đường quy định; 2 vụ nguyên nhân do người điều khiển phương tiện không chấp hành quy định về tốc độ và vượt xe không đúng quy định; 1 vụ do người điều khiển mô tô đi vào đường cao tốc, chạy ngược chiều trên đường cao tốc. Về tuyến đường xảy ra tai nạn, tập trung nhiều trên các tuyến quốc lộ (chiếm 50%); thời gian xảy ra nhiều nhất vào trong khung giờ từ 12 - 18h (chiếm 50%); 100% người điều khiển phương tiện gây tai nạn giao thông là nam giới, ở độ tuổi từ 28 - 55 là nhiều nhất (chiếm 66,67%). Về phương tiện liên quan đến các vụ tai nạn, mô tô, xe máy là chủ yếu (chiếm 41,18%), các loại phương tiện khác như xe container, ô tô con, ô tô khách, ô tô tải chiếm tỷ lệ thấp hơn (mỗi loại phương tiện chiếm từ trên 10 đến dưới 18%).

Năm 2024, Bộ Giao thông vận tải đưa vào triển khai xử lý

13 “điểm đen” và 8 “điểm tiềm ẩn” tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ. Trong đó, trọng tâm bố trí nguồn lực để xử lý các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” tai nạn giao thông trên hệ thống quốc lộ, nhằm đảm bảo giao thông thuận lợi, đáp ứng nhu cầu vận tải và đi lại của người dân được an toàn. Đồng thời, phối hợp các cơ quan, đơn vị theo phạm vi, trách nhiệm quản lý tổ chức rà soát công trình an toàn giao thông trên các tuyến quốc lộ, đường bộ cao tốc; trường hợp phát hiện hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ gây mất an ninh trật tự, triển khai xây dựng nhu cầu và kiến nghị cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch, kinh phí xử lý theo quy định. Để thực hiện tốt hơn công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, ngăn chặn, kéo giảm các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tai nạn liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải, Phó Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cần thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong tình hình mới, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ

thị số 23-CT/TW và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới. Tiếp tục xử lý các “điểm đen” về tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ trọng điểm, các tuyến đường đèo dốc, nguy hiểm; trước mắt, ưu tiên cải tạo ngay các “điểm đen”, đường tránh nạn, hộ lan, biển cảnh báo, chỉ dẫn tại các vị trí xảy ra các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý phương tiện giao thông, nhất là phương tiện xe ô tô kinh doanh vận tải. Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông và trật tự an toàn giao thông để có giải pháp ứng phó phù hợp, kịp thời. Bộ Công an duy trì thường xuyên việc tuần tra, xử lý vi phạm theo chuyên đề, nhất là chuyên đề về kiểm soát nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và chuyên đề về kiểm soát tải trọng xe, xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật đối với tất cả các trường hợp vi phạm; chỉ đạo Công an các địa phương, đơn vị (nhất là lực lượng Cảnh sát giao thông) nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, tuyệt đối không chấp nhận sự can thiệp của các cá nhân, đơn vị vào quá trình xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là vi phạm về nồng độ cồn. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án “Đầu tư lắp đặt camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự và

xử lý vi phạm hành chính” theo Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để thu thập dữ liệu và xử lý vi phạm (phạt nguội) thay cho phương thức xử lý trực tiếp; đơn giản hóa quy trình, thủ tục xử lý và nộp tiền phạt vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đối với người dân, doanh nghiệp. Bộ Công an cùng với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền (trực tiếp và gián tiếp) pháp luật về trật tự an toàn giao thông; thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với vi phạm pháp luật TTATGT của người dân, đặc biệt là vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức (nếu có)...

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu Bộ Công an chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông và Công an các địa phương tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông, hành vi vi phạm là nguyên nhân chính dẫn đến các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô như vi phạm quy định về chở hàng quá khổ, quá tải trọng, “cơi nới” thùng xe, chở quá số người quy định, xe hết hạn kiểm định, quá niên hạn sử dụng, vi phạm tốc độ, tránh, vượt, đi sai phần đường, làn đường, chuyển làn không đúng quy định, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, sử dụng giấy tờ không do cơ quan có thẩm quyền cấp (giấy tờ giả); phát động phong trào toàn dân lên án,

phát hiện và cung cấp tài liệu phản ánh vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông để lực lượng Cảnh sát giao thông xử lý theo quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng khoa học công nghệ để khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát trên xe kinh doanh vận tải, thống nhất với Bộ Giao thông vận tải chuẩn bị phương án quản lý, khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát trên xe kinh doanh vận tải phù hợp với tiến độ triển khai Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo hướng tăng nặng mức phạt, hình thức xử phạt với nhóm các hành vi do lỗi cố ý, vi phạm nhiều lần trong khoảng thời gian nhất định trong hoạt động kinh doanh vận tải, như vi phạm về tốc độ, đón, trả khách không đúng quy định, vi phạm quy định về luồng tuyến và thời gian lái xe, tránh, vượt không đúng phần đường, làn đường, chờ quá số người quy định, vi phạm các quy tắc giao thông trên cao tốc, cố ý tắt thiết bị giám sát hành trình; nghiên cứu giải pháp quản lý tải phạm trong vi phạm về trật tự, an toàn giao thông. Nghiên cứu nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với tình hình thực tiễn (mức 02 năm).

Thông qua các hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát giao thông để phát hiện, kiến

ngành giao thông khắc phục các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” mới về tai nạn giao thông; các bất hợp lý về tổ chức giao thông; xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức chậm hoặc không khắc phục các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” về tai nạn giao thông đã được kiến nghị nhiều lần, tiếp tục để xảy ra tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật.

Lực lượng Cảnh sát giao thông khi phát hiện người điều khiển phương tiện sử dụng ma túy và các chất cấm khác theo quy định pháp luật, ngoài việc gửi thông tin cho chính quyền địa phương nơi lái xe cư trú, cần gửi thông tin cho cơ quan có liên quan về giao thông vận tải và y tế để cùng giám sát và quản lý...

Xóa bỏ các “điểm đen”, “điểm mất an toàn giao thông” là một trong những việc làm cần thiết mà địa phương và ngành chức năng cần phải đặc biệt quan tâm thực hiện, nhằm bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, ngăn ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn các tuyến quốc lộ. Tuy nhiên, việc xóa bỏ “điểm đen” một cách bền vững không chỉ đòi hỏi phương án kỹ thuật khắc phục của các cơ quan chức năng, mà quan trọng nhất vẫn là ý thức của mỗi người dân trong việc tuân thủ chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông. Nhằm nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật và xây dựng văn hóa giao thông an toàn; kiểm chế và kéo giảm tai nạn giao thông về cả số vụ, số người chết và số người bị thương trên các tuyến quốc lộ; đồng thời, khắc phục

tình trạng ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đầu mối giao thông trọng điểm. Thời gian tới cần áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến quốc lộ tại Việt Nam như sau:

Một là, cần tăng cường hơn sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an toàn giao thông. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 23 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an toàn giao thông trong tình hình mới; Nghị quyết số 149 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 23 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 10 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới, “Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn 2030” và các chỉ thị, chính sách, quy định về bảo đảm an toàn giao thông. Trong giải pháp này, cần nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu đơn vị, địa phương.

Hai là, đẩy mạnh công tác quản lý, thực thi pháp luật bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Việt Nam đang đề cao việc xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đối với lĩnh vực giao thông càng cần thực hiện quyết liệt bởi ở đây đang diễn ra “thảm họa” về tai nạn giao thông. Có thể thấy rằng, khi nào và ở đâu, việc quản lý, thực thi pháp luật về giao thông được tiến hành thường xuyên, đúng quy định thì

tình hình trật tự, an toàn giao thông được bảo đảm, tai nạn giao thông được giảm thiểu và ngược lại. Thực thi pháp luật mạnh mẽ không chỉ có tác dụng phát hiện và ngăn chặn kịp thời mà còn có tác dụng to lớn trong việc răn đe, làm gương, tạo ý thức, thói quen, hành vi đúng đắn của người dân khi tham gia giao thông. Đặc biệt, trong công tác này cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm đối với chính các hành vi vi phạm của người thực thi công vụ, như bao che, không xử lý nghiêm đối với các sai phạm, nhận hối lộ, cố tình làm sai lệch các vi phạm...

Ba là, chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức rõ để có hành vi đúng đắn trong tham gia giao thông, ngăn ngừa hiểm họa tai nạn giao thông. Công tác tuyên truyền phải bảo đảm đồng bộ, khoa học, tiến hành toàn diện nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Phương châm là phải bảo đảm tính “dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo”, tạo được niềm tin, sự đồng thuận trong Nhân dân. Bảo đảm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tạo ra phong trào toàn dân thực hiện an toàn giao thông, văn hóa tham gia giao thông. Phải coi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt, thường xuyên và quan trọng, đặc biệt là với đối tượng thanh, thiếu niên. Làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để mọi người dân nhận thức rõ sự nguy hiểm và hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông, từ đó đề cao trách

nhiệm, tự giác chấp hành luật giao thông, thực hiện nếp sống “Văn hoá giao thông”. Thực hiện nghiêm túc việc thông báo vi phạm về nơi cư trú, làm việc và học tập; gắn với công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, các hành vi phá hoại, xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông, vi phạm quy định về kinh doanh vận tải và trật tự an toàn giao thông.

Bốn là, đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng các chủ thể tham gia giao thông. Đối với người tham gia giao thông, đó là quá trình từ đào tạo điều kiện tham gia giao thông đúng thực chất, bảo đảm chất lượng; đồng thời luôn cập nhật các thông tin mới trong tham gia giao thông. Đối với các lực lượng chức năng và các ngành liên quan lĩnh vực giao thông là yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng đạo đức công vụ lẫn trình độ, kỹ năng phục vụ công việc với yêu cầu ngày một cao hơn về chất lượng, thể hiện qua chất lượng công trình, khả năng làm chủ tình hình, tình huống giao thông theo đúng nguyên tắc thượng tôn pháp luật, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Năm là, tập trung huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông hiện đại, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia giao thông. Các cấp ủy, chính quyền, ngành chức năng cần tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông. Trước mắt, cần ưu tiên đầu tư trọng điểm vào các công trình hạ tầng kỹ thuật giao

thông ở những tuyến đường huyết mạch, như: các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông đông, nhiều phương tiện siêu trường, siêu trọng... những nơi thường xuyên xảy ra ùn tắc, tai nạn giao thông. Đặc biệt chú ý xe hoạt động vận chuyển khách vi phạm chở quá số người quy định, xe hết niên hạn sử dụng, xe không đủ điều kiện tham gia vận tải hành khách, xe vận tải hàng hóa chở quá tải trọng, xe công nông, độ chế...

Sáu là, đẩy mạnh tiến độ cải cách hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông theo thẩm quyền, tạo điều kiện thông thoáng, phục vụ nhu cầu hợp pháp của Nhân dân, nhất là trong đăng ký, cấp phép, quản lý phương tiện giao thông đường bộ. Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình phát hiện và xử lý các “điểm đen” giao thông đường bộ, nhất là các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ.

Bảy là, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông trong sạch vững mạnh, nhất là thực hiện Quyết định số 607/QĐ-BCA của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn đạo đức của Cảnh sát giao thông; tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, chiến sĩ; phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống; khắc phục tình trạng mãi lộ, những nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân, vi phạm điều lệnh, quy trình, kỷ luật công tác và các biểu hiện tiêu cực khác trong công tác, sinh hoạt. Tích cực tổ chức thực hiện các cuộc vận động xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, nhất là

cuộc vận động “Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh, xây dựng nếp sống vì Nhân dân phục vụ”, xây dựng văn hóa ứng xử trong lực lượng Cảnh sát giao thông theo tinh thần “Chủ động - Kỷ cương - Trách nhiệm - Hiệu quả”, gắn với thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá XII). Qua đó hướng tới lập thành tích thiết thực chào mừng kỷ niệm 55 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2024), 79 năm Ngày truyền thống Công an Nhân dân (19/8/1945 - 19/8/2024) và 19 năm Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8/2005 - 19/8/2024).

Đảm bảo trật tự an toàn giao thông là một vấn đề quan trọng, liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của địa phương và đất nước. Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông trên các tuyến trọng yếu nói chung và trên các tuyến quốc lộ nói riêng là nhiệm vụ cấp bách và thiết thực của các cơ quan nhà nước và cộng đồng. Để thực hiện được điều này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và đông đảo người dân tham gia giao thông. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông và giảm thiểu nguy cơ gây tai nạn giao thông trên các tuyến đường quốc lộ sẽ góp phần vào sự an toàn, hạnh phúc của người dân và sự phát triển phồn vinh của đất nước. ■

N.T.N

PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM RỬA TIỀN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY -

NHỮNG THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

□ TS. NGUYỄN HỒNG QUÂN *

Tóm tắt:

Tội phạm rửa tiền xảy ra gây ảnh hưởng nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ và đe dọa làm mất ổn định hệ thống tài chính và sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Tại Việt Nam, mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc phòng, chống tội phạm rửa tiền nhưng tình trạng này vẫn đang là một thách thức lớn. Bài viết đánh giá một số vấn đề về thực trạng công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền tại Việt Nam, phân tích những thách thức và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

Từ khoá: Tội phạm/ Rửa tiền/ Phòng, chống tội phạm/ Ngân hàng/ Tài chính.

1. Nhận diện về tội phạm rửa tiền

Tội phạm rửa tiền ngày càng trở thành một vấn đề nghiêm trọng trong bối cảnh nền kinh tế phát triển và hội nhập quốc tế. Các hoạt động rửa tiền thường gắn liền với tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu và tội phạm công nghệ cao và tài trợ khủng bố. Mặc dù chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều luật và quy định nhằm kiểm soát rửa tiền nhưng việc phát hiện và ngăn chặn hành vi này vẫn gặp nhiều thách thức.

Theo công ước Palermo năm 2000 của Liên Hợp Quốc, hành vi rửa tiền bao gồm 4 nhóm cơ bản sau: “(1) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản do phạm tội mà có nhằm che đậy hoặc che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi phạm tội để lần tránh

những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra; (2) Che đậy hoặc che giấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch, hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có; (3) Giành được, sở hữu, hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có; (4) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của điều này”.

Theo khoản 1, Điều 3 Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022 quy định rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có.

Điều 324 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã chỉ rõ những hành vi

rửa tiền được quy định trong điều luật là hành vi phạm tội.

Như vậy, Quy định của Điều 324 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, cũng như các quy định của Luật phòng, chống rửa tiền là những cơ sở pháp lý quan trọng nhất cho việc nhận diện về tội phạm rửa tiền và là cơ sở cho công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền ở Việt Nam

2. Thực trạng công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền tại Việt Nam

- Một số quy định pháp luật có liên quan

Việt Nam hiện nay đã triển khai một số quy định và chính sách để đối phó với vấn đề rửa tiền. Luật Phòng, chống rửa tiền (Luật 07/2012/QH13) được ban hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2012, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công tác phòng chống rửa tiền. Luật này quy định các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát và xử

* Học viện CSND

lý các hành vi rửa tiền. Các tổ chức tài chính và ngân hàng phải thực hiện báo cáo giao dịch nghi ngờ (Suspicious Transaction Reports - STR) và giao dịch lớn (Large Transaction Reports - CTR) theo quy định. Luật quy định các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa, bao gồm việc xác minh danh tính khách hàng (Know Your Customer - KYC), giám sát các giao dịch và quản lý rủi ro. Đưa ra các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm liên quan đến rửa tiền.

Thông tư 13/2018/TT-NHNN ban hành ngày 18/5/2018 cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các tổ chức tài chính và ngân hàng về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền. Cập nhật các biện pháp phòng ngừa và giám sát nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống rửa tiền.

Luật phòng, chống rửa tiền 2022, có hiệu lực từ tháng 3/2023, giúp củng cố hệ thống pháp luật và tăng cường giám sát hoạt động tài chính nghi ngờ. Các quy định mới yêu cầu xác minh kỹ lưỡng nguồn gốc tài sản của khách hàng, đặc biệt đối với những cá nhân nước ngoài có tầm ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền. Nghị định này hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, bao gồm quy trình báo cáo, các biện pháp phòng ngừa và cơ chế giám sát. Xác định các cơ quan chịu trách nhiệm giám sát và thực thi các quy định, bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an.

Thông tư 04/2023/TT-NHNN ban hành ngày 28/3/2023 Quy định về phòng chống rửa tiền,

cung cấp hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện các quy định phòng chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng, bao gồm yêu cầu báo cáo và giám sát. Thông tư này điều chỉnh một số quy định để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu mới trong phòng, chống rửa tiền.

Hành vi rửa tiền có dấu hiệu phạm tội cá nhân, pháp nhân thương mại sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền được quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong đó, các mức phạt được quy định riêng cho cá nhân và pháp nhân khi phạm tội rửa tiền.

Ngoài các quy định trong nước, Việt Nam cũng phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về phòng, chống rửa tiền do Tổ chức Tài chính Quốc tế (FATF) đặt ra. Các tiêu chuẩn này bao gồm: các nguyên tắc của FATF đưa ra các yêu cầu về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; yêu cầu các quốc gia phải thiết lập các cơ chế giám sát và xử lý hiệu quả. Chỉ thị của Liên minh Châu Âu (EU) về chống rửa tiền cũng được tham khảo để đảm bảo sự đồng bộ với các quy định quốc tế.

- Tổ chức phòng, chống tội phạm rửa tiền

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là một trong những đơn vị chủ công trong công tác phòng, chống rửa tiền. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm giám sát các tổ chức tài chính, Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam là cơ quan trực tiếp trong quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền. Cơ quan này thực hiện nhiệm vụ của cơ quan phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Ngoài ra, cơ quan này còn

tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, thuộc phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước; cảnh báo những vấn đề liên quan đến rửa tiền.

Bộ Công an đảm nhận việc điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến tội phạm rửa tiền. Cấp Bộ có Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (C03), cấp tỉnh có Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03) là cơ quan chủ công trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý các vụ án liên quan đến tội phạm rửa tiền. Ngoài ra, Cơ quan điều tra phối hợp với các cơ quan khác liên quan như: Ngân hàng nhà nước, cơ quan Thuế, Hải quan... và các cơ quan tài chính để thu thập tài liệu chứng cứ điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm rửa tiền.

Bộ Tài chính, thông qua Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan liên quan, giám sát các hoạt động tài chính, chứng khoán và đầu tư để đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền. Bộ Tài chính tham gia vào việc xây dựng và ban hành các quy định liên quan đến phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán.

Trong những năm qua tội phạm rửa tiền có nhiều diễn biến phức tạp thông qua một số thủ đoạn như: Thông qua sử dụng các hệ thống tài chính để chia nhỏ và chuyển các khoản tiền nhằm tránh sự chú ý của cơ quan chức năng. Thực hiện tội phạm rửa tiền thông qua hệ thống thương mại quốc tế, thông qua mua tài sản và bất động sản, thông qua tiền ảo...

Các cơ quan có chức năng phòng, chống tội phạm rửa tiền đã có nhiều nỗ lực để tìm cách ngăn chặn, phát hiện và điều tra xử lý tội phạm này. Việt Nam đã đạt được một số kết quả nổi bật trong công tác phòng, chống tội phạm rửa. Nhiều vụ án lớn đã được phát hiện, khởi tố, điều tra liên quan đến các hoạt động rửa tiền quy mô lớn, cho thấy quyết tâm trong việc xử lý tội phạm này. Tiêu biểu như: Vụ Giang Kim Đạt năm 2016, vụ Phan Sào Nam năm 2018, vụ Nhật Cường năm 2019, vụ án xảy ra tại Công ty cổ phần địa ốc Alibaba năm 2019.

Các bộ, ngành đã tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế để tuân thủ các tiêu chuẩn của nhóm hành động tài chính (FATF), đảm bảo Việt Nam không trở thành điểm đến của các hoạt động rửa tiền quốc tế. Chính phủ cũng đã ban hành và thực hiện các kế hoạch hành động quốc gia nhằm nâng cao nhận thức và khả năng phát hiện tội phạm. Trong quá trình điều tra, Việt Nam đã hợp tác với các quốc gia khác để chia sẻ thông tin và phương thức điều tra, nhằm làm sáng tỏ các vụ án phức tạp.

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã nâng cao hiệu quả trong việc giám sát giao dịch đáng ngờ thông qua việc tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý như Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tài chính. Xây dựng quy định rõ ràng về báo cáo giao dịch đáng ngờ và kiểm soát giao dịch có yếu tố nước ngoài. Triển khai các phần mềm và công nghệ hiện đại để phát hiện giao dịch nghi ngờ, áp dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu. Các ngân hàng đã được đào tạo và trang bị công cụ để nhận diện và báo cáo giao dịch

đáng ngờ. Những nỗ lực này đã giúp Việt Nam nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới trong công tác phòng chống tội phạm tài chính, đồng thời đảm bảo an ninh kinh tế và trật tự xã hội.

3. Một số thách thức trong công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền tại Việt Nam hiện nay

- Mặc dù khung pháp lý về phòng, chống rửa tiền đã được cải thiện, nhưng một số quy định vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Sự thay đổi nhanh chóng của phương thức, thủ đoạn rửa tiền đòi hỏi hệ thống pháp luật phải liên tục cập nhật. Việc áp dụng quy định về phòng, chống rửa tiền tại các tổ chức tài chính và ngân hàng đôi khi không đồng đều, dẫn đến sự khác biệt trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát.

- Bộ máy thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền không chỉ ở ngân hàng Nhà nước, mà còn ở tất cả các bộ, ngành đang trong giai đoạn hoàn thiện, kiện toàn, tăng cường năng lực nên chưa tạo ra một cơ chế triển khai đồng bộ và bước chuyển mạnh mẽ.

- Khả năng giám sát hạn chế trong việc giám sát các giao dịch tài chính trong môi trường ngân hàng và tài chính còn gặp nhiều khó khăn do sự phức tạp và đa dạng của các phương thức, thủ đoạn rửa tiền. Sự phát triển của công nghệ và các dịch vụ tài chính mới cũng tạo ra những thách thức trong việc theo dõi và phát hiện các hoạt động nghi ngờ.

- Nhận thức về tội phạm rửa tiền, cũng như công tác phòng, chống rửa tiền chưa được phổ biến đầy đủ trong cộng đồng và các tổ chức tài chính.

- Phương thức, thủ đoạn rửa tiền ngày càng tinh vi, các đối tượng rửa tiền sử dụng công nghệ mới như tiền mã hóa (cryptocurrency), các dịch vụ tài chính trực tuyến, và các phương tiện tài chính ảo để thực hiện giao dịch, làm cho việc phát hiện và điều tra thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm rửa tiền trở nên khó khăn hơn. Việc thực hiện giao dịch quốc tế qua các ngân hàng và tổ chức tài chính xuyên biên giới tạo ra khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các giao dịch nghi ngờ.

- Công tác điều tra và xử lý gặp khó khăn trong thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm rửa tiền. Việc thu thập chứng cứ trong các vụ án rửa tiền gặp khó khăn do tính chất phức tạp và thủ đoạn tinh vi che giấu của các giao dịch tài chính. Công tác xử lý hình sự các đối tượng liên quan đến rửa tiền thường đối mặt với thách thức trong việc xác minh và chứng minh nguồn gốc của tài sản.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm rửa tiền ở Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về rửa tiền

Cần cập nhật và hoàn thiện khung pháp lý để phù hợp với các quy định quốc tế và đáp ứng những thách thức mới. Đưa ra các sửa đổi để cập nhật Luật Phòng, chống rửa tiền và các Nghị định liên quan nhằm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn mới. Ví dụ, xem xét việc cập nhật các quy định về tiền mã hóa và các hình thức tài chính kỹ thuật số mới.

Thứ hai, tăng cường đào tạo nâng cao nhận thức về phòng, chống tội phạm rửa tiền

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu

về phòng, chống rửa tiền cho cán bộ ngân hàng, nhân viên tài chính và các cơ quan thực thi pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề này.

Thứ ba, tăng cường hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế

Cải thiện sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan khác để chia sẻ thông tin và phối hợp trong việc điều tra xử lý các vụ án rửa tiền. Việt Nam cần tiếp tục tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như Tổ chức Tài chính Quốc tế (FATF) để nâng cao năng lực phòng, chống rửa tiền. Việc chia sẻ thông tin và hợp tác điều tra xuyên quốc gia là rất quan trọng trong việc đối phó với tội phạm rửa tiền.

Thứ tư, cải tiến công nghệ và quy trình giám sát

Áp dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích chuỗi khối phát hiện các giao dịch bất thường qua đó phát hiện các dấu hiệu rửa tiền.

Thứ năm, Nâng cao quản lý và giám sát đối với các tổ chức tài chính, rà soát và đánh giá rủi ro

Tăng cường các cuộc kiểm tra nội bộ và đánh giá các quy trình và biện pháp phòng, chống rửa tiền tại các tổ chức tài chính để đảm bảo tính hiệu quả và tuân thủ. Thực hiện các đánh giá rủi ro định kỳ đối với các tổ chức tài chính và các ngành nghề có nguy cơ cao về rửa tiền để đảm bảo việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Thứ sáu, đẩy mạnh điều tra và xử lý các vụ án rửa tiền

Đẩy mạnh điều tra xử lý hình sự các vụ án rửa tiền bằng cách phối hợp chặt chẽ giữa các Cơ

quan điều tra và hệ thống tư pháp để xử lý nghiêm khắc các đối tượng phạm tội. Tăng cường công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm rửa tiền để ngăn chặn hiệu quả tình trạng rửa tiền; công tác điều tra cần được đẩy mạnh từ cấp cơ sở. Cơ quan chức năng cần tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách như Công an, Ngân hàng, cơ quan Thuế và Hải quan. Đồng thời, sử dụng công nghệ cao để theo dõi các giao dịch tài chính bất thường, truy vết nguồn gốc tài sản khả nghi. Đầu tư vào công nghệ và kỹ thuật điều tra tiên tiến để nâng cao khả năng thu thập chứng cứ và phân tích các giao dịch tài chính phức tạp.

Nâng cao năng lực xử lý pháp luật, việc xử lý vụ án rửa tiền, tài trợ khủng bố cần phải thực hiện một cách quyết liệt và nghiêm minh. Hệ thống pháp luật cần được hoàn thiện, đảm bảo không có lỗ hổng để các đối tượng lợi dụng. Quy trình tố tụng phải nhanh chóng, minh bạch và công bằng. Đồng thời, cần tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác quốc tế để kịp thời phát hiện và xử lý các vụ rửa tiền xuyên quốc gia.

Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng. Song song với công tác điều tra và xử lý, việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của tội phạm rửa tiền là vô cùng quan trọng. Các cơ quan truyền thông cần phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện các chương trình tuyên truyền, giúp người dân nhận diện các hành vi khả nghi và hợp tác với cơ quan chức năng khi cần thiết.

Cải thiện chế tài xử phạt, để răn đe các hành vi rửa tiền, cần thiết lập các chế tài xử phạt nặng hơn đối với những người tham gia,

bao gồm cả hình phạt tài chính và hình phạt tù. Cùng với đó, việc tịch thu tài sản bất hợp pháp cần được thực hiện triệt để, tránh tình trạng tẩu tán tài sản.

Thứ bảy, kiểm soát và giám sát các hoạt động kinh doanh quản lý hoạt động thương mại

Áp dụng các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đối với các hoạt động thương mại và đầu tư, đặc biệt là trong các lĩnh vực có nguy cơ cao như bất động sản, sòng bạc và các giao dịch tiền mặt lớn. Tăng cường giám sát và quản lý các dịch vụ tài chính không chính thức để ngăn chặn việc lạm dụng cho mục đích rửa tiền.

Phòng, chống tội phạm rửa tiền là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết để đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính và sự phát triển bền vững của nền kinh tế, an ninh quốc gia. Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng và thực thi các chính sách phòng, chống tội phạm rửa tiền, nhưng vẫn cần tiếp tục nỗ lực để đối phó với các thách thức mới. Việc hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức và ứng dụng công nghệ trong phòng, chống tội phạm này sẽ là những yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả của công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền tại Việt Nam. ■

N.H.Q

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chính phủ (2013), Nghị định 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền, Hà Nội.
- [2]. Ngân hàng Nhà nước (2018), Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về phòng chống rửa tiền, Hà Nội.
- [3]. Quốc Hội (2022), Luật Phòng, chống rửa tiền, Hà Nội.

KHẮC SÂU LỜI BÁC DẠY VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG, PHÁT HUY TINH THẦN DÂN TỘC VÀ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG ĐỐI VỚI THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

□ ThS. BÙI THỊ CẨM NINH *

Khi vĩnh biệt thế giới này, Bác Hồ của chúng ta không có tài sản gì để lại, chỉ để lại “Muôn vạn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”. Trong bản Di chúc thiêng liêng Bác đã viết và chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần (từ năm 1965 đến 1969), lời căn dặn đầu tiên của Người là: “Trước hết nói về Đảng”. Bác viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, và “việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ Nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”. Bởi lẽ không ai khác, chính Đảng Cộng sản Việt Nam mới đủ tư cách gánh vác sứ mệnh lịch sử của dân tộc, là lực lượng tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, lấy chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động và cũng từ đó vạch rõ con đường cứu nước là con đường giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. 55 năm đã trôi qua, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn vẹn nguyên giá trị và tầm vóc thời đại. Di chúc của Người luôn là những chỉ dẫn quý báu, động lực tinh thần giúp toàn Đảng, toàn dân vượt qua khó khăn, tận dụng thời cơ, vững bước trên con đường phát triển.

Đã 55 năm Bác đi xa, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử vô giá kết tinh những tinh hoa đạo đức, những nội dung cơ bản, cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng, dân tộc Việt Nam hôm nay và tương lai.

Thứ nhất, với những dòng đầu tiên Bác viết như vậy đã thấy tầm vóc, giá trị, ý nghĩa vô cùng to lớn, quan trọng của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp cách mạng nói chung, phát triển đất nước đang hoàng, to đẹp nói riêng. Những chỉ dẫn quý báu của Bác về Đảng tập trung vào 3 vấn đề lớn gồm: Đoàn kết, phê bình và tự phê

binh, đạo đức cách mạng. Đây là 3 nội hàm quan trọng quyết định sự trường tồn của Đảng. Nhờ có sự đoàn kết và tinh thần phục vụ giai cấp, phục vụ Nhân dân, phục vụ Tổ quốc, Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân hăng hái đấu tranh giành thắng lợi vĩ đại trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Bác đã chỉ ra: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.

Di chúc chỉ có mấy lời, như một lá thư mà Bác dành nhiều dòng để viết về Đảng cầm quyền. Lịch sử dân tộc đã chứng minh, Đảng Cộng sản Việt Nam mới 15 tuổi lãnh đạo Nhân dân đánh thắng thực dân Pháp, phát xít Nhật, giành độc lập, tự do cho dân tộc, giành lấy chính quyền về tay Nhân dân và chính thức có tên trên bản đồ thế giới. 78 năm trước (ngày 02/9/1945), trong nắng mùa thu tháng 9 rực rỡ, Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) trong niềm vỡ òa hạnh

* Học viện Cảnh sát nhân dân

phúc của triệu triệu trái tim Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do độc lập”. Chín năm sau đó (13/3 - 07/5/1954), Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân Việt Nam trong trận đánh Điện Biên Phủ “lừng lẫy 5 châu, chấn động địa cầu”, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, lãnh đạo Nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ và chính quyền ta sai, đấu tranh thống nhất đất nước. Quá trình lấy lại tên trên bản đồ thế giới đầy gian khổ, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám với sự ra đời của bản Tuyên ngôn độc lập là thành quả của cuộc đấu tranh vĩ đại của toàn thể dân tộc Việt Nam, đó là kết quả của 15 năm ròng đấu tranh đầy hi sinh gian khổ, với sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, sự chuẩn bị chu đáo về đường lối, tổ chức, tinh thần và nghệ thuật chuẩn bị thời cơ, thúc đẩy thời cơ và chớp thời cơ mau lẹ của Đảng, với khát vọng và ý chí kiên quyết giành độc lập, tự do của toàn thể dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, “dù có phải hi sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập dân tộc”. Cho nên, trong Di chúc, điều đầu tiên Bác Hồ xác định: “Trước hết nói về Đảng”, bởi vì là người sáng lập Đảng, lãnh đạo Đảng. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo

nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Mục tiêu lý tưởng của Đảng là phục vụ giai cấp, phục vụ Nhân dân, phục vụ Tổ quốc; sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của một Đảng chân chính nên Nhân dân tin yêu, hăng hái đi theo, góp phần tạo nên thắng lợi này đến thắng lợi khác là điều tất yếu. Và để lãnh đạo được Nhân dân, Đảng phải biết đoàn kết thống nhất. Người đã nhấn mạnh trong Di chúc: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Đoàn kết là một tư tưởng lớn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đi nhắc lại trong nhiều bài viết, bài nói với sự khẳng định đây là truyền thống của dân tộc. Rõ ràng, chính nhờ đoàn kết thống nhất mà trong lịch sử dân tộc, đất nước ta đã bao lần đánh bại quân giặc xâm lược, giữ yên bờ cõi. Bác mong muốn truyền thống quý báu đó cũng được giữ vững và phát huy trong tổ chức Đảng. Và, mọi đảng viên phải có trách nhiệm “giữ gìn đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Muốn xây dựng, củng cố và phát triển đoàn kết trong Đảng, Di chúc Bác đã chỉ rõ cách thực hiện cụ thể: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có

tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Rõ ràng, trong các nguyên tắc hoạt động của Đảng, nguyên tắc dân chủ tập trung là nguyên tắc cơ bản, chủ đạo, Đảng ta có mạnh hay không tùy thuộc rất lớn vào sự vận dụng nguyên tắc này. Trong Đảng phải thật sự dân chủ, mọi đảng viên đều được tôn trọng quyền tự do suy nghĩ sáng tạo, khuyến khích nêu lên ý kiến của mình để tích cực góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về tư tưởng, lý luận và tổ chức. Học tập Di chúc của Bác Hồ, chúng ta không thể xem nhẹ lời dạy chân tình của Người về giải pháp để củng cố và phát triển đoàn kết và thống nhất của Đảng chính là sử dụng công cụ tự phê bình và phê bình.

Bác nhắc nhở chúng ta: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của Nhân dân...”. Di chúc của Bác Hồ căn dặn cán bộ, đảng viên chúng ta phải thấm nhuần đạo đức cách mạng và Người cụ thể bằng những tiêu chí: “Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư”, nếu mỗi cán bộ đảng viên của chúng ta thực hiện đúng như lời dạy của Bác trong Di chúc thì đã sống đúng với phẩm chất của người cộng sản, xứng đáng là thành viên của một chính Đảng có bản chất “là người lãnh đạo, là đầy tớ trung thành của Nhân dân”. Bao nhiêu năm qua, Di chúc của Bác vừa như một

lời hiệu triệu của vị lãnh tụ kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta tất cả hãy vì lợi ích của dân tộc, của đất nước, vừa là lời dặn dò chân tình gửi lại cho bao thế hệ kế thừa với cả sự tin tưởng lẫn yêu thương khiến cho mỗi người chúng ta phải biết sống sao cho xứng đáng với Người.

Thứ hai, trong quan điểm của Bác Hồ, tinh thần dân tộc được thể hiện qua khối đại đoàn kết dân tộc, được xác định là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, được quán triệt thực hiện trong các lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách đến thực tiễn. Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống cực kỳ quý báu của Nhân dân Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Kế thừa truyền thống quý báu đó, trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Việt Nam ta là một quốc gia có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc mang bản sắc riêng nhưng đều nằm trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Vì vậy Người kêu gọi đồng bào các dân tộc không phân biệt Kinh hay Thổ, Mường hay Mán... phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà để cùng xây dựng Tổ quốc, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc. Với các tôn giáo, Người nhắc nhở phải luôn gắn liền lợi ích tôn giáo với lợi ích chung của dân tộc. Phải đoàn kết giữa đời và đạo, giữa yêu nước

và phụng đạo. Người nhấn nhủ, đoàn kết thì thành công và đại đoàn kết thì sẽ đại thành công. Người chỉ rõ “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số Nhân dân, mà đại đa số Nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp Nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây”.

Tinh thần dân tộc là hồn cốt văn hóa của dân tộc mà Hồ Chí Minh, hơn ai hết là người thấm nhuần sâu sắc nhất và nhờ đó, Văn hóa dân tộc Việt Nam được thăng hoa bởi Văn hóa Hồ Chí Minh. Sức mạnh Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại đã rèn luyện nên cốt cách, bản lĩnh sức mạnh Hồ Chí Minh. Người đã làm nên những chuyển tiếp lịch sử đưa Việt Nam, Tổ quốc và dân tộc yêu quý đến với thế giới và làm cho thế giới biết tới Việt Nam, hiểu Việt Nam, hết lòng ủng hộ giúp đỡ Việt Nam thực hiện sứ mệnh tiên phong chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân tàn bạo.

Tinh thần dân tộc còn được thể hiện qua việc chúng ta đã kiên quyết bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam cho dù trải qua bao khó khăn gian khổ. Đầu tiên, ngôn ngữ, chữ viết là hồn cốt của dân tộc. Một dân tộc không có tiếng nói, không có chữ viết thì sẽ trở thành nô lệ cho các dân tộc khác. Lịch sử suốt 1.000 năm Bắc thuộc của Việt Nam là minh chứng rõ nét. Thời kỳ đầu, chúng ta bị ảnh hưởng bởi chữ Hán, tuy nhiên, sau đó chúng ta đã sáng tạo ra chữ viết riêng là chữ Nôm. Đến thế kỷ 17, chúng

ta có tiếng Việt bằng chữ Latinh, làm tiền đề cho quá trình hình thành và phát triển chữ Quốc ngữ. Cũng từ đây, chúng ta cất lên tiếng nói của mình, góp phần chiến thắng các thế lực ngoại xâm. Tinh thần dân tộc còn được thể hiện qua phong tục tập quán của Nhân dân ta, từ tục ăn trầu, cưới hỏi, truyền thống giỗ tổ các vua Hùng, các tín ngưỡng tôn giáo như Phật giáo..., thờ cúng tổ tiên, giỗ chạp... tất cả đều là những quan niệm về đạo đức, tôn giáo, tâm linh, mà người dân cùng một dân tộc truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Rồi đến, công trình kiến trúc, trang phục, di sản văn hóa, di vật lịch sử... Những đặc trưng này được hình thành từ kinh nghiệm sống của ông cha, được truyền qua nhiều thế hệ. Do đó, bản sắc văn hóa có tính kế thừa và được Nhân dân ta bao đời nay giữ gìn, phát huy những giá trị còn nguyên vẹn truyền đến thế hệ sau này. Có thể khẳng định, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam ta sẽ được bảo tồn vĩnh viễn không thay đổi theo thời gian, giữ vững những giá trị cốt lõi của dân tộc trong quá trình phát triển.

Tinh thần dân tộc của Bác Hồ cũng ngày càng tỏ rõ, đó là sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, trở thành một trong những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là hệ giá trị quốc gia của dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh mà Đảng và Nhân dân ta đang nỗ lực xây dựng và thực hiện dưới ánh sáng tư tưởng của Người. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo vệ Tổ quốc ở Việt

Nam là gắn kết chặt chẽ toàn bộ sức mạnh quốc gia, dân tộc với sức mạnh của xu thế, mục tiêu quốc tế là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và sự phát triển bền vững của văn minh nhân loại, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, sức mạnh dân tộc là nguồn lực nội sinh, giữ vai trò quyết định; sức mạnh thời đại là nguồn lực bên ngoài chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nhân tố bên trong là sức mạnh dân tộc, và khi nó được phát huy thì sẽ làm cho sức mạnh dân tộc tăng lên. Người chỉ rõ: “Phải tự lực cánh sinh, trông vào sức mình”; “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”, “Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người luôn yêu cầu phải kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập dân tộc với các mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trở thành bài học kinh nghiệm xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, qua hơn 36 năm đổi mới đất nước, việc kết hợp sức mạnh



dân tộc với sức mạnh thời đại đã để lại dấu ấn đặc sắc qua các kết quả, thành tựu to lớn, có tính bước ngoặt. Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, đến nay, nước ta đã vào nhóm nước có thu nhập trung bình, là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; uy tín, vị thế quốc gia trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định, nâng cao. Để phát huy, khơi dậy sức mạnh nội sinh của dân tộc, đặc biệt là sức mạnh của tinh thần, ý chí và khát vọng vươn lên của mỗi người dân Việt Nam, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Tập trung khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc”, làm cho khát vọng đó trở thành động lực thôi thúc dân tộc Việt Nam phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Thứ ba, đối với thanh niên Việt Nam, việc rèn luyện đạo đức cách mạng đối với thế hệ trẻ trong xây dựng, phát triển đất

nước là nhiệm vụ quan trọng, để thế hệ trẻ xứng đáng là người chủ tương lai của nước nhà. Lịch sử phát triển của dân tộc trong bất kỳ thời đại nào cũng cho thấy thanh niên luôn được coi là rường cột và tương lai của đất nước, nhìn vào thế hệ thanh niên hôm nay, biết được tương lai của đất nước mai sau. Chính vì vậy, thanh niên giữ vai trò quyết định cho sự phát triển của dân tộc. Là người dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh và giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thấy được sức mạnh và vai trò to lớn của thanh niên. Trong bản Di chúc Bác nhấn mạnh, muốn làm tốt công tác Đảng, phải có lực lượng nòng cốt là thanh niên, muốn xây dựng Đảng phải quan tâm giáo dục thế hệ trẻ, đoàn viên và thanh niên; sau khi kháng chiến thắng lợi, xây dựng đất nước trong điều kiện mới, toàn Đảng, toàn dân nhất định phải đầu tư, chăm lo tới lực lượng nòng cốt này. Người viết: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục

đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Người nhấn mạnh: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Cả cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới thanh niên, chú trọng phát triển, giáo dục thanh niên. Người luôn đánh giá cao vị trí đặc biệt của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người rất coi trọng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên, coi họ là “bộ phận quan trọng của dân tộc”, là “lực lượng nòng cốt để xây dựng xã hội mới”. Người cho rằng, thanh niên chính là lực lượng xung kích trong mọi công việc. “Việc gì khó có thanh niên, ở đâu khó có thanh niên” và để kế thừa được truyền thống của các thế hệ cha anh đi trước, kế thừa sự nghiệp cách mạng, nhất thiết thanh niên phải có đạo đức cách mạng. Trong mối quan hệ giữa đạo đức với tài năng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là gốc, nó quyết định sức mạnh tinh thần to lớn của con người, sức mạnh của đoàn kết, nhờ đó mà đạo đức góp phần to lớn vào việc quyết định sự thành bại của cách mạng nước ta. Chính vì vậy, Người luôn coi trọng giáo dục, rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho tuổi trẻ là nhằm giúp họ trở thành những công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt,

người chủ xứng đáng của đất nước và là người cách mạng chân chính... Bởi Người coi “đạo đức là cái gốc của người cách mạng” và Người dạy, thanh niên ta phải thấm nhuần tinh thần làm chủ nước nhà và phải trau dồi đạo đức của người cách mạng. Đặc biệt, mục đích quan trọng hàng đầu của giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên là để tạo nguồn cán bộ cho cách mạng. Người căn dặn kỹ, phải giáo dục họ “luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và Nhân dân giao cho”, đó chính là những giá trị tốt đẹp trong phẩm chất của một người cách mạng chân chính. Giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo ra những chiến sĩ cách mạng công hiến hết mình để bảo vệ sự bình yên cho Tổ quốc, cho Nhân dân, xây dựng và phát triển đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn “Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”. Đó không chỉ là sự quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp cách mạng, vun trồng cái gốc để sự nghiệp của các thế hệ đi trước luôn được gìn giữ, phát triển, mà còn là tầm nhìn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với hiện tại và tương lai bền vững của nước nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

thanh niên phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà, chứ không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì? Phải giáo dục cho thanh niên có tình thương và trách nhiệm với mọi người. Thanh niên phải thường xuyên thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Có thể khẳng định, những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản di chúc là văn kiện lịch sử vô giá, có sức sống mãnh liệt, trường tồn với thời gian. Ghi nhớ, học tập và làm theo lời Bác dạy giúp chúng ta không ngừng tiến bộ, tránh được những khuyết điểm, sai lầm dù là nhỏ nhất. Với tất cả tình cảm, lòng kính yêu vô hạn và niềm tin tuyệt đối vào lý tưởng, hoài bão của Người, toàn Đảng và toàn dân ta đồng lòng quyết tâm thực hiện thắng lợi Di chúc thiêng liêng và sự nghiệp cách mạng do Người sáng lập, thực hiện hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá nhằm xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ước nguyện của toàn dân tộc. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GÓP PHẦN BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

□ TRIỆU ĐỨC KHÁNH *

Tóm tắt: Người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là lực lượng quần chúng đặc biệt, có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở. Trên cơ sở khái quát về tình hình người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đánh giá thực trạng phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bài viết đề xuất một số giải pháp của lực lượng Công an Gia Lai nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

1. Khái quát tình hình người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Gia Lai là tỉnh vùng cao biên giới nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, có lịch sử lâu đời, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên. Với diện tích tự nhiên 15.510 km²; tỉnh có 90 km đường biên giới giáp tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia; dân số trên 1,5 triệu người, gồm 44 dân tộc, trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,23%. Toàn tỉnh có 955 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Gia Rai 609 người, dân tộc Ba

Na 299 người, dân tộc khác 47 người¹.

Thời gian qua, với vai trò và trách nhiệm của mình, người uy tín, tiêu biểu trong cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã phát huy vai trò trách nhiệm trước cộng đồng, tích cực tuyên truyền, vận động bà con nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội phát động như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Ngày vì người nghèo”, “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào

dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”, Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo”, “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Những người có uy tín đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến với các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành đoàn thể trong triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; là cầu nối đưa ý kiến của nhân dân đến với cấp ủy, chính quyền, để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Họ là những thôn trưởng, già làng,

* Học viện CSND

¹ UBND tỉnh Gia Lai (2023), Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 03-7-2023 về việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2027, Gia Lai.

trường bản, cán bộ công chức nghỉ hưu, chức sắc, chức việc tôn giáo... được bà con Nhân dân kính trọng, suy tôn, thực sự là những “cây đại thụ” tỏa bóng mát che chở buôn làng. Từ đó, góp phần làm thay đổi diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng khởi sắc, đời sống người dân ngày một nâng cao, đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 3 - 5%/năm.

Phát huy vai trò, vị thế của mình trong cộng đồng và đáp ứng sự kỳ vọng, tin tưởng của Đảng, Nhà nước, các cơ quan trong hệ thống chính trị, bản thân và gia đình người có uy tín luôn gương mẫu, đi đầu trong chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có mối liên hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc và cộng đồng dân cư; có khả năng quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định bằng lời nói, qua việc làm, được người dân trong cộng đồng tin nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo. Do vậy, trong âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng nước ta, người có uy tín luôn là đối tượng mà các thế lực thù địch tập trung tác động, tìm mọi cách để móc nối, lôi kéo, nhất là ở những khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhằm tạo dựng “ngọn cờ” lập “Nhà nước riêng”, kích động ly khai, tự trị, tập hợp lực lượng thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” gắn với lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc, tôn

giáo”, gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tiến tới xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Thực trạng phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian qua

Phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là yêu cầu khách quan, đòi hỏi tính cấp thiết của tình hình thực tiễn, những năm qua, lực lượng Công an toàn tỉnh Gia Lai đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác vận động, tranh thủ người có uy tín phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở và đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất, phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Những năm qua, người có uy tín đã không quản ngại khó khăn, gian khổ, đi từng ngõ, gõ từng nhà, nắm tay từng người, phối hợp tích cực với lực lượng Công an tại cơ sở tổ chức hàng trăm buổi tuyên truyền cho hàng nghìn lượt người ở các địa bàn về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về âm mưu, thủ đoạn

hoạt động của các thế lực thù địch, giúp cho người dân nâng cao nhận thức, sự cảnh giác, không tin, không nghe theo và không tham gia vào các hoạt động liên quan đến Fulro, “Tin lành Đê Ga”, tà đạo “Hà Môn”, vượt biên trái phép sang Campuchia, Thái Lan. Họ thường xuyên vận động gia đình, dòng họ xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước ở thôn, bản, khu dân cư; thực hiện tốt việc định canh, định cư, không phá rừng làm nương rẫy; giải quyết tranh chấp đất đai; không sử dụng, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất cấm... giúp ổn định tình hình an ninh, trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thứ hai, phối hợp với ban, ngành, đoàn thể các cấp tranh thủ, phát huy vai trò của người có uy tín tham gia công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự. Thường xuyên tranh thủ người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tuyên truyền để quần chúng hiểu, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn, nâng cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, phản động; tuyên truyền, vận động quần chúng tin đồn, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về sinh hoạt tôn giáo; các hoạt động lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo để lôi kéo Nhân dân nghe theo luận điệu sai trái. Bên cạnh đó, với vai trò là những người am hiểu phong tục, tập quán, nắm được tâm tư,

nguyện vọng của mọi người trong cộng đồng, cùng với kinh nghiệm thực tế, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đã trực tiếp thuyết phục, hòa giải kịp thời, thấu tình, đạt lý nhiều vụ việc trong cộng đồng, qua đó đã giúp cấp ủy, chính quyền các cấp giữ vững ổn định tình hình an ninh, trật tự ngay từ cơ sở; không để xảy ra “điểm nóng” góp phần giữ bình yên cho bản, làng, khu dân cư. Người có uy tín đã nắm và cung cấp cho lực lượng Công an nhiều tin quan trọng liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Từ đó, giúp lực lượng Công an phát hiện, đấu tranh, xử lý kịp thời các vấn đề nổi lên về ANTT. Đồng thời, đã phối hợp tăng cường công tác gọi hỏi, răn đe, giáo dục thanh, thiếu niên càn quấy, gây rối, vi phạm trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội; góp phần cùng cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng Công an bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phòng chống tội phạm tại địa bàn cơ sở, tham gia cảm hoá giáo dục số đối tượng phạm tội, những người làm lỗi tại địa phương. Bên cạnh đó, người có uy tín đã tham gia hòa giải thành công nhiều mâu thuẫn trong Nhân dân; đồng hành cùng lực lượng Công an vận động Nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ; vận động người thân và bà con tham gia tố giác tội phạm, đăng ký thực hiện “Gia đình không có người vi phạm pháp luật, không



Ông Đàng Chí Quyết, người có uy tín khu phố Bàu Trúc (Phước Dân) vận động thanh niên gìn giữ nghệ thuật làm gốm của người Chăm

có người phạm tội, không có người tàng trữ, mua bán và sử dụng ma túy”. Bằng tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, người có uy tín đã tích cực tham gia, vận động người dân trên địa bàn xây dựng, triển khai nhiều mô hình thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các thôn, bản theo hướng tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải như: Mô hình “3 phòng, 3 chống”, “3 tự quản”, “4 đồng hành, 5 xung kích phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ An ninh Tổ quốc”, “Khu dân cư an toàn, bình yên, không có tội phạm”...

Thứ ba, nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của người có uy tín, Công an tỉnh đã tích cực tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành phát huy vai trò người có uy tín

trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ đầu năm 2023 đến nay, lực lượng Công an phối hợp các ban, ngành, chính quyền địa phương tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, gặp mặt, hội nghị biểu dương, khen thưởng 547 người có uy tín tiêu biểu; mở 48 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật và hướng dẫn các kỹ năng công tác dân vận, tuyên truyền, vận động quần chúng, tham gia giải quyết các vụ việc về ANTT xảy ra tại cơ sở. Đồng thời, Công an tỉnh đã tổ chức đưa 30 người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số tham quan, học tập kinh nghiệm ở Hà Nội và một số địa phương; tổ chức thăm, tặng quà 285 người vào các dịp lễ tết. Công tác tranh thủ người có uy tín được lực lượng Công an triển khai phù

² <https://mps.gov.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-luc-luong-cong-an/hoat-dong-cua-dia-phuong/nguoi-co-uy-tin-dong-hanh-cung-luc-luong-cong-an-giu-gin-an-ninh-trat-tu-d23-t38180.html>

hợp với tình hình, đặc điểm từng địa bàn².

Thứ tư, trong quá trình phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, Công an tỉnh đã làm tốt công tác bảo vệ bản thân và gia đình người có uy tín, không để các thế lực thù địch, phản động tác động, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc. Đồng thời, chủ động hỗ trợ, tạo uy tín cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát huy tốt vai trò trong cộng đồng dân cư. Qua đó, đã phát huy mặt tích cực của người có uy tín, xây dựng lực lượng cốt cán, là chỗ dựa tin cậy cho hệ thống chính trị cơ sở trong tập hợp, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần quan trọng vào phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

Có thể thấy rằng, công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần đảm bảo an ninh, trật tự của lực lượng Công an Gia Lai thời gian qua đã đem lại những kết quả quan trọng, tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể: (1) Một số cấp ủy, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm tới tổ chức, thực hiện chính sách đối với người có uy tín, còn xem nhẹ vị trí, vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng dòng họ trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ

chính trị ở địa phương—nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến sự nhiệt tình, hiệu quả hoạt động của người có uy tín. (2) Việc tiếp xúc, gặp gỡ và phát huy vai trò của người có uy tín trong việc nắm, phản ánh tình hình địa bàn của lực lượng Công an có lúc, có nơi chưa thường xuyên, kịp thời. (3) Việc tổ chức tập huấn, trang bị cho người có uy tín những kiến thức về quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm còn dàn trải, chưa có trọng tâm, trọng điểm. (4) Công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện công tác vận động, tranh thủ người có uy tín đối với lực lượng Công an chưa sâu sát nên nhiều khi còn bị động, lúng túng khi vận động, tranh thủ người có uy tín trong giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn. (5) Công tác phối hợp giữa lực lượng Công an với các ban, ngành chức năng và cấp ủy, chính quyền cơ sở trong việc vận động, tranh thủ người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ.

3. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian tới

Thời gian tới, trước sự phát triển mạnh mẽ của xã hội, đặt ra nhiều thách thức, tác động chi phối, ảnh hưởng từ bên ngoài đến tư tưởng, tình cảm, tâm lý dân tộc và sự ổn định, phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các thế lực thù địch, phần tử xấu không ngừng lôi kéo, lợi dụng người có

uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, đòi ly khai tự trị, phá vỡ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do vậy, để phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín, để họ thực sự là “những người tiêu biểu, gương mẫu, là điểm tựa cho mọi điểm tựa khác” trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, toàn lực lượng Công an Gia Lai cần tập trung thực hiện đồng bộ và quyết liệt một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ Công an về vị trí, vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên quán triệt, phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ về nội dung các chỉ thị, nghị định, hướng dẫn, kế hoạch của Chính phủ và Bộ Công an về công tác tranh thủ vai trò của người có uy tín nhằm không ngừng nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác này. Đặc biệt, cần chú trọng quán triệt công tác phát huy vai trò của người có uy tín phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương; có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cơ quan chức năng, trong đó Công an nhân dân là lực lượng tham mưu nòng cốt.

Hai là, chú trọng tham mưu với cấp ủy, chính quyền

các cấp thực hiện tốt chính sách dân tộc, trong đó có công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; rà soát, bổ sung danh sách, phân loại phạm vi ảnh hưởng để phân cấp vận động, tranh thủ và thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành của địa phương nghiên cứu đề xuất và thực hiện thống nhất các tiêu chí về người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm không tranh thủ tràn lan, không để sót những người có uy tín thực sự. Chú trọng việc nắm tình hình, đánh giá sát tình hình về tư tưởng, chính trị người có uy tín; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch và phản động lợi dụng để truyền truyền, lôi kéo, mua chuộc người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động xâm phạm an ninh, trật tự.

Ba là, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm “đúng, đủ, kịp thời”, tạo điều kiện giúp đỡ họ cả về vật chất và tinh thần. Thường xuyên lắng nghe và tranh thủ tham gia của đội ngũ người có uy tín trên địa bàn khi xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự. Tăng cường mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng, an ninh, tình hình thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội trong và ngoài nước và của địa phương; cảnh giác về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động

của các thế lực thù địch và phản động gắn với các mô hình phát triển kinh tế - xã hội cho người có uy tín. Thường xuyên tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm; tổ chức cho người có uy tín tiêu biểu do lực lượng Công an vận động, tranh thủ đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương trong nước để nâng cao trình độ, nhận thức trong tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở. Định kỳ định hướng, phối hợp lựa chọn, giới thiệu những cá nhân xuất sắc, tiêu biểu để có hình thức biểu dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến nhằm kịp thời động viên những cống hiến của người có uy tín đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

Bốn là, chú trọng công tác tổ chức cán bộ, nhất là bố trí, sắp xếp cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số công tác trong lĩnh vực dân tộc, địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú, sinh sống. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc, mở các lớp học tiếng dân tộc nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Công an, nhất là lực lượng Công an ở cơ sở. Có chế độ, chính sách và khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, chiến sĩ làm công tác này một cách hợp lý, tạo động lực để cán bộ, chiến sĩ an tâm, phấn khởi, gắn bó lâu dài với nhiệm vụ được giao.

Có thể khẳng định, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có uy tín là người “hiểu dân, gần dân, nghe dân nói và nói dân

nghe”. Với những đóng góp quan trọng đó, người có uy tín thực sự là lực lượng nòng cốt và là cầu nối quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền và lực lượng Công an với Nhân dân ở địa phương trong việc thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung và công tác đảm bảo ANTT nói riêng. Phát huy vai trò của người có uy tín cũng chính là sự cụ thể hoá chính sách dân vận và thực hiện đại đoàn kết dân tộc của Đảng, vì vậy, các cấp ủy Đảng, lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương cần quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ người có uy tín thực sự là những người tiêu biểu, gương mẫu, là điểm tựa gắn kết giữa các dân tộc, là cầu nối giữa ý Đảng và lòng dân, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ ANTT. ■

T.Đ.K

TÀI LIỆU KHAM KHẢO:

1. UBND tỉnh Gia Lai (2023), Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 03-7-2023 về việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2027, Gia Lai.

2. Thúy Trinh - Nguyễn Ngọc (2024), Người có uy tín đồng hành cùng lực lượng Công an giữ gìn an ninh, trật tự, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, truy cập: <https://mps.gov.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-luc-luong-cong-an/hoat-dong-cua-dia-phuong/nguoi-co-uy-tin-dong-hanh-cung-luc-luong-cong-an-giu-gin-an-ninh-trat-tu-d23-t38180.html>

CÁC THỦ ĐOẠN CỦA TỘI PHẠM LỪA ĐẢO QUA KHÔNG GIAN MẠNG VÀ BIỆN PHÁP TRONG ĐẤU TRANH, PHÒNG NGỪA VỚI LOẠI TỘI PHẠM MỚI NÀY

□ TS. BÙI BẢO TRUNG *

Thời gian qua, tình hình tội phạm lợi dụng không gian mạng, sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản tiếp tục diễn biến phức tạp. Đây là tội danh được quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015: “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Hiện nay, các đối tượng tội phạm này liên tục thay đổi “kịch bản”, thủ đoạn ngày càng tinh vi, hoạt động có tổ chức, gây thiệt hại lớn về tài sản, đồng thời tạo bất ổn, bức xúc trong dư luận Nhân dân. Một trong số những thủ đoạn mà gần đây những đối tượng này thường xuyên sử dụng đó là lợi dụng các trang mạng xã hội để cung cấp thông tin sai sự thật, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, lấy cắp thông tin của người dùng và sử dụng các thông tin đó vào mục đích trái pháp luật, gây thiệt hại cho người dùng bằng các thủ đoạn như: sử dụng số điện thoại lạ gọi đến cho người dân, xưng là cán bộ Công an, tòa án, y tế... nơi bà con cư trú, để hướng dẫn cài đặt tài khoản định danh điện tử mức 2,3 hoặc cài dịch vụ công hoặc thông báo

thông tin trên dữ liệu cá nhân bị sai lệch... đề nghị hướng dẫn để chỉnh sửa. Sau đó, chúng đề nghị kết nối Zalo... để hướng dẫn tuy cập, nếu thực hiện theo hướng dẫn của chúng, chúng ta sẽ mất hết thông tin cá nhân như tài khoản ngân hàng... Với những thủ đoạn hoạt động tinh vi dẫn đến tình trạng người dân bị lừa đảo trên không gian mạng ngày một gia tăng, cho thấy việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này hiện nay đang là nhiệm vụ hết sức cấp thiết.

Loại tội phạm lợi dụng không gian mạng, sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản mang tính xuyên quốc gia, không biên giới, tính ẩn danh cao, dẫn đến khó khăn trong công tác đấu tranh, triệt phá. Thực tế, việc đấu tranh với tội phạm truyền thống đã khó, đấu tranh với tội phạm “phi truyền thống”, tội phạm lợi dụng công nghệ cao còn khó khăn gấp nhiều lần do các đối tượng có kiến thức, trình độ công nghệ thông tin cao, thường xuyên thay đổi phương thức hoạt động để tiến hành hành vi phạm tội. Do vậy, giải pháp đấu tranh với loại tội phạm này cũng phải có tính đặc thù.

Theo số liệu thống kê, năm 2023, Việt Nam nằm trong số 10 điểm nóng tội phạm mạng hàng đầu thế giới. Tổng số tiền người dân bị lừa đảo trên mạng khoảng 8.000 - 10.000 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2022. Các phương thức lừa đảo phổ biến nhất hiện nay là: lừa đảo mua bán hàng hóa, dịch vụ giá rẻ; giả mạo người thân quen nhắn tin, gọi điện yêu cầu chuyển tiền; lừa đảo chuẩn hóa thông tin cá nhân; lôi kéo làm nhiệm vụ online; giả danh công ty tài chính, ngân hàng để hỗ trợ cho vay; lợi dụng nhu cầu tìm kiếm việc làm tại nhà của người dân tăng cao, các đối tượng lừa đảo dùng chiêu quảng cáo “làm nhiệm vụ online, kiếm tiền thật” để lôi kéo người tham gia, với lời hứa hẹn nhận được lợi nhuận cao gấp nhiều lần số tiền bỏ ra. Bị dẫn dụ bởi “bánh vẽ” lợi nhuận khủng, nhiều người đã bị lừa tiền tỷ, rơi vào cảnh trắng tay sau khi tham gia đầu tư chứng khoán, tài chính. Hoạt động lừa đảo thông qua kêu gọi làm cộng tác viên của các sàn thương mại điện tử như Shopee, Lazada, Tiki... cũng khá phổ biến. Theo đó, các đối tượng tội phạm thông qua mạng xã hội đã dụ dỗ, lôi kéo nhiều người tham gia bằng cách tạo tài

* Học viện CSND

khoản trên các website, app, sau đó đặt đơn hàng trên các sàn thương mại điện tử và hưởng hoa hồng. Để nhận được hoa hồng, người tham gia phải chuyển đủ số tiền ứng với đơn hàng. Tuy nhiên, nạn nhân chỉ nhận được số tiền mua hàng và hoa hồng với đơn hàng có giá trị nhỏ. Khi tiếp tục nạp tiền ứng với đơn hàng giá trị lớn thì mất luôn số tiền đã nạp. Bị lừa tiền lần một, không ít người tiếp tục bị lừa lần hai do sập bẫy các nhóm lừa đảo mạo danh lực lượng chức năng hay công ty luật mời chào về việc cung cấp dịch vụ pháp lý, hứa hẹn giúp nạn nhân lấy lại tiền đã bị lừa.

Thời gian qua, các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan chức năng đã đẩy mạnh tuyên truyền, cảnh báo bằng nhiều hình thức nhưng không ít người dân vẫn bị kẻ xấu lừa. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do nạn nhân thiếu hiểu biết, mất cảnh giác, nhẹ dạ cả tin, trong khi tội phạm lừa đảo qua mạng lại rất chuyên nghiệp, tinh vi. Chính vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến để người dân nâng cao ý thức cảnh giác, nhận biết được các cách thức, thủ đoạn lừa đảo. Tội phạm lừa đảo trên không gian mạng nhắm vào nhiều nhóm đối tượng khác nhau, từ người cao tuổi, sinh viên đến công nhân, nhân viên văn phòng... thông qua việc lợi dụng sự mất cảnh giác hoặc giả danh để tạo dựng lòng tin, sau đó chiếm đoạt tài sản... Thực trạng trên cho thấy, việc trang bị kiến thức cho người dân để tự bảo vệ là rất quan trọng.

Để tránh rơi vào cạm bẫy lừa đảo, cơ quan Công an khuyến cáo người dân cần thường xuyên kiểm tra và cập nhật các tính năng bảo mật, cẩn trọng khi chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng xã hội, tuyệt đối không cung cấp thông tin cá nhân, số thẻ ngân hàng, mã OTP, không chuyển tiền cho người chưa xác thực. Cần lưu ý, các cơ quan nhà nước không làm việc với người dân, người vi phạm qua điện thoại, qua mạng xã hội hay yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng, mã OTP...

Những vấn đề lớn trước mắt và lâu dài cần quan tâm triển khai là: Ứng dụng, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kịp thời xác thực thông tin, làm sạch tài khoản của ngân hàng, loại bỏ những tài khoản ảo, làm sạch tài khoản thuê bao di động, loại bỏ sim rác, qua đó hạn chế tội phạm sử dụng công nghệ cao, nhất là tội phạm lừa đảo; tiếp tục củng cố, nâng cao tiềm lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Đến nay, lực lượng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đã bố trí tại 63 tỉnh, thành phố, là lực lượng chủ công cùng các lực lượng khác của Bộ Công an được nâng cao kỹ năng, phương tiện để đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao. Việc giải quyết tội phạm này là vấn đề lâu dài, là trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, của cả hệ thống chính trị. Sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp là chìa khóa quan trọng trong

phòng chống tội phạm lừa đảo trực tuyến. Bên cạnh đó, sự phối hợp thường xuyên, có trách nhiệm của các cơ quan chức năng, đoàn thể chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đến tận cơ sở, làng, xã, xóm cho nhân dân..., cảnh báo kịp thời các thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ cao.

Thực tế cho thấy, việc kêu gọi người dân thận trọng, cảnh giác trước tội phạm lừa đảo qua mạng là hết sức cần thiết nhưng chưa đủ. Để có thể ngăn chặn, hạn chế loại tội phạm này, các cơ quan chức năng cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh, kịp thời bóc gỡ các băng nhóm lừa đảo. Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan như Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác tuyên truyền, đấu tranh, xử lý và tăng cường hàng rào kỹ thuật, bảo mật để bảo vệ người dân trước tội phạm lừa đảo qua mạng.

Tội phạm trên không gian mạng đang đặt mỗi cá nhân, đơn vị, tổ chức, mỗi quốc gia trước những nguy cơ lớn về bảo mật dữ liệu, nâng cao ý thức tự cảnh giác, bảo đảm an toàn tài sản của chính mình.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng hiện nay như sau:

Một là, sự hạn chế về nhận thức của người dân đối với loại tội phạm này. Các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, sinh viên và người có thu nhập thấp là những đối tượng mà tội phạm lừa đảo

thường nhắm tới. Những nhóm này có khả năng nhận diện các dấu hiệu lừa đảo thấp, trong khi việc sử dụng thiết bị kết nối mạng như điện thoại thông minh và máy tính lại phổ biến trong các nhóm này.

Hai là, tội phạm lừa đảo lợi dụng tâm lý mong muốn cải thiện tài chính của nhiều người trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn sau đại dịch Covid-19. Những hình thức lừa đảo phổ biến bao gồm: mời gọi nạn nhân tham gia các nhóm đầu tư giả mạo, tuyển cộng tác viên trực tuyến, hoặc làm quen qua các ứng dụng hẹn hò trực tuyến để dụ dỗ nạn nhân tham gia đầu tư. Các đối tượng này thường sử dụng những thủ đoạn tinh vi như giả mạo ngân hàng hoặc các sản phẩm thương mại điện tử, gửi email với nội dung thông báo trúng thưởng hoặc yêu cầu xác nhận giao dịch để chiếm đoạt thông tin và tiền trong tài khoản.

Ba là, một số đối tượng lừa đảo sử dụng phương thức thao túng tâm lý để chiếm đoạt tài sản. Phương thức này đánh vào tâm lý lo sợ của nạn nhân khi họ cảm thấy bị đe dọa hoặc bị khống chế về mặt tinh thần. Những người có ít kiến thức chuyên môn hoặc đang gặp khó khăn trong cuộc sống thường dễ dàng bị ám thị và thực hiện các yêu cầu mà kẻ lừa đảo đưa ra. Đặc biệt, những người từng vi phạm pháp luật như liên quan đến các khoản vay tín dụng đen hoặc vi phạm hôn nhân thường dễ rơi vào bẫy của tội phạm vì sợ bị phát hiện.

Bốn là, một số nạn nhân không muốn hoặc không biết

cách trình báo với cơ quan chức năng vì thủ tục pháp lý phức tạp hoặc vì họ cho rằng, việc thu hồi tài sản đã mất là không khả thi. Mặc dù đã có nhiều hướng dẫn về việc tố cáo tội phạm lừa đảo, nhưng không phải ai cũng hiểu rõ các quy trình pháp lý và có đủ khả năng thu thập chứng cứ. Tâm lý ngại ngùng và lo sợ về khả năng thu hồi tài sản cũng là yếu tố làm giảm số lượng báo cáo về các vụ lừa đảo trực tuyến.

Để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên mạng, cần triển khai đồng bộ nhiều biện pháp từ các cơ quan chức năng, truyền thông và cộng đồng xã hội. Tại các Ngân hàng, từ ngày 01/01/2025, ngân hàng sẽ tạm dừng giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán, thẻ đối với những khách hàng có giấy tờ tùy thân hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng. Khách hàng cũng chỉ thực hiện được giao dịch rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên tài khoản thanh toán và thẻ khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng căn cước công dân gắn chip/căn cước và thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản, chủ thẻ với dữ liệu sinh trắc học được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của Bộ Công an. Những thông tin này cũng góp phần ngăn chặn hành vi sử dụng giấy tờ giả và loại bỏ các tài khoản ngân hàng không chính chủ. Trước đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Quyết định số 2345/QĐ-NHNN về việc triển khai các giải pháp về an toàn bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân

hàng. Theo đó, từ ngày 01/7/2024, tất cả ngân hàng, trung gian thanh toán sẽ phải áp dụng một chính sách chung đối với khách hàng cá nhân khi giao dịch phải kiểm tra dấu hiệu sinh trắc học. Cung cấp thông tin cho phóng viên, đại diện Ngân hàng Nhà nước cho biết, chỉ sau hơn một tháng triển khai, Quyết định số 2345/QĐ-NHNN đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc phòng, chống lừa đảo. Đã có khoảng 31,6 triệu lượt khách hàng đăng ký thông tin sinh trắc học thành công, số vụ lừa đảo đã giảm đáng kể. Thời gian tới, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm bảo mật hoạt động thanh toán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

Dự báo thời gian tới, tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhất là lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên Internet tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, xu hướng gia tăng với thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây thiệt hại lớn về tài sản của người bị hại. Để tăng cường phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với loại tội phạm này, cần tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật nói chung và phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác phòng ngừa, tố giác tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Các giải pháp trong trong đấu tranh, phòng ngừa với loại tội phạm mới này như sau:

Thứ nhất, Bộ Công an cần đẩy mạnh công tác phòng ngừa xã hội và nghiệp vụ, đồng thời chỉ đạo các đơn vị chức năng xử lý nghiêm minh các vụ việc liên quan đến lừa đảo trực tuyến. Việc đơn giản hóa thủ tục trình báo tội phạm, tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin như đường dây nóng và hộp thư điện tử, là cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho nạn nhân tố giác tội phạm.

Thứ hai, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông đại chúng để nâng cao ý thức của người dân về các hình thức lừa đảo trực tuyến. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức cảnh giác của người dân được xác định là biện pháp hiệu quả nhất hiện nay. Các cơ quan báo chí có thể phối hợp với các tổ chức xã hội và các công ty truyền thông để đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, ví dụ như phát tờ rơi, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về an toàn mạng, và sản xuất phim ngắn minh họa về các chiêu trò lừa đảo. Đặc biệt, việc tập trung tuyên truyền cho các nhóm dễ bị tổn thương như người cao tuổi, sinh viên và người lao động thu nhập thấp là rất quan trọng để giảm thiểu nguy cơ họ trở thành nạn nhân. Các đối tượng lừa đảo, chiếm dụng tài sản trên không gian mạng hoạt động chuyên nghiệp, có tổ chức, có phân công cụ thể, xây dựng kịch bản chi tiết cho từng giai đoạn phạm tội. Chỉ một phút lơ là, thiếu kiến thức cơ bản người dân sẽ dễ bị sập bẫy. Để phòng chống loại tội phạm này cần đa dạng hình thức tuyên

truyền, phòng ngừa, chú trọng tuyên truyền tới nhóm thường bị các đối tượng lừa đảo hướng đến là phụ nữ, công nhân, người cao tuổi. Người dân cần tự nâng cao ý thức cảnh giác, tự quản, tự phòng, tự đề kháng để chủ động phòng ngừa tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đã khuyến cáo người dân cần thực hiện “4 không”: không sợ (không mất bình tĩnh khi nhận được điện thoại, tin nhắn từ người lạ), không tham (không tham tài sản, quà, phần thưởng không rõ nguồn gốc, không “dính bẫy” trước những lời mời chào “việc nhẹ - lương cao”), không kết bạn với người lạ (không bắt chuyện, không tham gia nhóm đầu tư tài chính), không chuyển tiền (khi nhận được yêu cầu của người lạ hoặc chưa xác định đúng là người thân, người quen).

Đồng thời, mỗi người dân cần thực hiện “2 phải”: phải bảo mật thông tin (hình ảnh, thông tin thẻ căn cước công dân; thông tin tài khoản ngân hàng; thông tin tài khoản mạng xã hội), phải tố giác ngay (khi nhận được các cuộc gọi, tin nhắn nghi ngờ là giả mạo, lừa đảo hoặc không có cơ sở, phải báo ngay cho cơ quan công an gần nhất để được hướng dẫn xử lý).

Thứ ba, Công an các đơn vị, địa phương cần tập trung lực lượng, chủ động rà soát, nắm tình hình, lên danh sách các đối tượng hình sự, các băng nhóm có biểu hiện hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản; làm tốt công

tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, kịp thời phát hiện, lập hồ sơ quản lý, đấu tranh, xử lý các đối tượng; phối hợp kịp thời trong công tác điều tra, truy tố, xét xử công khai đối với các vụ án đã được phát hiện nhằm răn đe, giáo dục, tuyên truyền cho nhân dân biết; xây dựng cơ chế phối hợp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, viễn thông, ngân hàng trong trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm trên không gian mạng.

Thứ tư, cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước để kiểm tra, rà soát các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến các lĩnh vực dễ bị tội phạm lừa đảo lợi dụng như đầu tư tài chính, thanh toán điện tử, và kinh doanh qua mạng. Việc bổ sung và sửa đổi các văn bản luật để phù hợp với tình hình thực tế cũng như hoàn thiện quy chế phối hợp sẽ giúp ngăn chặn và thu hồi tài sản bị chiếm đoạt hiệu quả hơn.

Thứ năm, cần tăng cường tính răn đe, giáo dục đối với người vi phạm, đồng thời đảm bảo tốt hơn nữa quyền và lợi ích cho người bị xâm hại bằng việc điều chỉnh một số nội dung trong pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng như sau: tại điểm c Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau. Điểm c, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định như sau: “Dùng thủ đoạn gian dối

hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản hoặc đến thời điểm trả lại tài sản do vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả”. Có thể hiểu quy định trên theo hai cách sau:

Một là, điểm này quy định ba dạng hành vi độc lập, gồm: 1) Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản; 2) Bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản; 3) Đến thời điểm trả lại tài sản do vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Hai là, điểm này quy định ba dạng hành vi, gồm: 1) Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản do vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng; 2) Bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản do vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng; 3) Đến thời điểm trả lại tài sản do vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả. Có thể hiểu theo cách này, bởi nó tương thích với quy định của BLHS năm 2015 về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015: “Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình

thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả”.

Từ hai cách hiểu khác nhau trên đã khiến nhiều cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác nhau đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Điều này đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính sao cho rõ ràng, cụ thể hơn.

Thứ sáu, trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam, quy định về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có giá trị lý luận cũng như thực tiễn cao. Tuy nhiên, đối với “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” tại Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 lại có nhiều bất cập trong quy định, gây ra những khó khăn nhất định trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Có thể điểm qua một số bất cập trong quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015, cụ thể như sau: cụm từ “nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này” tại Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần thiết phải lược bỏ. Tức là biến Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 trở thành một điều luật quy định về loại tội phạm riêng. Nếu như hành vi lừa đảo trong lĩnh vực thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn,

kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì chắc chắn sẽ định tội danh về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” tại Điều 290 năm 2015. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cấu thành tội phạm quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 290 là cấu thành tội phạm riêng trong một lĩnh vực; trong khi đó cấu thành tội phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Điều 174) là cấu thành tội phạm chung. Khi một hành vi phạm tội đã thỏa mãn cấu thành tội phạm theo điểm d, khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đồng thời cũng thỏa mãn cấu thành tội phạm theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng cấu thành tội phạm theo điểm d, khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã phản ánh đúng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và do vậy, người có hành vi phạm tội chỉ bị coi là phạm một tội theo Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Trên đây là tổng thể các giải pháp nhằm đấu tranh, phòng ngừa với loại tội phạm lợi dụng không gian mạng, sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời gian tới cần sự vào cuộc của các cấp các ngành, đặc biệt là sự nâng cao ý thức của mỗi người dân để ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm trên. ■

B.B.T

NHỮNG THÁCH THỨC TỪ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ CÁC NGUY CƠ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG, TRỌNG TÂM TRONG ĐẢM BẢO AN NINH MẠNG, AN NINH THÔNG TIN NƯỚC TA HIỆN NAY

□ ThS. ĐẶNG TỔ LY *

Lịch sử loài người đã và đang trải qua 4 cuộc Cách mạng công nghiệp trong lịch sử. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất - Kỷ nguyên sản xuất cơ khí vào năm 1784, khởi nguồn từ nước Scotland, đặc trưng là cơ khí hóa với máy chạy bằng thủy lực và phát minh ra động cơ hơi nước (phát minh này của James Watt công bố năm 1775). Loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: từ năm 1871 - 1914, đặc trưng là động cơ điện, vận tải, hóa học, sản xuất thép và sản xuất trên cơ sở điện cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa và khởi nguồn từ Mỹ. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: từ năm 1969, với sự ra đời của công nghệ thông tin, sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất, được xúc tác bởi chất bán dẫn, siêu máy tính, laptop (từ năm 1970 - 1980), Internet (thập niên 1990), trung tâm và khởi nguồn từ Mỹ.

Ở giai đoạn hiện nay, chúng ta đang trải qua cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (The

Fourth Industrial Revolution - FIR) bắt đầu từ dự án trong chiến lược CNC của chính phủ Đức, thuật ngữ được sử dụng lần đầu vào năm 2011 tại Hội chợ Hannover; chính thức nhận diện khái niệm, nội hàm tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) lần thứ 46, ngày 20/01/2016. Với những đặc trưng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0), các vấn đề về an ninh phi truyền thống đã trở thành những yếu tố ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đồng thời, cũng đặt ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế. Theo thống kê của Liên hợp quốc, an ninh phi truyền thống đang đối mặt với hàng chục mối đe dọa. Trong đó, có những vấn đề cần được đặc biệt quan tâm như: khủng bố, ma túy, tin tặc, thảm họa môi trường, dịch bệnh, mua bán người, di cư trái phép, đặc biệt là vi phạm chủ quyền không gian mạng, an ninh không gian mạng, tội phạm công nghệ cao... cần có các giải pháp hữu hiệu để chủ động phòng ngừa, ứng phó.

Tác động của những thành tựu khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp

4.0 đến các mặt của đời sống xã hội là không thể phủ nhận. Với quy mô tốc độ phát triển chưa từng có trong lịch sử, tốc độ phát triển cấp số nhân, tác động to lớn về kinh tế và môi trường sinh thái. Với công nghệ số IoT (kết nối vạn vật) thông qua hệ thống các công nghệ kết nối và các nền tảng khác nhau, là một phân tích hợp của Internet tương lai bao gồm các phát triển của Internet và mạng hiện tại và tiến hóa với cơ sở hạ tầng mạng động toàn cầu dựa trên giao thức liên kết và tương tác “vạn vật” hữu hình và ảo sử dụng các giao diện thông minh Smart được tích hợp vào mạng thông tin một cách thông suốt. Viễn cảnh IoT: IoE : Internet năng lượng; IoS : Internet dịch vụ; IoM: Internet Truyền thông; IoP: Internet con người, Io : Internet vạn vật. IoT sẽ thay đổi cả phương thức hoạt động của một nền kinh tế tạo mô hình kinh doanh mới . IoT sẽ thay đổi cả phương thức hoạt động của một nền kinh tế tạo mô hình sản xuất - kinh doanh mới. Các siêu kết nối thông qua IoT và điện toán đám mây sẽ cho phép truyền thông tin và giao tiếp phổ quát toàn cầu gần như tức thời, xuất hiện những cách

* Học viện CSND

thức cung cấp hàng hóa dịch vụ mới nhanh hơn, hiệu quả hơn gấp nhiều lần so với trước đây.

Sự đột phá của khoa học công nghệ dựa trên nền tảng công nghệ số tích hợp công nghệ “thông minh” để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất, như công nghệ: AI (trí tuệ nhân tạo); công nghệ (CN) in 3D, CN sinh học, CN vật liệu mới, CN tự động hóa, Robot, công nghệ kết nối vạn vật (IoT) và Internet các dịch vụ (IoS). Đặc trưng của CM 4.0 là các hệ thống sản xuất thực-ảo (Cyber-Physical Systems-CPS), lần đầu tiên được TS Jame Truchat, Giám đốc điều hành của National Instrument đưa ra vào năm 2006, trong đó, thiết bị thông minh làm việc với nhau qua mạng không dây hoặc qua “đám mây”. Với sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo AI (Artificial Intelligence) sẽ thay thế con người đảm nhận nhiều công việc khó đòi hỏi sự chính xác cao.

Từ góc độ lý thuyết, từ năm 1994, một số học giả quốc tế đã đề cập đến mối quan hệ giữa “không gian mạng” và “chủ quyền quốc gia” hay sự liên quan trong việc áp dụng các lý thuyết trong quan hệ quốc tế đối với Internet. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và Internet đi kèm với sự nổi lên của các vấn đề an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, do thám mạng, nguy cơ xung đột, chiến tranh mạng giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế...

Những vấn đề này đặt ra yêu cầu về quản lý, bảo vệ lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc trên không gian mạng hay còn được

hiểu chung trong thuật ngữ “chủ quyền không gian mạng”. Có nhiều ý kiến cho rằng, chủ quyền quốc gia tồn tại trong không gian mạng vì có sự tồn tại của các kết cấu hạ tầng thiết yếu để không gian mạng hình thành và chủ quyền không gian mạng có thể được coi là sự nối dài về quy tắc lãnh thổ trong chủ quyền.

Bên cạnh sự phát triển như vũ bão của Internet và không gian mạng ngày càng mở rộng không giới hạn thì nhận thức về chủ quyền không gian mạng, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống là nhiệm vụ chiến lược, cấp bách hiện nay. Về chủ quyền không gian mạng ở Việt Nam, dưới góc độ lý luận, từ năm 2014, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều văn bản đề cập đến vấn đề “bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia” trên cơ sở nội dung về các nguy cơ, biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh, bảo vệ bí mật quốc gia trong không gian mạng, như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 25/7/2018, của Bộ Chính trị khóa XII, “Về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng”; Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25/7/2018, của Bộ Chính trị, “Về Chiến lược an ninh mạng quốc gia”... Đây là Nghị quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược của Đảng trong bảo vệ vùng “lãnh thổ đặc biệt” của quốc gia, góp phần tạo ra hệ thống hoàn chỉnh trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trên cơ sở đánh giá một cách khách quan,

toàn diện về đặc điểm tình hình cùng những nguy cơ, thách thức và yêu cầu về bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Đảng ta xác định: phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong xây dựng tiềm lực, lực lượng, thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân trên không gian mạng vững chắc, rộng khắp; xác lập, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, chúng ta cần nhất quán các quan điểm chỉ đạo của Đảng là: (1). Giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, đồng thời xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị. (2). Xác lập, quản lý và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc trên không gian mạng theo lãnh thổ, trên cơ sở pháp luật Việt Nam và tuân thủ luật pháp quốc tế. (3). Tổ chức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng trong thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân và thể trận chiến tranh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng với nhiệm vụ xây dựng, phát triển không gian mạng an toàn, lành mạnh và rộng khắp tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước. (4). Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào

sức mình chính là nhân tố quyết định; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trên không gian mạng.

Có thể thấy, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đều thống nhất quan điểm chỉ đạo về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Quan niệm về an ninh mạng, không gian mạng còn được thể hiện trong Luật An ninh mạng năm 2019 quy định tại Điều 2 như sau: (1) An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. (2) Bảo vệ an ninh mạng là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng. (3) Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. (4) Không gian mạng quốc gia là không gian mạng do Chính phủ xác lập, quản lý và kiểm soát.

Về bản chất vật lý, kỹ thuật, “không gian mạng” có cấu trúc ba lớp: Hạ tầng truyền dẫn vật lý bao gồm các thiết bị phần cứng công nghệ thông tin kết nối một cách hợp lý với nhau, tạo ra các loại mạng; hạ tầng



dịch vụ lỗi và các dịch vụ tạo ra các giao thức để lưu trữ, xử lý, trao đổi thông tin, chủ yếu bao gồm các quy định chuẩn, hệ điều hành, các công nghệ nền tảng như công nghệ phần mềm, công nghệ mạng, giao diện, phương thức giao tiếp, giao thức, truyền dẫn xử lý thông tin, điều khiển... phần mềm ứng dụng với việc tạo các thư viện và dịch vụ dùng chung; hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng để thông tin dưới dạng số được tạo ra, lưu trữ, xử lý trao đổi nhằm phục vụ nhu cầu cuộc sống và tác động đến nhận thức của con người.

Về tính chất xã hội, “không gian mạng” là môi trường xã hội đặc biệt của con người hội tụ đủ 06 thành tố: (1) chính sách, pháp luật; (2) năng lực công nghệ; (3) nội dung thông tin; (4) nguồn nhân lực; (5) cơ cấu tổ chức bộ máy; (6) ý thức của con người trên không gian mạng, tạo ra môi trường xã hội đặc biệt của con người. Từ những thách thức

trong quản lý không gian mạng của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam đã gia tăng mối đe dọa đối với an ninh phi truyền thống, mà trong đó cần xác định hiểm họa đến từ an ninh mạng có liên quan trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, từng quốc gia và toàn nhân loại. Ứng phó, giải quyết có hiệu quả những vấn đề của an ninh phi truyền thống, trọng tâm là an ninh mạng, đang đòi hỏi trách nhiệm của từng quốc gia, dân tộc và sự chung tay, hợp tác rộng rãi của cộng đồng quốc tế, trong đó có Việt Nam.

Trước hết, an ninh phi truyền thống là khái niệm tương đối mới trong khoa học nghiên cứu về lĩnh vực an ninh. GS Mely Caballero Anthony, Tổng Thư ký Liên minh các cơ sở nghiên cứu về an ninh phi truyền thống ở châu Á (NTS-Asia) cho rằng, theo nghĩa rộng, an ninh phi truyền thống “đề cập đến sự chuyển hướng khỏi trọng tâm quân sự, nhà nước của các mô hình an ninh truyền thống.”

NTS-Asia định nghĩa: “Các vấn đề an ninh phi truyền thống là các thách thức đối với sự tồn vong và thịnh vượng của con người và các nhà nước, xuất hiện chủ yếu trong các nguồn phi quân sự, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, nguồn tài nguyên cạn kiệt, bệnh truyền nhiễm, thiên tai, di cư trái phép, tình trạng thiếu lương thực, đưa người di cư trái phép, buôn bán ma túy trái pháp luật và tội phạm xuyên quốc gia. Những mối nguy hiểm này thường xuyên quốc gia về phạm vi, bất chấp các biện pháp khắc phục đơn phương và đòi hỏi sự ứng phó toàn diện - chính trị, kinh tế, xã hội, cũng như sử dụng lực lượng quân sự nhân đạo”.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 6 giữa các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc ngày 01/11/2002, cụm từ “an ninh phi truyền thống” chính thức xuất hiện trong “Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống” và thống nhất trong nhận thức rằng: “các vấn đề an ninh phi truyền thống như buôn bán ma túy bất hợp pháp, mua bán người bao gồm mua bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm mạng, đã trở thành những yếu tố bất ổn quan trọng, ảnh hưởng đến an ninh khu vực, quốc tế và đang đặt ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định của khu vực và quốc tế”.

Trong từng lĩnh vực cụ thể, giữa các vấn đề an ninh truyền

thống và an ninh phi truyền thống có sự tác động, đan xen lẫn nhau. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ về sự khác nhau trên một số phương diện chính giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống như sau: An ninh truyền thống nhấn mạnh đến bảo đảm an ninh quốc gia bằng sử dụng biện pháp quân sự là chủ yếu, các biện pháp chính trị, ngoại giao chỉ mang tính chất hỗ trợ; thì biện pháp đảm bảo an ninh phi truyền thống đa dạng hơn và chủ yếu mang tính chất phi quân sự, với hợp tác, phối hợp hành động; thúc đẩy phát triển kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện an sinh xã hội...

An ninh truyền thống lấy chủ quyền quốc gia làm trung tâm, nhấn mạnh đến các mối đe dọa có nguồn gốc từ bên ngoài; An ninh phi truyền thống lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh đến việc bảo đảm cho mỗi cá nhân trong cộng đồng được hưởng các quyền cơ bản và điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực của mình. Vì vậy, nguy cơ An ninh phi truyền thống có thể đến từ cả bên ngoài lẫn bên trong, trong đó nhấn mạnh những mối đe dọa từ bên trong mỗi quốc gia.

An ninh phi truyền thống là sự mở rộng trong nội hàm và ngoại diên của khái niệm An ninh truyền thống và khái niệm an ninh quốc gia, an ninh truyền thống. Thực tế những vấn đề an ninh phi truyền thống đã diễn biến hoặc phát sinh từ lâu nhưng hiện nay lại có những đặc điểm mới và được coi là một loại uy hiếp an ninh mới như chủ nghĩa

khủng bố, di dân phi pháp, thiếu hụt tài nguyên nước, môi trường sinh thái, buôn lậu ma túy... đang toàn cầu hóa, mạng lưới hóa với phương thức, thủ đoạn hoạt động, hậu quả có nhiều khác biệt so với trước đây.

An ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống trong một điều kiện nhất định có thể chuyển hóa lẫn nhau, điển hình như các vấn đề dân tộc thiểu số, xung đột tôn giáo, khủng hoảng kinh tế... trong nội bộ một nước có thể vượt qua biên giới quốc gia và lan tỏa ra bên ngoài, trở thành vấn đề xuyên quốc gia, mang tính toàn cầu, ảnh hưởng đến sự ổn định và an ninh của nước khác, khu vực khác... Ngoài ra, an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống cùng tác động, ảnh hưởng đến việc xây dựng chiến lược và chính sách an ninh của mỗi quốc gia nhằm ứng phó với những uy hiếp và thách thức mà an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống cấu thành.

Các thách thức an ninh phi truyền thống đặt ra nhiều khó khăn cho công tác quản trị của tất cả quốc gia. An ninh phi truyền thống tại khu vực Đông Nam Á và Việt Nam có tính chất rất khác so với các khu vực khác trên thế giới, do đây là khu vực có địa chính trị đặc biệt quan trọng, trong đó sự tranh chấp ảnh hưởng giữa các cường quốc là yếu tố chính ảnh hưởng đến toàn khu vực; kết hợp với nội tại khu vực Đông Nam Á là khu vực có nhiều quốc gia đang phát triển, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn định, dễ tác động đến an ninh

quốc gia của mỗi nước. An ninh mạng đã, đang là vấn đề nổi cộm hiện nay khi tội phạm công nghệ cao gia tăng, diễn biến phức tạp, sử dụng không gian mạng tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tấn công phá hoại, gây đình trệ hạ tầng công nghệ thông tin. Ngoài ra, còn một số biểu hiện khác, như tội phạm xuyên quốc gia; mua, bán người; phức tạp nhất là tội phạm ma túy tại các địa bàn biên giới.

Từ khái niệm an ninh phi truyền thống, mối liên hệ và sự khác biệt giữa an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống cho phép chỉ ra các đặc điểm mang tính nổi trội của phạm trù đã nêu mang tính thống nhất như sau:

(1) An ninh phi truyền thống được chia làm hai loại, có tính chất bạo lực và phi bạo lực. An ninh phi truyền thống có tính chất bạo lực “mang tính phi quân sự” ví dụ như: tội phạm khủng bố, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia... Còn an ninh phi truyền thống phi bạo lực này sinh và biểu hiện của vấn đề chưa có màu sắc hoạt động bạo lực như: ô nhiễm môi trường, khủng hoảng tài chính, tiền tệ, bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm hoành hành ...

(2) An ninh phi truyền thống có đặc điểm mở rộng, lan tràn và có tính xuyên quốc gia. Đó là tiêu chuẩn quan trọng để phân biệt một vấn đề là thuộc lĩnh vực an ninh phi truyền thống hay là vấn đề lĩnh vực an ninh quốc gia của riêng một nhà nước mà không mang tính quốc tế. Rõ ràng, thiếu

hạt tài nguyên, bùng nổ dân số, môi trường sinh thái xấu đi, xung đột tôn giáo dân tộc, khủng hoảng kinh tế và tài chính tiền tệ, chủ nghĩa khủng bố, tấn công mạng thông tin, phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu ma túy, nạn di dân kinh tế và di dân bất hợp pháp, lan tràn dịch bệnh truyền nhiễm, tội phạm cướp biển, rửa tiền phi pháp... đều ít nhiều mang tính xuyên quốc gia. Đặc trưng đó cho thấy, vấn đề an ninh phi truyền thống có ảnh hưởng và tác dụng quan trọng đối với quan hệ giữa các quốc gia, khu vực và quan hệ quốc tế.

(3) An ninh phi truyền thống đe dọa, uy hiếp đối với sinh mệnh, đời sống xã hội của công dân các nước và an ninh quốc gia, an ninh khu vực cũng như an ninh toàn cầu, nhưng phương thức, mức độ, thời gian và hậu quả gây ra khác nhau. An ninh phi truyền thống không chỉ tác động ảnh hưởng đến sinh mệnh, đời sống của quốc gia bị chi phối, mà nó còn ảnh hưởng đến các quốc gia, vùng lãnh thổ lân cận trong khu vực lân cận và thậm chí toàn thế giới. Nhiều nội dung của an ninh phi truyền thống còn ảnh hưởng đến tất cả các nước, các khu vực trên toàn thế giới. Ví dụ: vấn đề an ninh môi trường, vấn đề các loại dịch bệnh nguy hiểm truyền nhiễm... nó không chỉ ảnh hưởng đến một quốc gia nào mà có thể lan tràn, ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia khác. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng và tác động đến các quốc gia, các vùng lãnh thổ theo các phương thức, mức độ,

thời gian và hậu quả khác nhau, có nước, khu vực bị tác động, ảnh hưởng nhiều, có nước, khu vực bị ảnh hưởng ít, tùy thuộc vào các yếu tố khác, cũng như vị trí địa lý.

(4) Các vấn đề của lĩnh vực an ninh phi truyền thống có tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Vấn đề an ninh ở một phương diện nào đó có thể dẫn đến hoặc kích thích bùng phát vấn đề an ninh khác và khiến cho ảnh hưởng và nguy hại mà nó tạo ra xuất hiện hiệu ứng nâng cấp lớn hơn, rộng hơn và nhanh hơn như sự nghèo đói, xung đột bộ tộc ở khu vực hồ lớn ở châu Phi liên quan đến vấn đề dân tị nạn; các hoạt động tội phạm và chủ nghĩa khủng bố cũng như tin tặc dưới nhiều hình thức câu kết lẫn nhau, buôn lậu ma túy và rửa tiền phi pháp, kinh tế ngầm, tội phạm có tổ chức và di dân bất hợp pháp, môi trường sinh thái xấu đi vì dân tị nạn và môi trường đều có liên hệ với nhau.

Như vậy, khái quát lại an ninh phi truyền thống mang một số đặc điểm: an ninh phi truyền thống mang tính xuyên quốc gia rõ nét; an ninh phi truyền thống mang tính phi chính phủ; an ninh phi truyền thống có sự chồng lấn tương đối giữa thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu; an ninh phi truyền thống có tính chất bạo lực và tính chất phi bạo lực. Tính chất bạo lực trong an ninh phi truyền thống có đặc trưng phi quân sự như chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc

gia..tính chất phi bạo lực như các vấn đề ô nhiễm môi trường, sinh thái xấu đi, khủng hoảng tài chính - tiền tệ, bệnh dịch hoành hành, lũ lụt, thiên tai, cạn kiệt tài nguyên... Nội hàm của vấn đề an ninh phi truyền thống mang tính chất “động” và cùng với thời gian, có thể tiếp tục được mở rộng hơn, không phải ngẫu nhiên mà cách đặt vấn đề về an ninh phi truyền thống của các quốc gia, khu vực và cộng đồng có những điểm khác nhau nhất định. Việc xác định những vấn đề cụ thể nào đó trong nội hàm của vấn đề an ninh phi truyền thống chỉ mang ý nghĩa tương đối, nhằm phục vụ cho việc hoạch định, xây dựng chính sách, chiến lược an ninh của đất nước và những cam kết an ninh song phương, đa phương trong hợp tác, liên kết quốc tế, mặt khác là để so sánh sự khác biệt với vấn đề an ninh truyền thống của từng quốc gia cũng như từng khu vực và trên toàn thế giới.

Tính chất nguy hiểm của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ biểu hiện ở mức độ hủy hoại, sự tàn phá của nó đối với cuộc sống của con người, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định xã hội, sự tồn vong của cả cộng đồng, hiệu quả thực tế của hợp tác và hội nhập toàn cầu; thậm chí còn làm nảy sinh các vấn đề về an ninh quân sự.

Các thảm họa thiên nhiên, động đất, sóng thần, bão lụt, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên... ngày càng thách thức các thành tựu của khoa học, kỹ thuật hiện đại và khả năng,

nỗ lực của con người. Khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, những vấn đề tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... đang thử thách nghiêm ngặt năng lực điều hành của các chính phủ, sự vững chắc của các thể chế chính trị và các nền kinh tế, kể cả nền kinh tế giàu mạnh nhất, cũng như tính khả thi, bền vững của các liên kết quốc tế.

Như vậy, những nguy cơ, thách thức từ an ninh phi truyền thống mà trọng tâm là đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin của Nhà nước ta trước nguy cơ bị các loại tội phạm lợi dụng, tấn công, làm đe dọa đến hệ thống hạ tầng thông tin và quản trị quốc gia có thể xảy ra như sau:

Một là, các loại tội phạm sử dụng không gian mạng để tấn công nhằm phá hoại, gây đình trệ hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Mục tiêu tấn công là các hệ thống thông tin quan trọng như Chính phủ điện tử; hệ thống điều khiển giao thông đường bộ, đường hàng không, cung cấp điện, nước, điều khiển nông nghiệp công nghệ cao; các sân bay, nhà ga, bến cảng, ngân hàng...

Theo Báo cáo chỉ số an toàn thông tin toàn cầu 2017 của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) thuộc Liên hợp quốc, Việt Nam xếp hạng 120/193 quốc gia trên thế giới, 10/11 quốc gia Đông Nam Á, 23/29 quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng. (Kết quả này được đưa ra dựa trên việc xác định vị trí

những địa chỉ IP khởi động các cuộc tấn công. Trong một số trường hợp, các địa chỉ IP được tin tặc sử dụng có thể là địa chỉ các proxy để ẩn đi vị trí thực sự của chúng).

Hai là, tấn công vào cơ sở dữ liệu các cơ quan, tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn nhằm thu thập, trộm cắp thông tin, dữ liệu, Tháng 7.2016, trang web của Vietnam Airline cũng bị hacker tấn công và hậu quả là rất nhiều thông tin cá nhân của khách hàng đã bị lộ; trong các ngày 08,09,10.3.2017, tin tặc đã tấn công, thay đổi giao diện website Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Phú Quốc, Rạch Giá.

Ba là, tấn công nhằm chiếm quyền điều khiển máy tính, thiết bị số, truy cập bất hợp pháp vào hệ thống công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chiếm quyền điều khiển từ xa, thay đổi giao diện Website hoặc cơ sở dữ liệu... nhằm mục đích tống tiền hoặc hạ uy tín của các đơn vị này. Hệ thống mạng thông tin của ngành hàng không tại của nước ta cũng đã và đang là mục tiêu hàng đầu của tấn công, khủng bố mạng.

Bốn là, lợi dụng kết nối Internet để thực hiện tội phạm, nổi lên là lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hoạt động kinh doanh đa cấp, thương mại điện tử; gian lận, trộm cắp trong hoạt động thanh toán thẻ và thanh toán điện tử; trộm cắp, mua bán thông tin thẻ tín dụng nhằm chiếm đoạt tài sản; đánh bạc và tổ chức đánh bạc thông qua mạng Internet; trộm cắp tài khoản người dùng

mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; truyền bá, phát tán ấn phẩm đồi trụy, tổ chức môi giới mại dâm, phát tán ảnh đồi trụy, hình ảnh riêng tư để làm nhục người khác.

Năm là, tội phạm sử dụng công nghệ cao đang ngày càng gây ra những thiệt hại lớn đối với sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn thế giới. Theo dự báo của trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT), xu hướng khai thác và tấn công từ các thiết bị IOT như camera, smart TV là một trong 5 xu hướng tấn công mạng.

Từ những thủ đoạn trên cần áp dụng các biện pháp chủ động đảm bảo an ninh mạng, cốt lõi trong vấn đề bảo đảm an ninh phi truyền thống trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện, nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thông tin mạng quốc gia cho các cơ quan, ban, ngành, địa phương; các công trình hạ tầng trọng yếu có kết nối mạng, các tập đoàn kinh tế quan trọng. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin, thiết bị công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thông tin mạng quốc gia cho các cơ quan trung ương và địa phương; các công trình hạ tầng trọng yếu, các tập đoàn kinh tế quan trọng có kết nối mạng. Các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia được xác định, áp dụng các biện pháp bảo vệ tương xứng, liên tục từ giai đoạn thiết kế, xây dựng, phát triển, vận hành và sử dụng.

Thứ hai, xây dựng môi trường không gian mạng lành

mạnh: Nhận thức, năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thông tin mạng quốc gia của toàn xã hội được nâng cao. Người sử dụng có kiến thức cơ bản về bảo mật trong môi trường mạng; thường xuyên được cập nhật về tình hình, mức độ rủi ro mất an toàn thông tin để có thể tự phòng ngừa hiệu quả. Hệ thống mạng thông tin bảo đảm các tiêu chuẩn về bảo mật. Các doanh nghiệp công nghệ thông tin trong nước lớn mạnh, làm chủ thị trường, không bị lệ thuộc vào sản phẩm của nước ngoài. Các loại hình báo chí chính thống giữ vai trò chủ đạo, định hướng dư luận để đủ sức đề kháng đối với các thông tin xấu, độc trên không gian mạng.

Thứ ba, xây dựng lực lượng chuyên trách đủ năng lực, chủ động đối phó với mọi nguy cơ xảy ra trên không gian mạng: Lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh thông tin, an ninh không gian mạng quốc gia trực thuộc Bộ Công an; lực lượng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên không gian mạng trực thuộc Bộ Quốc phòng; lực lượng bảo đảm an toàn thông tin trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đủ năng lực, sẵn sàng, chủ động đối phó với mọi nguy cơ xảy ra trên không gian mạng.

Thứ tư, việc xử lý vấn đề an ninh phi truyền thống (nếu tiếp cận dưới góc độ khoa học luật hình sự) đòi hỏi Nhà nước có các biện pháp về phương diện pháp lý hình sự (sửa đổi quy định của Bộ luật Hình sự), kết hợp với tổng thể các biện pháp khác (chính trị, ngoại giao, quân

sự, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội, văn hóa...) để xử lý hiệu quả vấn đề này (trên bình diện thực tiễn).

Thứ năm, quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng được mở rộng và tăng cường: (1) Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các nước trên thế giới về bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thông tin mạng quốc gia, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đấu tranh phản bác luận điệu sai trái của các thế lực thù địch chống Việt Nam. (2) Tham gia các công ước, thỏa thuận quốc tế về bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thông tin mạng quốc gia, phòng, chống tội phạm mạng phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. (3) Triển khai có hiệu quả, thiết thực các Nghị định thư, thỏa thuận hợp tác về phòng chống tội phạm mạng đã ký kết với các nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống làm cho bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, của mỗi dân tộc nói riêng trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Do đó, chúng ta cần tập trung nguồn lực để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Vấn đề gìn giữ những giá trị truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, thuần phong mỹ tục, những giá trị đạo đức, lối sống đang là đòi hỏi cấp bách đối với mỗi công dân. ■

Đ.T.L

PHÂN TÍCH PHÁP LÝ VỀ VỤ VỤ DÀN DỰNG BẮT CỐC TỔNG TIỀN

□ ThS. ĐINH PHƯƠNG THẢO *

Tóm tắt: Tác giả đưa ra hai vụ việc xảy ra trong thực tiễn bảo vệ pháp luật có cùng tính chất hành vi giống nhau nhưng hướng xử lý không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Tác giả phân tích pháp lý hành vi của các đối tượng, so sánh, đối chiếu với quy định của pháp luật Hình sự hiện hành để đánh giá và kiến nghị với cơ quan tiến hành tố tụng.

Tóm tắt nội dung vụ việc

Vụ việc thứ nhất:

Ngày 21/5/2023 Công an huyện Tân Phú (Đồng Nai) cho hay đã bắt khẩn cấp Trần Công Minh (32 tuổi, ngụ xã Phú Bình) và Võ Gia Quyển (33 tuổi, quê Lâm Đồng) để điều tra về hành vi cưỡng đoạt tài sản. Theo trình báo của bà Chế Thị Ty (56 tuổi, mẹ của Minh), sáng 17/5, một người không rõ tên tuổi điện thoại thông báo đang bắt giữ Minh. Đồng thời yêu cầu bà Ty phải trả thay tiền nợ 230 triệu đồng cho con trai. Người lạ này nói trong vòng 3 ngày nếu không trả đủ tiền sẽ chặt tay Minh gửi về nhà. Ngoài ra, người đó cũng cho bà Ty nghe tiếng kêu cứu của Minh “đang bị đánh, bị nhốt trong chuồng gà” và đe dọa không được báo công an, nếu không sẽ “không gặp lại con”. Sau cuộc gọi, kẻ tổng tiền tắt nguồn điện thoại, bà Ty nhiều lần gọi điện nhưng không được. Nhiều lần cố gắng liên hệ con trai nhưng không được, bà đã đến công an trình báo.

Công an huyện Tân Phú tổ chức lực lượng điều tra, bắt giữ Quyển lẫn Minh. Bước đầu Minh và Quyển khai đã bàn kịch bản để Quyển điện thoại đóng giả kẻ bắt cóc gọi cho bà Ty để tổng tiền. Từ ngày 17 đến ngày 19/5/2023, Quyển gọi thêm 3 cuộc điện thoại đe dọa bà Ty phải chuyển trả tiền. Đặc biệt, để gây áp lực bà Ty phải chuyển tiền nhanh, Minh và Quyển còn diễn màn kịch kêu la thảm thiết, dùng tay tự tát vào mặt, la ó bị nhốt ở trong chuồng gà, không có chiếu nằm, mỗi bữa cho một ổ bánh mì để ăn. Lo lắng cho tính mạng con trai, bà Ty đã chuyển đến tài khoản của Quyển số tiền 5 triệu đồng. Đến trưa 20/5, trong lúc cả Minh và Quyển đang bàn bạc tiếp tục đe dọa bà Ty để chiếm đoạt tiền thì bị công an bắt giữ. Công an huyện Tân Phú đã ra quyết định tạm giữ hình sự đối với Minh và Quyển để tiếp tục điều tra về hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Vụ việc thứ hai:

Khoảng 23h ngày 17/5/2023, trên đường Tôn Đức Thắng đoạn qua xã Phú Hội,

huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, một nhóm người đi đường phát hiện một phụ nữ bị trói chân bằng dây dù, và trên người có vết thương nên đã đưa vào Trung tâm Y tế Nhơn Trạch cấp cứu. Sau khi được chữa trị, nạn nhân khai báo tên là Nguyễn Thị Phương, trú xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình. Bà Phương cũng khai mình bị bắt cóc, tổng tiền. Bà Phương được xác định là vợ của ông Nguyễn Hải Sơn, giám đốc Công ty TNHH cơ khí Hải Sơn, trụ sở tại TP Đồng Hới. Theo ông Sơn, ngày 27/4/2023, giữa ông và vợ có xảy ra mâu thuẫn. Sau đó vài ngày thì vợ lái chiếc xe hiệu Audi của gia đình đi và “mất tích”. Khoảng 10 ngày sau, có một số máy lạ thông báo vợ bị bắt cóc và đòi 10 tỉ đồng tiền chuộc, sau khi thương lượng đã giảm xuống 5 tỉ đồng và “chốt” giá 3,5 tỉ đồng. Ông Sơn đã trình báo với công an TP Đồng Hới sự việc này. Công an TP Đồng Hới đang xác minh thì nhận được thông tin từ công an huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai phát hiện bà Phương trong tình trạng như

* Học viện CSND

bị bắt cóc. Qua điều tra, xác minh và thu thập các tài liệu, lời khai của những người có liên quan, Cơ quan điều tra xác định không có việc bà Nguyễn Thị Phương bị bắt cóc, tống tiền. Các tình tiết liên quan đến hành vi bắt cóc, bị đánh đập, trói tay, kêu cứu và nhắn tin đe dọa, gọi điện đòi tiền chuộc đều do bà Phương tự dàn dựng và thuê người phối hợp. Mục đích của bà Phương là để người nhà tưởng mình bị bắt cóc thật và không truy xét việc bỏ nhà đi trong thời gian dài.

Ngày 15/6/2023 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã có kết luận cuối cùng về việc bà Nguyễn Thị Phương, vợ chủ doanh nghiệp Hải Sơn, trú xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới báo tin mình bị bắt cóc sau đó tống tiền. Đơn vị này cũng đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, đồng thời ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị Phương về hành vi cung cấp thông tin giả đến cơ quan công an.

Có nhiều ý kiến cho rằng việc Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính đối với bà Nguyễn Thị Phương về hành vi cung cấp thông tin giả đến cơ quan Công an là hành chính hóa vụ việc hình sự, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Một số phân tích pháp lý

Hai vụ việc trên đây đều thu hút sự chú ý của dư luận cả nước, hành vi dựng chuyện bị bắt cóc để chiếm đoạt tài sản của người thân không phải mới xuất hiện nhưng lại có dấu hiệu gia tăng những năm gần đây. Để

đánh giá việc xử lý vụ việc thứ hai đúng hay chưa đúng cần phân tích trên cơ sở so sánh các tình tiết ở hai vụ việc đã xảy ra và đối chiếu với quy định của pháp luật.

Cả hai vụ việc này có điểm chung là đều có liên quan đến địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các đối tượng thực hiện hành vi đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Ở cả hai vụ việc, các đối tượng đều tự tạo dựng hoàn cảnh bị bắt cóc để ra yêu sách đối với thân nhân, đòi người nhà bỏ tiền ra chuộc mình. Để thực hiện hành vi này, các đối tượng có quá trình tính toán tỉ mỉ, có sự phối hợp với các đối tượng khác để trợ giúp, tạo dựng màn kịch bị bắt cóc hoàn hảo như thật: bị tra tấn, khóa, trói, nhốt, bị gây thương tích thậm chí tự tạo ra thương tích cho bản thân... để uy hiếp người nhà (bố mẹ, vợ chồng) phải giao tiền nếu không sẽ chặt tay, chân thậm chí giết chết con tin. Cả hai vụ việc trên, các đối tượng đều làm thân nhân lo lắng hoảng sợ phải lựa chọn giải pháp thỏa hiệp, đồng ý giao tiền (thậm chí đã giao tiền cho đối tượng).

Điểm khác biệt ở hai vụ việc trên là vụ thứ nhất các đối tượng chỉ ra yêu sách 230 triệu đồng (nạn nhân đã chuyển 5 triệu đồng) và bị xử lý hình sự. Ở vụ thứ hai, các đối tượng ra yêu sách đòi 10 tỉ đồng tiền chuộc, sau khi thương lượng đã giảm xuống 5 tỉ đồng và “chốt” giá 3,5 tỉ đồng (nạn nhân chưa chuyển tiền cho đối tượng). Tuy nhiên, ở vụ thứ hai cơ quan có

thẩm quyền lại ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự mà chỉ xử phạt hành chính.

Đối chiếu các hành vi trên với quy định của pháp luật Hình sự cho thấy: Ở cả hai vụ việc này không có dấu hiệu của tội phạm bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 nêu rõ: “Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 2 đến 7 năm”. Hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản phải thể hiện việc người bắt cóc dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác khống chế người bị bắt cóc khiến họ không thể thoát thân được và hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của kẻ phạm tội. Đồng thời việc bắt giữ này phải hoàn toàn trái với ý chí, lý trí của người bị bắt giữ, đối tượng đưa người bị bắt cóc giấu đi ở một nơi nào đó mà không muốn cho người khác biết, đặc biệt là đối với người thân, gia đình của người bị bắt cóc. Sau đó đối tượng bắt cóc ra yêu sách đòi tài sản để chiếm đoạt.

Trong hai trường hợp trên, các đối tượng tự tạo dựng (làm giả) hành vi bắt cóc để uy hiếp lấy tiền chuộc từ người thân (cha mẹ, chồng) chứ thực tế không có hành vi bắt cóc xảy ra. Bởi vậy, hành vi này có dấu hiệu của tội Cường đoạt tài sản quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cường đoạt tài sản là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác (lợi dụng bí mật đời tư, hành vi trái pháp luật trước đó của nạn nhân...) uy hiếp

ting thần để buộc chủ tài sản (hoặc người có trách nhiệm với tài sản) lo sợ hậu quả bất lợi mà phải giao tài sản.

Đối tượng Phương ở vụ việc thứ hai đã thuê người và tự tạo dựng vụ bắt cóc chính bản thân mình sau đó đe dọa sẽ dùng vũ lực làm cho anh Sơn (chồng Phương) bị đe dọa sợ hãi và lo lắng nếu không giao tài sản cho người phạm tội thì Phương sẽ bị đánh đập tra khảo, bị đau đớn về thể xác thậm chí bị giết chết. Thực tế các tình tiết liên quan đến hành vi bắt cóc, bị đánh đập, trói tay, kêu cứu và nhắn tin đe dọa, gọi điện đòi tiền chuộc đều do Phương tự dàn dựng và thuê người phối hợp thực hiện.

Tội cưỡng đoạt tài sản là tội có cấu thành hình thức, điều này được thể hiện ngay điều văn của điều luật “*nhằm chiếm đoạt tài sản*”, hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc để định tội, người phạm tội chỉ cần có ý thức chiếm đoạt và đã thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người có trách nhiệm về tài sản là tội phạm đã hoàn thành. Hậu quả của tội phạm chỉ để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm để xử lý theo khung hình phạt nặng hơn hoặc là tình tiết xem xét khi quyết định hình phạt.

Như vậy, việc Phương đe dọa dùng vũ lực, tạo dựng tình huống, tự gây thương tích... dù chưa chiếm đoạt được số tiền 3,5 tỷ đồng thì vẫn phải chịu TNHS về tội phạm này theo quy định của BLHS.

Các dấu hiệu về mặt chủ quan của tội phạm theo quy định

tội Cường đoạt tài sản được thực hiện do cố ý trực tiếp. Mục đích của người phạm tội là mong muốn chiếm đoạt được tài sản. Mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội có thể có trước, trong hoặc sau khi đã thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người có trách nhiệm về tài sản. Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc để xác định tội danh. Mục đích chiếm đoạt thể hiện ở hành vi ra yêu sách quyết liệt yêu cầu nạn nhân đưa tài sản.

Như vậy, yếu tố mấu chốt để xác định Phương có phạm tội Cường đoạt tài sản hay không là ở mục đích của phương có nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Sơn hay không? Mục đích, ý đồ của đối tượng phải thể hiện ra ngoài bằng hành vi khách quan cụ thể. Trong vụ việc này, Phương khai nhận mục đích là để người nhà tưởng mình bị bắt cóc thật và không truy xét việc bỏ nhà đi trong thời gian dài. Vậy cơ quan điều tra phải thận trọng đánh giá hành vi của Phương để xác định tội phạm. Trước hết Phương đã có hành vi quyết liệt yêu cầu anh Sơn chuyển tiền. Nếu chỉ để giải thích việc bỏ nhà đi trong thời gian dài (10 ngày) hoặc thử lòng chồng thì Phương có cần thiết phải thuê người tạo dựng các tình tiết liên quan đến hành vi bắt cóc, bị đánh đập, trói tay, kêu cứu và nhắn tin đe dọa, gọi điện đòi tiền chuộc hay không? Nếu không có mục đích chiếm đoạt thì có cần phải liên tục đàm phán yêu sách từ 10 tỉ đồng tiền chuộc, giảm xuống 5 tỉ đồng và chốt giá 3,5 tỉ đồng hay không?

Ngoài ra còn phải đánh giá vai trò của Phương với khối tài sản của ông Sơn (được tạo dựng chung hay do ông Sơn tạo ra?). Thời điểm Phương công bố mục đích là trước hay sau khi bị lực lượng Công an phát hiện sự việc bắt cóc là giả. Nếu trước khi hoặc ngay sau khi được lực lượng Công an tìm thấy Phương trình báo hoặc có chứng cứ khẳng định tạo dựng sự việc chỉ để “thử lòng” chồng thì có thể loại trừ mục đích chiếm đoạt. Nếu khi lực lượng Công an điều tra, xác minh làm rõ không có vụ bắt cóc nào xảy ra, mọi tình tiết là do Phương tự tạo sau đó Phương mới thú nhận mục đích thì không thể loại trừ Phương tống tiền bất thành.

Từ phân tích pháp lý trên cho thấy hai vụ việc có tính chất hành vi giống nhau nhưng cách xử lý của cơ quan tố tụng lại không thống nhất. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình và Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp cần xem xét thận trọng quyết định không khởi tố vụ án hình sự để tránh bỏ lọt tội phạm. ■

Đ.P.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1, <https://cadn.com.vn/bat-giu-doi-tuong-dan-dung-kich-ban-bi-bat-coc-de-tong-tien-me-ruot-post277867.html>

2, <https://baovephapluat.vn/phap-luat-ban-doc/bao-chi-cong-dan-su-that-vo-tre-dan-canh-bi-bat-coc-de-tong-tien-chong-10-ty-dong-57185.html>

3, Quốc Hội (2015) *Bộ luật Hình sự năm 2015*

TÍNH CHẤT PHÁP LÝ CỦA CHẾ ĐỊNH ÁN TREO TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

□ NGUYỄN THANH TUẤN *

Quản lý xã hội và duy trì trật tự xã hội là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước. Công cụ chủ yếu và hữu hiệu nhất để Nhà nước thực hiện nhiệm vụ này chính là pháp luật. Trong công tác duy trì trật tự xã hội thì việc đấu tranh chống tội phạm là một hoạt động quan trọng nhất và bất kỳ Nhà nước nào cũng sử dụng pháp luật hình sự để trấn áp tội phạm, đồng thời giáo dục người phạm tội. Cùng với việc quy định các hình phạt nhằm trừng trị các hành vi phạm tội, thì luật hình sự còn có các chế định đặc thù thể hiện tính nhân đạo nhằm cải tạo những người trót lầm lỡ mà nhất thời phạm tội. Án treo là một trong những chế định quan trọng của luật hình sự thể hiện rõ nét tính nhân đạo này.

Ở nước ta, chế định án treo được ra đời từ khá sớm trong lịch sử lập pháp Hình sự. Ngày 14/02/1946, Sắc lệnh số 21/SL về tổ chức các Tòa án quân sự, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành quy định về việc cho hưởng án treo đã thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước và được quy định chính thức tại Bộ luật Hình sự năm 1985. Đến nay, án treo được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hiện nay, để thống nhất áp dụng chế định án treo, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Theo Điều 1 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, quy định:

“Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần bắt họ phải chấp hành hình phạt tù”. Như vậy, án treo được hiểu là: (1) Án treo là một chế định pháp lý hình sự liên quan đến việc chấp hành hình phạt của người bị kết án; (2) Án treo không phải là hình phạt, mà là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, áp dụng cho người bị kết án phạt tù không quá 03 năm. Như vậy, khi giải quyết vụ án hình sự, đối với những tội phạm bị kết án không quá 03 năm, thì Tòa án có thể căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của người phạm tội để xem xét quyết định cho người

phạm tội được hưởng án treo; (3) Án treo được hiểu là tạm thời miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, hình phạt đối với người vi phạm pháp luật ở mức độ ít nghiêm trọng, khi bị xử phạt tù không quá 3 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và xét thấy không cần phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội mà vẫn có thể cải tạo được, tòa án có thể miễn chấp hành tại trại giam mà để cho người bị kết án tự cải tạo dưới sự giám sát, quản lý giáo dục của chính quyền tại địa phương tại nơi cư trú. Trong thời gian thử thách, nếu người bị kết án lại phạm tội mới thì tòa án quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt như đã ghi trong bản án cũ và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Nếu trong thời gian được hưởng án treo, người

* Học viện CSND

được hưởng án treo có nhiều tiến bộ thì tòa án có thể rút ngắn hoặc chấm dứt thời gian thử thách, người được hưởng án treo được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt và được xóa án tích khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định.

Chế định án treo trong một thời gian dài cho đến nay đã có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự bình yên cho xã hội. Đồng thời, khuyến khích người bị kết án tự lao động cải tạo để trở thành công dân có ích dưới sự giúp đỡ giám sát của chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức và gia đình. Đặc biệt, chế định án treo đã thể hiện rõ bản chất nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, thể hiện sự khoan hồng và tính ưu việt của chính sách hình sự xã hội chủ nghĩa.

Các điều kiện để được hưởng án treo được quy định tùy theo pháp luật của từng quốc gia có ghi nhận chế định này trong hệ thống hình phạt. Mặc dù là một chế định tiến bộ, song án treo không phải là một chế định được quy định trong hệ thống pháp luật của tất cả mọi quốc gia. Ở Việt Nam, chế định án treo được ghi nhận trong pháp luật Hình sự, đây là một chế định pháp luật thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta, một biểu hiện cụ thể của nguyên tắc trừng trị kết hợp với khoan hồng, giáo dục người phạm tội. Nhằm mục đích thể

chế hóa chính sách hình sự của Nhà nước ta và Hiến pháp năm 2013, Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã ghi nhận chế định Án treo tại Điều 65, cụ thể như sau:

“1. Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này.

4. Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

5. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành

án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Điều kiện người bị xử phạt tù có thể được xem xét cho hưởng án treo:

Thứ nhất, về mức hình phạt tù: Mức hình phạt tù là căn cứ đầu tiên để Tòa án xem xét cho người bị kết án tù có được hưởng án treo hay không. Dựa trên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, người bị kết án hình phạt tù không quá 03 năm đối với loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng thì có thể được xem xét cho hưởng án treo. Trong trường hợp người bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội mà khi tổng hợp hình phạt không quá 03 năm tù thì cũng có thể được xem xét cho hưởng án treo.

Thứ hai, về nhân thân người phạm tội: Điều kiện để được hưởng án người bị xử phạt tù có nhân thân tốt, tức chưa có tiền án, tiền sự, quá trình sinh sống, làm việc phải luôn chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc. Đối với các trường hợp đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người

bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể xem xét cho hưởng án treo.

Thứ ba, về tình tiết giảm nhẹ: Các tình tiết giảm nhẹ để xem xét cho hưởng án treo bắt buộc phải có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp nếu có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định các tình tiết mà người phạm tội thực hiện sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ bao gồm:



- Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

- Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;

- Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;

- Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;

- Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

- Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

- Bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;

- Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

- Phạm tội do lạc hậu;

- Người phạm tội là phụ nữ có thai; người đủ 70 tuổi trở

lên; người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- Người phạm tội tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

- Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án; Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

- Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

- Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

Thứ tư, về địa điểm cư trú và làm việc: Điều kiện bắt buộc nữa cho người bị kết án được hưởng án treo là phải có nơi cư trú rõ ràng, thường xuyên sinh sống hoặc nơi làm việc ổn định (thời hạn từ 01 năm trở lên theo hợp đồng lao động) để cơ quan,

tổ chức có thẩm quyền trực tiếp giám sát, giáo dục.

Thứ năm, về khả năng tự cải tạo: Trường hợp xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, khi xét việc cho người bị kết án được hưởng án treo, Hội đồng xét xử chủ yếu dựa vào 04 căn cứ gồm: mức hình phạt tù; nhân thân của người bị kết án; các tình tiết giảm nhẹ; địa điểm cư trú để phân tích từng căn cứ và đánh giá các căn cứ đó. Đồng thời đối chiếu với yêu cầu phòng ngừa và chống tội phạm ở từng loại tội trong môi trường xã hội cụ thể của từng thời kỳ để có thể kết luận về khả năng tự giáo dục, cải tạo của người bị kết án phạt tù với sự giúp đỡ của gia đình và xã hội để từ đó xác định chính xác việc quyết định đối với người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù hay cho họ được hưởng án treo.

Thời gian thử thách là thời gian cần thiết để cho người được hưởng án treo chứng tỏ sự tự cải tạo của mình trong điều kiện không bị cách ly khỏi đời sống xã hội. Đây là thời gian người phạm tội phải chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội nơi thường trú hoặc nơi làm việc; nếu trong thời gian thử thách được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình

sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Pháp luật quy định thời gian thử thách được ấn định bằng 2 lần mức hình phạt tù, nhưng phải giới hạn từ 01 - 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là từ ngày Bản án tuyên cho người phạm tội được hưởng án treo.

Ngoài ra, nhằm khuyến khích người được hưởng án treo tích cực tự giáo dục, rèn luyện bản thân để sớm trở thành người có ích cho xã hội, pháp luật đã quy định về việc rút ngắn thời gian thử thách, tức thời gian thử thách được giảm so với mức quy định ban đầu. Có 03 điều kiện bắt buộc để được Tòa án rút ngắn thời gian thử thách, đó là: (1) Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách của án treo; (2) Chấp hành nghiêm pháp luật, các nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự; (3) Tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động sản xuất, bảo vệ an ninh Tổ quốc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng; Được Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo đề nghị rút

ngắn thời gian thử thách bằng văn bản.

Điều kiện rút ngắn thời gian thử thách của án treo theo pháp luật Việt Nam:

Người được hưởng án treo có thể được Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo khi có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, cụ thể như sau:

- Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách của án treo;

- Có nhiều tiên bộ được thể hiện bằng việc trong thời gian thử thách người được hưởng án treo đã chấp hành nghiêm pháp luật, các nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 2019; tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động sản xuất, bảo vệ an ninh Tổ quốc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo đề nghị rút ngắn thời gian thử thách bằng văn bản.

Mức rút ngắn thời gian thử thách của án treo

Theo khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, tùy trường hợp cụ thể, người được hưởng án treo được rút ngắn thời gian thử thách theo từng mức như sau:

- Mỗi năm người được hưởng án treo chỉ được rút ngắn

thời gian thử thách một lần từ 01 tháng đến 01 năm. Người được hưởng án treo có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế chấp hành thời gian thử thách là ba phần tư thời gian thử thách Tòa án đã tuyên.

- Trường hợp người được hưởng án treo đã được cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo, nhưng không được Tòa án chấp nhận, nếu những lần tiếp theo mà họ có đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo tiếp tục đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho họ.

- Trường hợp người được hưởng án treo lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách còn lại nếu đủ các điều kiện về rút ngắn thời gian thử thách của án treo. Trong đó: (1) Lập công là trường hợp người được hưởng án treo có hành động giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản có giá trị trên 50 triệu đồng của nhà nước, tập thể, công dân trong thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn; có sáng kiến được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc có thành tích xuất sắc trong lao động, học tập, chiến đấu, công tác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, xác nhận;

(2) Mắc bệnh hiểm nghèo là trường hợp mà bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện quân đội cấp quân khu trở lên có kết luận là người được hưởng án treo đang bị bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị, như: Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ trướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3, suy thận độ 4 trở lên; HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội không có khả năng tự chăm sóc bản thân và có nguy cơ tử vong cao.

Trường hợp được hưởng án treo nhưng bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định thì bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đó. Cụ thể tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP quy định như sau:

- Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự 2019 từ 02 lần trở lên.

- Vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên đối với trường hợp người được hưởng án treo bỏ đi khỏi nơi cư trú không xin phép được xác định như sau:

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo bỏ đi khỏi nơi cư trú không xin phép, cơ quan có thẩm quyền căn cứ Điều 87, Điều 91 và Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019

lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, nhắc nhở lần 01 và triệu tập người này để tiếp tục thi hành án nhưng họ vẫn không có mặt theo giấy triệu tập nên cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm điểm vắng mặt và lập biên bản kiểm điểm vắng mặt. Trường hợp này được xác định là vi phạm nghĩa vụ lần 01.

- Căn cứ theo Điều 93 Luật Thi hành án hình sự 2019, cơ quan có thẩm quyền tiếp tục triệu tập người được hưởng án treo nhưng người này vẫn không có mặt nên bị lập biên bản nhắc nhở lần 02. Cơ quan có thẩm quyền tiếp tục triệu tập người được hưởng án treo nếu người này vẫn không có mặt thì lập biên bản xác nhận sự vắng mặt. Trường hợp này được coi là vi phạm nghĩa vụ lần 02.

Về thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo:

Điều 4 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP hướng dẫn: Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án đầu tiên cho hưởng án treo, cụ thể như sau:

- Trường hợp tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trường hợp tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, tòa án cấp phúc thẩm cũng cho hưởng án treo, thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trường hợp tòa án cấp sơ thẩm không cho hưởng án treo, tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm.

- Trường hợp tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, tòa án cấp phúc thẩm không cho hưởng án treo, nhưng tòa án cấp giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại và tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trường hợp tòa án cấp sơ thẩm, tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, nhưng bản án sơ thẩm và phúc thẩm bị hủy để điều tra lại và sau đó xét xử sơ thẩm lại và sau đó xét xử sơ thẩm, phúc thẩm lại vẫn cho hưởng án treo, thì thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm hoặc ngày tuyên án phúc thẩm lần sau theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Những hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP về án treo trong một thời gian dài đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất và điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử các vụ án hình sự, phù hợp với yêu cầu của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng các quy định của luật và những hướng dẫn trên còn nhiều vấn đề chưa thống nhất trong cách hiểu và áp dụng, cụ thể:

Một là, đối với trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian

bản án mà họ được hưởng án treo chưa có hiệu lực pháp luật. Đối với trường hợp này, cũng giống như trường hợp một người được hưởng án treo sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì lại phạm tội mới, đều có chung hậu quả pháp lý là người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù mà Tòa án đã cho hưởng án treo và tổng hợp hình phạt đối với tội phạm mới đã phạm. Vấn đề này đang tồn tại quan điểm cho rằng: việc người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian mà án chưa có hiệu lực pháp luật lại buộc họ phải chấp hành hình phạt tù là không công bằng và không đúng với tinh thần tại Điều 7, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 2 Luật Tố tụng hình sự năm 2010.

Hai là, đối với trường hợp người phạm tội trong thời gian thử thách, khi bị kết án thì có được hưởng án treo nữa hay không, thì theo tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật

này”. Theo quy định của điều luật có thể hiểu rằng người nào được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, không phân biệt lỗi cố ý hay vô ý, cũng không phân biệt tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hay tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, thì đều bị Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước rồi tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, chế định án treo thể hiện là một chế định pháp luật tiến bộ, biểu hiện cụ thể nguyên tắc trừng trị kết hợp với khoan hồng, tính nhân đạo trong pháp luật hình sự của nước ta. Tuy nhiên, việc áp dụng đúng đắn, chính xác chế định này sẽ tạo ra những hậu quả pháp lý tích cực, phát huy được mặt tiến bộ của luật pháp mà không cần phải đưa người phạm tội vào tù đồng thời vẫn đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội. Với phương châm “giáo dục - khoan hồng”, án treo không buộc người bị kết án cách ly khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho họ được hòa nhập cùng cộng đồng, họ vẫn được làm ăn, sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, theo dõi, giáo dục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. ■

N.T.T